

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC
ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẸM Ý ĐẢM BẢO GIÁ
TRỊ CỦA TRÁI PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP
PHÁP



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

HFC

*Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100108159 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp
lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 01/08/2019*

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 29 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng
khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 02 năm 2020*

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Địa chỉ: Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Tel: 024 3978 0731 - Fax: 024 3978 2341

Website: <http://www.hanoifuel.com.vn> - Email: nhan_dn@hanoifuel.com.vn

TÓ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3773 7070 - Fax: (024) 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn - Website: www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Đậu Ngọc Nhân – Phó Ban Kiểm soát nội bộ

Số điện thoại: 84-(24) 397 807 31; Fax: 84-(24) 397 823 41

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100108159 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 01/8/2019

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên trái phiếu:	Trái phiếu Chuyển đổi Công ty cổ phần Xăng dầu HFC
Loại trái phiếu	: Trái phiếu chuyển đổi
Thời gian đáo hạn	: 01 năm kể từ ngày phát hành
Lãi suất	: 0%
Kỳ hạn trả lãi	: Không
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu
Giá bán	: 100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng chào bán	: 200.000 Trái phiếu
Đối tượng chào bán	: Chào bán cho cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị chào bán	: 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Địa chỉ : Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân TP. Hà Nội, Việt Nam

Số Điện thoại : 024 3783 2121

Fax : 024 3783 2122

Website : www.cpavietnam.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



FPT Securities

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ : Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số Điện thoại : 024 3773 7070

Fax : 024 3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro kinh tế	7
1.1.	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	7
1.2.	Chính sách tiền tệ	8
1.3.	Lãi suất	10
2.	Rủi ro về luật pháp	11
3.	Rủi ro đặc thù	12
4.	Rủi ro của đợt chào bán	13
5.	Rủi ro pha loãng	14
6.	Rủi ro quản trị công ty (sau khi chuyển đổi thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)	15
7.	Rủi ro khác	16
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	17
1.	Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Xăng dầu HFC	17
2.	Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)	17
III.	CÁC KHÁI NIỆM	17
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	18
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	18
1.1.	Thông tin chung về Công ty cổ phần Xăng dầu HFC	18
1.2.	Quá trình hình thành phát triển	20
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	21
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	23
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	25
5.	Danh sách người có liên quan với Hội đồng quản trị/Ban giám đốc/Ban kiểm soát/Kế toán trưởng của Công ty	25
6.	Cơ cấu cổ đông Công ty	25
7.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	26
8.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	27
9.	Hoạt động kinh doanh	29
9.1.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	29
9.2.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	30
9.3.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết (nếu tên, giá trị, thời điểm ký kết, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng)	30
10.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	31
11.	Triển vọng phát triển ngành	32
12.	Vị thế của Công ty trong ngành	33

13.	Chính sách đối với người lao động.....	33
14.	Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức	34
15.	Tình hình tài chính	35
	Trích khấu hao tài sản cố định	35
	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	35
	Các khoản phải nộp theo luật định.....	36
	Trích lập các quỹ theo luật định.....	36
	Tình hình công nợ phải thu	36
	Tình hình công nợ phải trả	37
	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	38
16.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	38
16.1.	Hội đồng quản trị.....	38
16.2.	Ban giám đốc	42
16.3.	Ban kiểm soát	43
17.	Tài sản	45
18.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới (2020 – 2022)	49
19.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	49
20.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận	51
21.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	52
22.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu chào bán:.....	52
V.	TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN	52
1.	Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán.....	52
2.	Loại trái phiếu:	53
3.	Lãi suất:	53
4.	Kỳ hạn trả lãi:	53
5.	Mệnh giá:.....	53
6.	Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán.....	53
7.	Đối tượng phát hành	53
8.	Giá chào bán dự kiến:	53
9.	Phương pháp tính giá	53
10.	Phương thức phân phối.....	53
11.	Thời gian phân phối trái phiếu.....	54
12.	Đăng ký mua trái phiếu	54
13.	Phương án xử lý Trái phiếu lẻ và trái phiếu không phân phối hết	55
14.	Quyền của người sở hữu trái phiếu.....	55
15.	Phương thức thực hiện quyền.....	55
16.	Ngày đáo hạn trái phiếu và Ngày chuyển đổi:.....	56
17.	Kế hoạch phát hành cổ phiếu trong thời gian đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi và	

phương án đền bù cho người sở hữu trái phiếu chuyển đổi như sau:.....	56
18. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với người sở hữu trái phiếu:.....	57
19. Các loại thuế có liên quan.....	57
20. Giới hạn về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài.....	58
21. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua trái phiếu:.....	61
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	61
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	61
1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:.....	61
2. Kế hoạch trả nợ số tiền thu được từ đợt chào bán:.....	62
3. Thực hiện tăng vốn phục vụ việc chuyển đổi:.....	62
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	62
IX. PHỤ LỤC.....	63
1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và điều lệ công ty.....	63
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng ngày 13/04/2019.....	63
3. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019.....	63
4. Phụ lục V: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất.....	63
5. Phụ lục VI: Các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ chào bán (nếu có).....	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty	18
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 20/06/2019.....	25
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 20/6/2018.....	25
Bảng 4. Danh sách đơn vị trực thuộc của Công ty	26
Bảng 5. Danh sách các Công ty con của Công ty	26
Bảng 6. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	27
Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30
Bảng 8. Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	30
Bảng 9. Kết quả kinh doanh năm 2017, 2018 và 9 tháng đầu năm 2019	31
Bảng 10. Dự báo giá dầu qua các năm	32
Bảng 11. Cơ cấu trình độ lao động 30/09/2019.....	33
Bảng 12. Cổ tức giai đoạn 2016 - 2018.....	34
Bảng 13. Thời gian khấu hao tài sản	35
Bảng 14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	35
Bảng 15. Chi tiết các khoản thuế phải nộp.....	36
Bảng 16. Tình hình số dư các quỹ.....	36
Bảng 17. Tình hình công nợ phải thu	36
Bảng 18. Tình hình công nợ phải trả.....	37
Bảng 19. Một số chỉ tiêu tài chính.....	38
Bảng 20. Danh sách thành viên HĐQT	39
Bảng 21. Danh sách thành viên Ban giám đốc.....	42
Bảng 22. Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/12/2018	47
Bảng 23. Chi phí xây dựng dở dang	47
Bảng 24. Tình hình quản lý sử dụng đất.....	48
Bảng 25. Kế hoạch kinh doanh năm 2019.....	49

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm	8
Biểu đồ 2. Biến động chỉ số CPI qua các năm	10
Biểu đồ 3. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	22
Biểu đồ 4. Cơ cấu quản lý Công ty.....	23

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

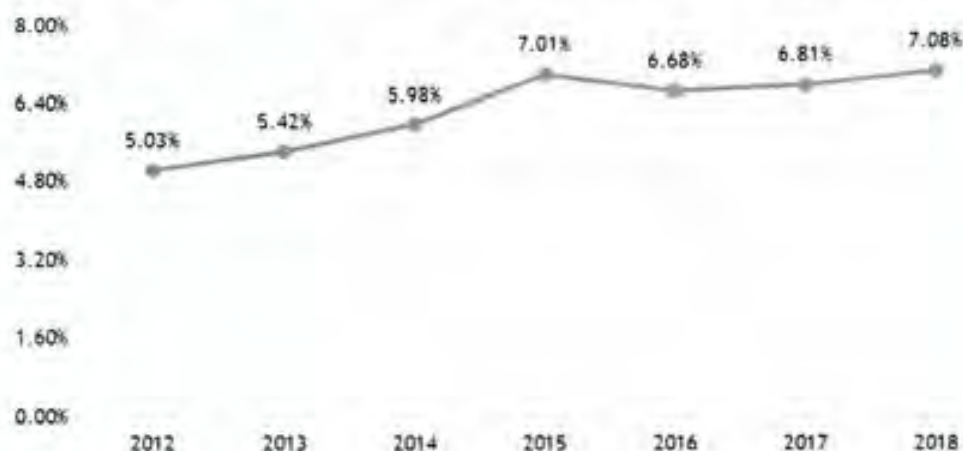
1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro kinh tế là những rủi ro về sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất...đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro này tác động đến tất các doanh nghiệp trong nền kinh tế với những mức độ ảnh hưởng khác nhau.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm

Nguồn: Tổng cục thống kê

Công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt 10 năm qua biến động khá mạnh và mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo nhưng vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn và có thể làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới nhu cầu của người tiêu dùng, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, hàng tồn kho, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Công ty.

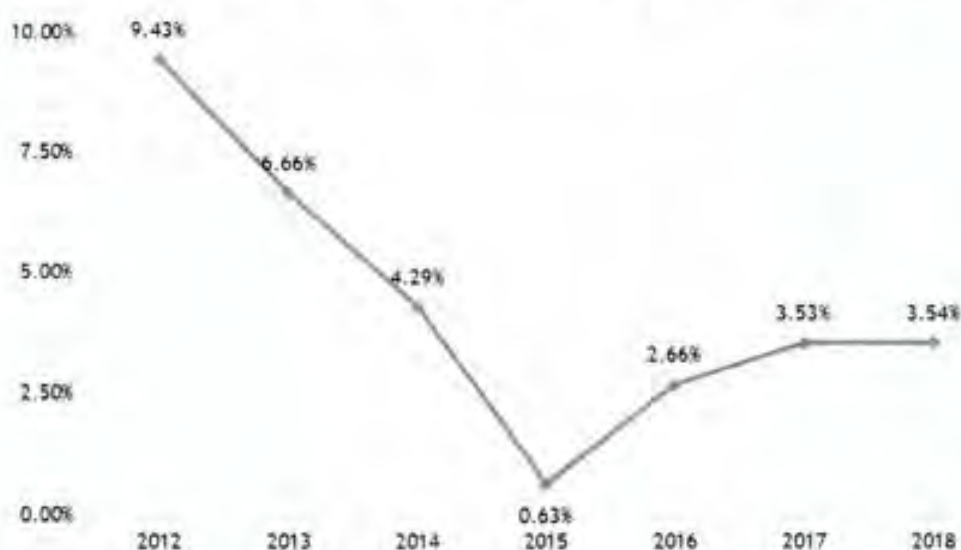
1.2. Chính sách tiền tệ

Khép lại năm 2018, chính sách tiền tệ đã về đích với nhiều điểm sáng đáng ghi nhận. Tuy nhiên, để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, thực sự tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh trong năm 2018, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, đảm bảo tăng trưởng tín dụng cả năm 2017 đạt 14%.

Năm 2018 là một năm tỷ giá biến động nhiều. Trong năm, tỷ giá trung tâm do NHNN công bố đã tăng khoảng 1,6%, tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tăng khoảng 2,7% so với đầu năm. Mặc dù tỷ giá năm 2018 có mức tăng khá cao so với các năm trước nhưng xét về tổng thể, có thể nói năm 2018 vẫn là một năm thành công trong công tác điều hành tỷ giá của NHNN. NHNN đã điều tiết tỷ giá tương đối nhịp nhàng thông qua 2 phương thức chính là cơ chế tỷ giá trung tâm và mua bán ngoại tệ linh hoạt. Nhìn chung, các chính sách điều tiết tỷ giá của NHNN đã thể hiện rõ tính chủ động, linh hoạt trước những biến động của thị trường ngoại hối trong nước và quốc tế. Việc VND giảm 2,7% so với USD trong năm 2018 cho thấy VND ổn định hơn nhiều so với các đồng tiền trong khu vực. Những chuyển biến tích cực trong bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam đã phần nào triệt tiêu bớt ảnh hưởng tiêu cực từ thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành tỷ giá của NHNN cũng như niềm tin cho các chủ thể tham gia trên thị trường.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước; CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra; CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.

Biểu đồ 2. Biến động chỉ số CPI qua các năm

Nguồn: Tổng cục thống kê

1.3. Lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất. Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2018 lãi suất trên thị trường tiền gửi của khách hàng tổ chức kinh tế và cá nhân tăng. Lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm 2018. Lãi suất cho vay bình quân khoảng 8,91% (năm 2017: 8,86%). Theo Ủy ban giám sát tài chính quốc gia Việt Nam NFSC lãi suất có xu hướng tăng chủ yếu do kỳ vọng lạm phát tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới biến động và các tổ chức tín dụng cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong năm 2019 như tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm xuống 40% và chuẩn bị tăng vốn cấp 2 theo Basel II.

Với đặc thù lĩnh vực kinh doanh, nhu cầu về vốn là rất lớn, do vậy biến động của lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Năm 2018 áp lực về nguồn vốn ngắn hạn lớn bởi dòng tiền vốn lưu động cao nhưng nguồn vốn

vay ngắn hạn ngân hàng giảm 13% so với năm 2017 chứng tỏ công ty đã rất nỗ lực trong việc sử dụng nguồn vốn. Hiệu suất năm 2017 là 1 đồng chi phí lãi vay tạo 145 đồng doanh thu và tạo 6,7 đồng lợi nhuận gộp. Năm 2018 1 đồng lãi vay tạo 171 đồng doanh thu và tạo 8,3 đồng lợi nhuận gộp. Đây là một nỗ lực rất lớn cho công tác sử dụng dòng tiền của HFC nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và bù đắp phần vốn thiếu hụt cho hoạt động đầu tư xây dựng mới các cửa hàng, mở rộng mạng lưới.

2. Rủi ro về luật pháp

Tại thời điểm hiện nay còn rất doanh nghiệp trong nước còn chưa nắm rõ về luật pháp, đặc biệt là các điều ước và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, hệ thống luật pháp trong nước cũng chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện, việc thực chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là sự thay đổi các qui định, chính sách.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, ... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

Năm 2018 căn cứ nghị quyết 08 của Chính phủ về việc bỏ quy hoạch mạng lưới xăng dầu được xây dựng từ năm 2005 đã lỗi thời và không phù hợp. Chỉ tồn tại tiêu chuẩn của cửa hàng xăng dầu dẫn đến dễ đảm bảo điều kiện kinh doanh đối với toàn hệ thống nói chung và đặc biệt đối với HFC nói riêng điều kiện tiên quyết để giữ lại hệ thống kinh doanh là phải cải tạo, xây mới lại cửa hàng để đảm bảo quy chuẩn. Điều này cũng dẫn đến làm tăng chi phí đầu tư, giảm sản lượng bán hàng do dừng

sửa chữa xây mới và chi phí thời gian, thủ tục trong nội đô là điều không tránh khỏi.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro đặc thù ngành xăng dầu

Xăng dầu là một ngành hàng, mặt hàng thiết yếu trong đời sống kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Xăng dầu đóng vai trò hết sức quan trọng với nhiều ngành khác nhau như giao thông vận tải, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp... Hiện nay đất nước ta đang trong quá trình công nghiệp hoá, hội nhập kinh tế với thế giới nên nhu cầu ngày càng trở nên bức thiết. Nhu cầu về nhiên vật liệu ngày càng tăng, về mặt quản lý về độ an toàn vận chuyển và lưu trữ cũng được thắt chặt. Trước tình hình như vậy, ngành Xăng dầu cũng cần có giải pháp về các yếu tố chất lượng dịch vụ, đầu tư công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Ngành xăng dầu Việt Nam chịu tác động lớn bởi sự biến động của ngành xăng dầu thế giới. Bối cảnh tình hình kinh tế - địa chính trị toàn cầu có nhiều bất ổn cùng với xu thế chuyển dịch tiêu thụ xăng dầu sang các loại năng lượng thay thế khác cũng đã ảnh hưởng tới nhu cầu xăng dầu trên thế giới khiến cho giá xăng dầu theo đó có những biến động khó dự báo.

3.2. Rủi ro hoạt động của Công ty

Với đặc điểm doanh thu kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, nên sự biến động giá xăng dầu có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, các chính sách quản lý của Nhà nước cho hoạt động này vẫn chưa tạo ra một cơ chế thị trường thật sự minh bạch, do vậy Công ty vẫn bị phụ thuộc vào các chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước. Bên cạnh đó đặc thù kinh doanh xăng dầu với giá trị hợp đồng lớn, thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn, vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của công ty. Chính vì các rủi ro trên, ngay từ lúc này Công ty đã và đang tập trung kiểm soát chi phí, đẩy mạnh hoạt động, tăng cường chất lượng dịch vụ, mở rộng phát triển mạng lưới kinh doanh để đạt hiệu quả kinh tế theo quy mô.

3.3. Rủi ro lĩnh vực hoạt động

Là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, công ty chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường xăng dầu trong nước và thế giới.

Theo đánh giá của Ngân hàng đầu tư đa quốc gia Goldman Sachs, mặc dù nguy cơ gián đoạn nguồn cung và những rủi ro mang tính vĩ mô có thể đẩy giá dầu giao ngay tăng cao, song giá dầu dự kiến sẽ giảm dần từ nửa sau năm 2019 do sản lượng khai thác của OPEC cũng như sản lượng dầu khí đá phiến của Mỹ gia tăng.

Sản lượng khai thác của các Doanh nghiệp dầu khí Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục suy giảm trong năm 2019 do các mỏ lớn đã vào giai đoạn cuối vòng đời khai thác, trong khi các mỏ mới chủ yếu là các mỏ trữ lượng nhỏ. Các Doanh nghiệp ở thượng nguồn có biên lợi nhuận thấp hơn do khối lượng công việc lớn hơn và chịu nhiều rủi ro từ giá dầu, các doanh nghiệp hạ nguồn, các doanh nghiệp bán lẻ do đó cũng bị ảnh hưởng và gặp khó khăn hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Kế hoạch chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của Công ty có thể tiềm ẩn rủi ro không chào bán hết lượng trái phiếu dự định chào bán. Do đợt phát hành không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua trái phiếu dẫn đến số lượng trái phiếu thực tế bán được thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán. Điều này còn phụ thuộc khá nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018 và nội tại của HFC.

Đối với thị trường chung, thị trường chứng khoán Việt Nam có một năm 2018 chứng kiến tình trạng biến động mạnh nhất trong 10 năm kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Đây là năm đầu tiên thị trường chứng khoán suy giảm sau 5 năm liên tiếp trước đó chỉ số chứng khoán song hành với đà tăng trưởng của nền kinh tế, đạt mức tăng trưởng cao, có năm lên đến 47% (năm 2017). Trong năm 2018, VN-Index từng lập đỉnh cao mới trong lịch sử ở mức 1.211 điểm, nhưng sau đó lại có quá trình sụt giảm mạnh 27% xuống đáy 888 điểm. Thị trường chứng khoán "lạc nhịp" trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất 10 năm xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan như tình trạng căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, cũng như xu hướng tăng tốc bình thường hóa lãi suất của các ngân hàng trung ương trên toàn cầu. Thị trường chứng khoán năm 2019 được đánh giá ở trạng thái trung tính, không quá tích cực hay tiêu cực với

điểm sáng là FTSE đang xem xét nâng hạng thị trường cận biên lên mới nổi. Đây là một cơ hội tốt cho các Doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đối với cổ phiếu HFC, cổ phiếu HFC mặc dù có thanh khoản chưa cao tuy nhiên đã có sự cải thiện đáng kể từ đầu năm 2019, giá cổ phiếu liên tục tăng và hiện đang giao dịch quanh mức giá 40 nghìn đồng. Điều này thể hiện sự quan tâm của nhà đầu tư đến cổ phiếu HFC và đánh giá cao hoạt động của công ty.

Với trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số Trái phiếu được mua, theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, số trái phiếu chưa được phân phối hết sẽ bị hủy bỏ và không phân phối nữa.

5. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng xuất hiện khi các trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu vào thời điểm chuyển đổi, dẫn tới tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể bị suy giảm. Số lượng cổ phiếu tăng thêm từ chuyển đổi trái phiếu sẽ dẫn tới chỉ tiêu EPS (thu nhập trên cổ phiếu) bị giảm do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân tăng lên.

Tại thời điểm chuyển đổi, việc phát sinh tăng một lượng lớn cổ phiếu cũng sẽ làm cho chỉ số EPS thay đổi. Nhà đầu tư có thể tham khảo các tính EPS sau:

* Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông}}{\text{Số bình quân gia quyền của cổ phiếu lưu hành trong kỳ}}$$

Trên thực tế sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS. Vì vậy nhà đầu tư cần đánh giá cẩn trọng vấn đề này.

Số cổ phần đang lưu hành của Công ty là 6.455.335 cổ phần. Số cổ phần tại thời điểm chuyển đổi dự kiến tăng thêm 2.000.000 cổ phần tương đương, tăng tương ứng 30,98 % so với số cổ phần hiện tại.

Việc phát hành thêm một khối lượng cổ phần như trên sẽ dẫn đến điều chỉnh giảm

của giá cổ phần do tác động pha loãng. Tại thời điểm chuyển đổi, Giá cổ phiếu có thể bị điều chỉnh giảm như sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{36.800 + (30,98\% \times 10.000)}{1 + 30,98\%} = 30.461 \text{ VNĐ/CP}$$

Trong đó:

P : Giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

P_{t-1}: Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (giá định giá thị trường trước khi chuyển đổi dự kiến là 36.800 đồng/cổ phần)

I : Tỷ lệ tăng vốn

PR : Giá cổ phiếu bán cho người nắm giữ Trái phiếu tại thời điểm chuyển đổi (quy ra từ tỷ lệ chuyển đổi)

Trong thời gian Trái phiếu chuyển đổi có hiệu lực, khi chưa đến hạn chuyển đổi nếu công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu hoặc phát hành thêm trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và/hoặc phát hành cho các đối tượng khác sẽ làm cho tỷ lệ sở hữu của người mua trái phiếu khi chuyển đổi bị giảm xuống.

6. Rủi ro quản trị công ty (sau khi chuyển đổi thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)

Bao gồm toàn bộ các yếu tố có khả năng làm cho doanh nghiệp chịu thiệt hại về mặt lợi ích. Các yếu tố có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, nhân sự, năng suất hoạt động sản xuất kinh doanh, thương hiệu... Các rủi ro chủ quan chủ yếu là do con người tạo nên, phát sinh từ sai lầm của cả cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động. Ngược lại, các sự kiện bất khả kháng, sự thay đổi đột ngột của các văn bản luật, biến động thị trường... là các rủi ro khách quan, vượt khỏi tầm kiểm soát của con người. Vì thế, doanh nghiệp yêu cầu phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro này để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả. Trong quá trình hoạt động, để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra về mặt quản trị, Công ty luôn có kế hoạch rà soát lại các chính sách, quy trình nội bộ, thủ tục nghiệp vụ để đảm bảo rằng mọi quyết định, hoạt động

của cấp quản lý luôn chính xác và mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Các cán bộ quản lý cao cấp chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra trực tiếp hoạt động của các cán bộ quản lý cấp thấp hơn nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, ban kiểm soát nội bộ của Công ty có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các quy định pháp lý của mỗi bộ phận và khối nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để đảm bảo luôn cập nhật nhanh, đúng và đầy đủ các văn bản pháp luật, Ban lãnh đạo Công ty tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, đồng thời hợp tác với các đơn vị tư vấn có uy tín bên ngoài để hỗ trợ cấp lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến Công ty.

Sau khi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, cơ cấu cổ đông có sự thay đổi nhưng không ảnh hưởng lớn đến cơ cấu quản trị và điều hành của công ty. Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án phát hành khá thi và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đổi với sự phát triển của Công ty. Vì vậy có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: thiên tai, dịch họa, lụt lội, cháy, nổ, khủng bố... Loại rủi ro này gây tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của cá nhân, tổ chức là khách hàng của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Xăng dầu HFC**

Ông: Nguyễn Trọng Hậu	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà: Phạm Thị Liên Hương	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Công Lương	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)

Đại diện Tổ chức tư vấn:	Bà Nguyễn Thị Hạnh
Chức vụ:	Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Quyết định Ủy quyền Số 103-2018/QĐ/FPTS-FHR ngày 13/12/2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Xăng dầu HFC. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty	: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BGD	: Ban giám đốc
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
Tổ chức chào bán	: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Thông tin chung về Công ty cổ phần Xăng dầu HFC**

Tên Công ty	:	Công Ty Cổ Phần Xăng dầu HFC
Tên tiếng Anh	:	HFC PETROLEUM CORPORATION
Biểu tượng	:	
Người đại diện	:	Nguyễn Trọng Hậu – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Trụ sở	:	Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại	:	0243 397 807 31
Fax	:	024 397 823 41
Website	:	http://www.hanoifuel.com.vn
Email	:	hfc@hanoifuel.com.vn
Vốn điều lệ	:	64.553.350.000 đồng (sáu mươi tư tỷ năm trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

STT	Tên ngành
1	Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiều liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa. Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
2	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).
3	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.
4	Vận tải hàng hóa đường bộ.
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng

- hoặc đi thuê
Cho thuê nhà làm văn phòng;
- 6 Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
 - 7 Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
 - 8 Dịch vụ ăn uống khác
 - 9 Dịch vụ phục vụ đồ uống.
 - 10 Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:
Khách sạn;
Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự.
 - 11 Hoạt động của các cơ sở thể thao
 - 12 Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
 - 13 Hoạt động thể thao khác
 - 14 Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
 - 15 Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
 - 16 Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình:
Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh.
Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.
 - 17 Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
 - 18 Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - 19 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
 - 20 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
 - 21 Bán buôn thực phẩm
 - 22 Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
 - 23 Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
 - 24 Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
 - 25 Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - 26 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
 - 27 Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
 - 28 Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
 - 29 Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết:
Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác:
săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.

Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

30 (Mã 6622) Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm:

Chi tiết:

Đại lý bảo hiểm

Môi giới bảo hiểm

(Điều 84, Điều 89 Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000)

1.2. Quá trình hình thành phát triển

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC tiền thân là Công ty Chất Đốt Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 5009/QĐ-UB ngày 24/08/1978 trên cơ sở một số đơn vị thuộc Sở Thương Nghiệp Hà Nội (nay là Sở Công Thương Hà Nội), bao gồm:

- Cửa hàng kinh doanh dầu hỏa thuộc Công ty Kim khí hóa chất Hà Nội (và 04 hợp tác xã mua bán huyện ngoại thành)
- Các cửa hàng kinh doanh than củi thuộc Công ty Vật liệu kiến thiết Hà Nội

Trong thời gian này, Công ty là một tổ chức kinh tế do Nhà nước thành lập, đầu tư và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của Nhà nước và thủ đô. Nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty do Sở Thương mại Hà Nội giao.

Trong quá trình hoạt động trước khi chuyển sang mô hình công ty Cổ phần, Công ty đã qua 3 lần đổi tên, thành lập lại và chuyển đổi mô hình hoạt động cụ thể như sau:

- Công ty đổi tên thành Công ty Xăng dầu Chất đốt Hà Nội theo quyết định số 582/QĐ-UB ngày 27/03/1992 của UBND thành phố Hà Nội
- Công ty được thành lập lại theo Quyết định số 3306/QĐ-UB ngày 19/12/1992 của UBND thành phố Hà Nội
- Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó Công ty Xăng dầu chất đốt Hà Nội là công ty con thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 72/2004/QĐ-UB ngày 17/05/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng công ty Vận tải Hà Nội, thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
- Tháng 9/2006, Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội với 275 cổ đông sáng lập và tổng số vốn điều lệ là 21 tỷ đồng.
- Tháng 12/2012 thực hiện theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Tổng công

ty Vận tải Hà Nội rút một phần vốn Nhà nước, Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty đại chúng.

- Ngày 18/12/2015, Tổng công ty Vận tải Hà Nội thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước, chiếm 20% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội.
- Ngày 10/5/2018, năm 2018 công ty đổi tên từ Công ty cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội thành Công ty cổ phần Xăng dầu HFC.

Các sự kiện khác:

- Ngày 01/03/2010, Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCoM
- Tháng 3/2015, Công ty được công nhận là Thương nhân phân phối xăng dầu – một trong những thương nhân phân phối đầu tiên trên toàn Miền Bắc.
- Năm 2016, Chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên thành 60.899.990.000 đồng.
- Tháng 7/2019, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nâng vốn điều lệ của công ty từ 60.899.990.000 đồng lên 64.553.350.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Biểu đồ 3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Nguồn: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Diễn giải:**Ban Hành chính – Nhân sự:**

Tham mưu và tổ chức thực hiện nhất quán trong toàn Công ty về các chính sách, chế độ, bảo trợ xã hội và công tác hành chính quản trị của Công ty; tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo cho Công ty; soạn thảo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Ban Tài chính – Kế toán:

Thực hiện đúng các chế độ về hạch toán kế toán, thống kê và các chức năng khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm thu chi, theo dõi, thu hồi công nợ, thanh toán và báo cáo, phân tích tài chính định kỳ của Công ty; tham mưu xây dựng dự án, phương thức đầu tư và đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động theo định hướng phát triển của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Kế hoạch:

Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương án

sản xuất kinh doanh, hợp đồng kinh tế, quản lý hoạt động kinh doanh hệ thống các cửa hàng, các điểm thuê và cho thuê, các địa điểm liên doanh – liên kết của công ty.

Ban Marketing:

Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc điều hành trong lĩnh vực thị trường, tổ chức và phát triển nguồn hàng thị trường bán theo lô, bán lẻ. Phương án đầu tư phát triển mạng lưới, phát triển sản phẩm mới, phương thức hoạt động kinh doanh mới.

Ban kỹ thuật – Dự án:

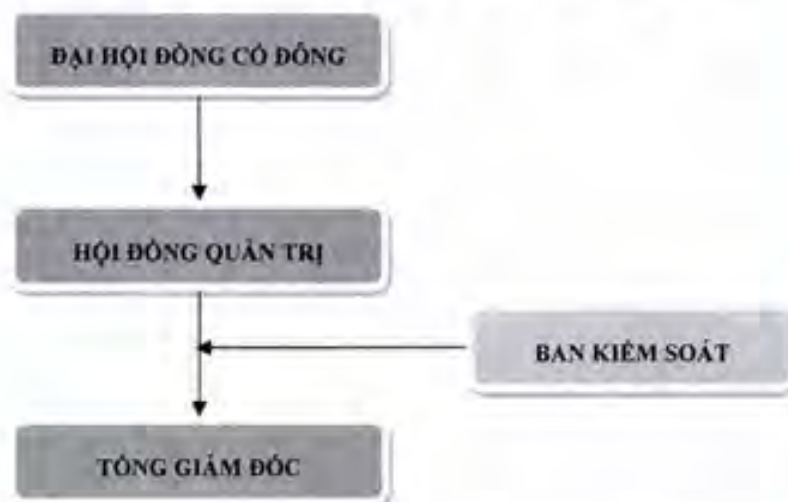
Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc về quản lý hệ thống thiết bị, công nghệ trên tất cả các hệ thống kinh doanh của Công ty. Tham mưu chính sách quản lý và sử dụng mạng lưới mặt bằng đất đai, cửa hàng hiện có, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng, dự án đầu tư và thực hiện dự án đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát nội bộ:

Tham mưu giúp việc cho Ban điều hành thiết lập công cụ quản lý nghiệp vụ đối với tất cả các hoạt động của từng cá nhân, phòng ban, bộ phận trong toàn công ty làm căn cứ tiến hành các thủ tục kiểm soát nội bộ, tiến hành kiểm tra, đánh giá tuân thủ, trung thực của các bộ phận, cá nhân. Tham mưu cho Ban điều hành về biện pháp khắc phục, hiệu chỉnh các điểm chưa phù hợp của hệ thống.

Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Biểu đồ 4. Cơ cấu quản lý Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Diễn giải:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền, họp mỗi năm ít nhất một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty có 3 thành viên và có cơ cấu như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên và có cơ cấu như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Công Lương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Cần Duy Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát

Tổng giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh

hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và các nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng giám đốc là Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan, Danh sách cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 20/06/2019

STT	Tên Cổ đông	Giấy CN ĐKKD/ Số CMT	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Trọng Hậu	Nhà 22, tầng 5, Khu 7 tầng Ngõ 198 Trần Cung	597.289	9,25%
2	Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên	26 Phố Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	951.615	14,74%
Tổng cộng			1.548.904	23,99%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 20/06/2019 của VSD

❖ **Danh sách người có liên quan với Hội đồng quản trị/Ban giám đốc/Ban kiểm soát/Kế toán trưởng của Công ty**

Không có người liên quan với Hội đồng quản trị/Ban giám đốc/Ban kiểm soát/Kế toán trưởng hiện đang nắm giữ cổ phiếu của Công ty

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập**

Không có

❖ **Cơ cấu cổ đông Công ty**

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 20/6/2018

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số cổ đông	168	6.455.335	100%
	- Cổ đông trong nước, trong đó:	168	6.455.335	100%
	+ Cổ đông nhà nước:	0	0	0%

	+ Cổ đông khác:	168	6.455.335	100%
	- Cổ đông nước ngoài:	0	0	0%
2	Chi tiết:			
	- Cổ đông tổ chức	5	2.075.426	32,15%
	- Cổ đông cá nhân	163	4.379.909	67,85%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 20/06/2019 của VSD

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

a. Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với Công ty

Không có

b. Danh sách công ty con, những công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Bảng 4. Danh sách đơn vị trực thuộc của Công ty

Đơn vị trực thuộc	Hoạt động chính	Hình thức kế toán
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Thái Nguyên	Kinh doanh Xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Nghệ An	Kinh doanh Xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Hải Phòng	Kinh doanh Xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc

Nguồn: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Danh sách các Công ty con của Công ty như sau:

Bảng 5. Danh sách các Công ty con của Công ty

STT	Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu
I	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ	Tầng F3 – Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Phường	Vận chuyển xăng dầu	5.000.000.000 VND	89,2%

	Thương mại HFC	Quang Trung, Đống Đa – Hà Nội			
2	Công ty TNHH dịch vụ HFC	Số 7 Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	5.000.000.000 VND	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

c. Công ty liên kết

- Công ty liên kết: Công ty cổ phần Xe Khách Hà Nội
- Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, Long Biên, Hà Nội.
- Số điện thoại: (0243) 8271924 Fax: (0243) 8733011
- Vốn điều lệ: 18.853.060.000 đồng (Mười tám tỷ tám trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 10 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 04 năm 2016.
- Vốn góp: 4.525.250.000 đồng, tương ứng với 24% vốn điều lệ thực góp.

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 6. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Vốn Điều lệ tăng thêm	Vốn Điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
2006		21.000.000.000	Thành lập công ty cổ phần	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100108159 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006
2016	39.899.990.000	60.899.990.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 89/GCN-UBCK do chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2016 - Nghị quyết thường niên số 001/2016/NQ-ĐHCD ngày 23/4/2016 về việc thông qua Phương án phát hành - Nghị quyết HĐQT số 09/2016/NQ-HDQT ngày 25/10/2016 về việc triển khai Phương án phát hành - Báo cáo kết quả phát hành

				số 14/2017/BC/HFC-HDQT ngày 10/3/2017 cho UBCKNN - Công văn số 14.7/UBCK-QLCB của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành
2019	3.653.360.000	64.553.350.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/2019/NQ/HFC-HDQT ngày 13/04/2019 về việc thông qua Phương án phát hành - Nghị quyết HĐQT số 24/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 17/05/2019 về việc triển khai Phương án phát hành - Công văn số 3478/UBCK-QLCB do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 06/06/2019 chấp thuận hồ sơ phát hành - Báo cáo kết quả phát hành số 32/2019/BC/HFC-HDQT ngày 01/7/2019 cho UBCKNN - Công văn số 4232/UBCK-QLCB của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành

Nguồn: Công ty cổ phần Xăng dầu HFC

Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:

- Ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:
 - + Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 phù hợp với mục đích sử dụng vốn ghi trong Tờ trình số 15/2019/TTr/HFC-HĐQT ngày 10/04/2019 và

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 18/2019/NQ/HFC-ĐHCD ngày 13/04/2019

- + Các nghiệp vụ chi sử dụng vốn phù hợp với các chứng từ bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu bàn giao, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, phiếu thu, giấy báo nợ và các chứng từ có liên quan khác
- Ý kiến kiểm toán về Về Báo cáo vốn góp của Chủ sở hữu tại ngày 01/07/2019 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC: Báo cáo vốn góp của Chủ sở hữu kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình vốn góp của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 01/07/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan

(*)Đính chính về việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016: ngày 01/11/2019; Công ty đã ra thông báo số 50/2019/TB/HFC về việc đính chính về việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016 như sau: Do thiếu hiểu biết về các quy định pháp luật liên quan, đồng thời gặp những khó khăn trong quá trình triển khai, quyết toán các dự án theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCD Công ty thông qua và xin phép Ủy ban chứng khoán nhà nước dẫn đến sai sót trong việc báo cáo tình hình sử dụng vốn trong các Báo cáo tình hình sử dụng vốn ngày 11/09/2017, ngày 13/03/2018, ngày 05/10/2018; Báo cáo HĐQT ngày 26/03/2018 và Báo cáo HĐQT ngày 30/03/2019. Tình hình sử dụng thực tế như sau: Dự án Đầu tư cửa hàng xăng dầu Tam Hiệp: số tiền đã sử dụng: 10.148.734.056, thời gian hoàn thành: Quý I/2017; Dự án Đầu tư cửa hàng xăng dầu Đan Phượng: số tiền đã sử dụng: 6.360.757.582, Thời gian hoàn thành: Quý I/2018. Công ty cũng cam kết báo cáo ĐHĐCD gần nhất về vấn đề nêu trên theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2017, 2018 và lũy kế 12 tháng năm 2019 như sau:

Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

T	Doanh thu	Năm 2017		Năm 2018		Lũy kế 12 tháng năm 2019	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
			%DT		%DT		%DT
T	T	T	T	T	T	T	
1	Doanh thu bán xăng dầu	1.905.238.431.534	99,83	2.271.389.208.732	99,78	2.169.914.070.390	99,63
2	Doanh thu dịch vụ ăn uống	-	-	4.509.892.973	0,20	3.249.652.573	0,15
3	Doanh thu vận tải	-	-	256.000.260	0,01	431.506.472	0,02
4	Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt	3.314.181.816	0,17	290.236.641	0,01	3.439.328.821	0,20
	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.908.552.613.350	100	2.279.057.465.606	100	2.177.034.558.256	100

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

6.2. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của công ty



HFC phần đầu trở thành một hệ thống cung cấp dịch vụ bán lẻ đa ngành nghề được tin tưởng, trong đó khẳng định vị thế hàng đầu trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại Hà Nội và toàn quốc.

6.3. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết (nêu tên, giá trị, thời điểm ký kết, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng)

Hiện nay, Công ty cổ phần Xăng dầu HFC là đối tác tin cậy với một số khách hàng như sau:

Bảng 8. Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Loại sản	Giá trị hợp
-----	----------------	-------------	----------	-------------

			phẩm cung cấp	đồng
1	Công ty cổ phần thương mại và vận tải xăng dầu Ngọc Hà	00149/2018/01/HFC-NH	Xăng Dầu	7.869.396.764
2	Công ty TNHH Hồng Dương	00047/2017/01/HFC-HD	Xăng Dầu	3.875.350.086
3	Công ty TNHH xăng dầu Xuân Thắng	00152/2018/01/HFC-XT	Xăng Dầu	5.121.834.393
4	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Xuân Thời	000230/2018/03/HFC-XT	Xăng Dầu	1.445.658.471
5	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ TỔNG HỢP HUY LONG	00132/2019/01/HFC-HL	Xăng Dầu	3.193.650.187
6	Công ty cổ phần added - value (ADV)	0401/2018/CP.XDCĐ-ADV	Xăng Dầu	1.146.509.605
7	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Hồng Quân	00232/2018/02/HFC-HQ	Xăng Dầu	2.299.277.286
8	Công ty TNHH Quân Anh	00051/2017/01/HFC-QA	Xăng Dầu	623.448.451
11	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Quốc Tế ALPHA	54/CP.XDCĐ-ALPHA/BLXD	Xăng Dầu	650.425.756
12	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÒA BÌNH	61/CP.XDCĐ-HB/BLXD	Xăng Dầu	435.506.591

Nguồn: Công ty cổ phần Xăng dầu HFC

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 9. Kết quả kinh doanh năm 2017, 2018 và lũy kế 12 tháng năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm	Lũy kế 12 tháng năm 2019
Tổng giá trị tài sản	332.318.504.030	348.938.293.822	5,00%	336.104.155.305
Doanh thu thuần	1.908.552.613.350	2.279.057.465.606	19,41%	2.177.034.558.256
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.935.044.866	7.333.020.766	23,55%	5.681.828.331
Lợi	(1.089.184.487)	(553.284.801)	-	(649.406.137)

nhuận khác				
Lợi nhuận trước thuế	4.845.860.379	6.779.735.964	39,91%	5.032.422.195
Lợi nhuận sau thuế	3.774.855.727	4.398.560.599	16,52%	4.826.104.700
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

8. Triển vọng phát triển ngành

Cũng như hầu hết các ngành công nghiệp và dịch vụ khác, sự phát triển của ngành dầu khí có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển chung của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng tương đối ổn định cùng với sự mở rộng và phát triển đa dạng các ngành nghề, chất lượng cuộc sống của người dân cũng đang được cải thiện và nâng cao đáng kể. Sự gia tăng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động trong đời sống hàng ngày tạo ra nhiều cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành kinh doanh dầu khí.

Theo dự báo của các tổ chức lớn như Ngân hàng Thế giới (World Bank), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), giá dầu thô Brent nhiều khả năng sẽ giữ ở mức trên 60 USD/thùng trong năm 2019.

Bảng 10. Dự báo giá dầu qua các năm

Đơn vị: USD/thùng	2018	2019	2020	2021
Giá dầu thô WTI	65,4	57,5	58,3	58,5
Giá dầu Brent	73,4	67,1	66,5	66,2

Nguồn: Dự báo được Bloomberg tổng hợp từ các dự báo của 50 ngân hàng lớn trên thế giới. Sản lượng dầu tiêu thụ của Việt Nam duy trì mức tăng trung bình 10 năm qua khoảng 6%/năm. Nhu cầu dầu thô trong nước tăng dần, các nhà máy lọc dầu hoàn thiện cùng với sản lượng giảm khiến sản lượng dầu thô xuất khẩu giảm liên tục trong các năm qua. Thị trường xăng dầu Việt Nam năm 2018 tương đối ổn định, nguồn cung bảo đảm cho nhu cầu phát triển của đất nước và đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng. Năm qua,

mức tiêu thụ của Việt Nam ở mức 15 đến 16 triệu tấn. Hiện nay, mức độ tăng trưởng, sử dụng xăng dầu của Việt Nam rất thấp, chỉ tăng khoảng 7% so với năm 2017 và dự báo năm 2019 mức tăng tương đương. Nếu cộng cả mức tiêu thụ xăng dầu "ngoài luồng" (xăng dầu nhập lậu), mức tăng trưởng cũng chỉ nhích lên đôi chút, từ 8% đến 10% so với năm ngoái, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân như ô-tô, xe máy, vận tải hành khách công cộng. Do đó, khả năng biến động lớn trên thị trường xăng dầu không cao. Tuy nhiên, nếu nền kinh tế diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi, tình hình hoạt động cũng như doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành có thể bị ảnh hưởng nhất định. Vấn đề giá dầu biến động không ổn định và sự bất ổn trong quan hệ của các quốc gia lớn cũng là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

9. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Xăng dầu HFC hiện đã được cấp giấy phép lá thương nhân phân phối xăng dầu, ngoài việc bán lẻ tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc thì công ty còn được mua xăng dầu từ nhiều thương nhân đầu mối theo Hợp đồng mua bán xăng dầu và được kinh doanh xăng dầu theo phương thức nhượng quyền thương mại cho thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Do đó, thị trường của HFC hiện đã rộng hơn rất nhiều và cũng nâng cao khả năng chủ động về giá xăng dầu. So với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên cùng địa bàn, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC là doanh nghiệp loại vừa.

10. Chính sách đối với người lao động

+ *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động*

Tính đến 31/12/2019, số lượng nhân sự toàn công ty là 364 nhân viên.

Mức thu nhập bình quân toàn công ty là 7,8 triệu đồng/người/tháng

Bảng 11. Cơ cấu trình độ lao động 31/12/2019

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học	05	1,4%
2	Đại học, Cao đẳng	91	25%
3	Trung cấp, sơ cấp	268	73,6%
Tổng số		364	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

+ *Chính sách đối với người lao động:*

Hàng năm toàn bộ nhân viên công ty được khám sức khỏe tổng thể 1 lần/năm, được tổ chức đi nghỉ mát, tham gia các hoạt động đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên.

Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động, ngoài ra công ty thường xuyên kiểm tra, kiểm định định kỳ nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến cháy nổ và mất an toàn lao động.

Bảo hộ lao động: áo, quần, giày, găng tay.... được cấp phát theo mùa (mùa hè và mùa đông) nhằm đảm bảo sức khỏe và thuận lợi trong hoạt động của nhân viên.

Là đơn vị thực hiện đầy đủ việc nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đúng quy định và thời hạn, do vậy 100% nhân viên nghỉ chính sách, nghỉ hưu được giải quyết đúng chế độ và thời gian theo quy định của Pháp luật.

+ *Hoạt động đào tạo người lao động:*

Công ty đã xây dựng quy trình đào tạo, trong đó 100% nhân viên mới được đào tạo định hướng, hiểu biết về công ty và dịch vụ ngành nghề.

100% lao động phổ thông sau khi được lựa chọn tuyển dụng vào công ty được cử tham dự đào tạo nghiệp vụ bán hàng xăng dầu.

100% nhân viên của công ty từ khối gián tiếp, trực tiếp sản xuất kinh doanh được đào tạo về phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường.

11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức

Năm 2017 – 2018 là giai đoạn hoạt động hết sức khó khăn về tài chính với Công ty, nguồn vốn lưu động hạn chế, công nợ tăng cao dẫn đến hạn mức vay ngắn hạn luôn ở mức tối đa, áp lực trả nợ lớn. Do đó việc cân đối dòng tiền, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả được tập trung hơn bao giờ hết, công ty quyết định không chi trả cổ tức mà giữ lại nguồn lợi nhuận để đảm bảo hoạt động kinh doanh Xăng dầu luôn ổn định.

Bảng 12. Cổ tức giai đoạn 2016 - 2018

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán	Tình trạng thanh toán
2016	6%	Tiền mặt	Đã thanh toán
2017	-	-	-
2018	-	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

12. Tình hình tài chính***Trích khấu hao tài sản cố định***

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT – BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 13. Thời gian khấu hao tài sản

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 07 năm
Phần mềm quản lý hệ thống	05 năm
Quyền sử dụng đất	50

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Bảng 14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Vay ngắn hạn	212.000.330.000	175.900.000.000	190.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Hoàn Kiếm</i>	<i>103.000.000.000</i>	<i>86.000.000.000</i>	<i>100.500.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN – Chi nhánh Hoàn Kiếm</i>	<i>5.000.330.000</i>	<i>55.000.000.000</i>	<i>67.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>31.000.000.000</i>	<i>28.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Sở giao dịch</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>6.900.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
Vay dài hạn	6.773.050.000	5.185.458.000	3.631.680.004
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế</i>	<i>350.000.000</i>	<i>1.665.500.000</i>	<i>1.225.780.004</i>

<i>Việt Nam</i>			
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>4.089.700.000</i>	<i>1.986.600.000</i>	<i>770.475.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN – Chi nhánh Hoàn Kiếm</i>	<i>2.333.350.000</i>	<i>1.533.358.000</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	218.773.380.000	181.085.458.000	193.631.680.004

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 15. Chi tiết các khoản thuế phải nộp

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	540.860.837	1.263.667.951	825.734.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.033.714	339.532.775	-
Thuế thu nhập cá nhân	55.425.912	95.582.394	31.915.457
Tổng	631.320.463	1.698.783.120	857.650.257

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

Trích lập các quỹ theo luật định

Việc thực hiện trích lập các quỹ theo luật định, Công ty thực hiện theo quy định và Điều lệ của Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ được Hội đồng Quản trị quyết định từng năm và trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.

Bảng 16. Tình hình số dư các quỹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Quỹ khen thưởng phúc lợi	638.916.766	687.788.048	592.397.710
Quỹ đầu tư phát triển	999.054.671	1.247.725.953	29.609.662
Tổng cộng	1.637.971.436	1.935.514.001	622.007.372.000

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

Tình hình công nợ phải thu

Bảng 17. Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Các khoản phải thu ngắn hạn	185.721.441.515	205.403.886.682	190.012.404.007
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	178.626.346.296	192.269.276.325	180.453.033.432
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.938.860.714	5.637.271.510	2.277.124.057
Phải thu ngắn hạn khác	4.156.234.505	7.497.338.848	7.282.246.518
Các khoản phải thu dài hạn	3.770.000	7.480.000	7.782.000
Tổng	185.725.211.515	205.411.366.682	190.389.686.007

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

Tình hình công nợ phải trả

Bảng 18. Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
NỢ PHẢI TRẢ	268.309.733.272	283.674.633.748	268.735.589.933
I. Nợ ngắn hạn	260.667.683.272	276.357.734.432	262.176.468.614
1. Phải trả người bán ngắn hạn	34.222.623.831	85.649.678.230	58.713.836.544
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	180.305.107	197.442.049	534.618.966
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	631.320.463	1.698.783.120	857.650.257
4. Phải trả người lao động	4.061.396.657	6.541.530.624	4.234.622.235
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	825.003.447	654.504.402	763.962.910
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	65.000.000	125.000.024
7. Phải trả ngắn hạn khác	8.107.787.002	4.963.007.959	6.354.379.968
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	212.000.330.000	175.900.000.000	190.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	638.916.765	687.788.048	592.397.710
II. Nợ dài hạn	7.642.050.000	7.316.899.316	6.559.121.320
1. Phải trả dài hạn khác	869.000.000	2.131.441.316	2.927.441.316
2. Vay và nợ thuê tài chính	6.773.050.000	5.185.458.000	3.631.680.004

dài hạn			
---------	--	--	--

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

Nợ quá hạn:

Công ty không có nợ quá hạn

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19. Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ NH)	Lần	0,88	0,88
- Hệ số thanh toán nhanh ((TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	0,82	0,83
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	80,74	81,30
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	419,18	434,66
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	Lần	138,92	153,44
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	5,74	6,53
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,20	0,19
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	5,90	6,75
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	1,14	1,26
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,31	0,32
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh/ Tổng tài sản	%	1,79	2,10
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	660,66	682,30

Nguồn: Công ty có phần Xăng dầu HFC

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 20. Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành

1. Ông	:	Nguyễn Trọng Hậu
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	10/11/1971
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND/Thẻ căn cước công dân	:	001071016623
Ngày cấp, nơi cấp	:	23/03/2018
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	207 – C8 – Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ QTKD
Quá trình công tác		
Từ 1994 đến 1998	:	Công ty Chế biến Thủy Sản XK Hải Phòng
Từ 1999 đến 2001	:	Chi nhánh công ty TNHH Thái Thịnh Nam tại Hà Nội
Từ 2001 đến 2005	:	Công ty TNHH TOTO Vietnam
Từ 2006 đến 2008	:	Công ty TNHH Đầu Tư T&M Vietnam
Từ 2008 đến 2011	:	Văn phòng Đại diện Kyoei Denki – Itochu Vietnam
Từ 2011 đến nay	:	Công ty CP xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số lượng CP nắm giữ cá	:	597.289

nhân	:	
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

2. Bà	:	Nguyễn Thị Minh Hiền
Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	20/12/1969
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	011350573
Ngày cấp, nơi cấp	:	25/04/2009, CA Hà Nội
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 3, ngõ 438/7, Tổ 19, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
Từ 12/1990 đến nay	:	Công tác tại Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên: lần lượt là chuyên viên, phó phòng Kế toán tài chính, Kế toán trưởng, hiện là Phó Giám đốc Công ty
Từ 5/2012 đến nay	:	Là đại diện phần góp vốn của Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên tham gia là Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ tại	:	Ủy viên HĐQT Công ty

tổ chức phát hành	:	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên
Số lượng CP nắm giữ cá nhân	:	Không
Số lượng CP nắm giữ đại diện	:	Đại diện quản lý 315.000 cổ phần của Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên tại HFC
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

3. Ông	:	Nguyễn Phi Thái
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	23/01/2978
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	031078001499
Ngày cấp, nơi cấp	:	29/10/2015, Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 35 Ngõ Hòa Bình, Đường Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	

Từ 01/2003 đến 12/2013	:	Chuyên viên, Viễn thông Hải Phòng
Từ 01/2014 đến 10/2014	:	Chuyên viên, Tổng Công ty Vận tải Hà Nội
Từ 11/2014 đến 01/2015	:	Phó phòng Nhân sự, Xí nghiệp Trung đại tu ô tô – Tổng công ty Vận tải Hà Nội
Từ 02/2015 đến nay	:	Giám đốc Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC
Từ 01/2016 đến 2018	:	Giám đốc chi nhánh Hải Phòng CTCP Xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 7/2016 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số lượng CP nắm giữ cá nhân	:	52.334
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

13.2. Ban giám đốc

Bảng 21. Danh sách thành viên Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Trọng Hậu – Tổng Giám đốc: (Sơ yếu lý lịch được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)

2. Ông Nguyễn Phi Thái – Phó Tổng giám đốc: (Sơ yếu lý lịch được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)

13.3. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Công Lương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Cấn Duy Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông	:	Nguyễn Công Lương
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	15/10/1980
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	162327272
Ngày cấp, nơi cấp	:	Công an Nam Định
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Xuân Đài – Xuân Trường – Nam Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
Từ 2004 đến 2006	:	Phụ trách kê toán: Công ty TNHH Thủy Khí Việt Hàn
Từ 2007 đến 2009	:	Kế toán tổng hợp: Công ty CP XNK GENEXIM
Từ 2009 đến 2014	:	Phó phòng TCKT: Công ty TNHH APAVE
Từ 2014 đến 03/2016	:	Phó phòng TCKT: Công ty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 04/2016 đến nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát: Công ty CP Xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số lượng CP nắm giữ cá nhân	:	4.007
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

2. Ông	:	Nguyễn Công Mạnh Hùng
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	14/08/1977
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	011954067
Ngày cấp, nơi cấp	:	10/07/2010
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 37 tổ 20 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Đại học
Quá trình công tác		
Từ 01/1999 đến 10/2008	:	Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính
Từ 11/2008 đến 04/2010	:	Nhân viên Ban dự án Công ty
Từ 05/2010 đến 05/2014	:	Phó Ban dự án Công ty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 06/2014 đến nay	:	Trưởng Ban Kỹ thuật dự án Công ty CP Xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kỹ thuật dự án CTCP Xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số lượng CP nắm giữ cá nhân	:	7.411
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

3. Ông	:	Cần Duy Hưng
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	28/11/1978
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	111439605
Ngày cấp, nơi cấp	:	11/06/2011
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	94 phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
Từ 07/2000 đến 10/2000	:	Nhân viên nghiệp vụ Cửa hàng Xăng dầu Trần Khát Chân – Công ty xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 10/2000 đến 2006	:	Nhân viên Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Công ty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 2006 đến 2007	:	Phó cửa hàng xăng dầu Mai Hương – Công ty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 2006 đến 2013	:	Phó phòng kinh doanh – Công ty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 2013 đến 2014	:	Phó phòng Thị trường – Công ty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ 07/2014 đến nay	:	Trưởng Ban Kế hoạch – Công ty CP Xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Trưởng Ban Kế hoạch
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số lượng CP nắm giữ cá nhân	:	38.723
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

13.4. Kế toán trưởng: Bà Phạm Thị Liên Hương

1. Bà	:	Phạm Thị Liên Hương
--------------	---	----------------------------

Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	25/08/1978
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	011849870
Ngày cấp, nơi cấp	:	04/05/2010, CA Hà Nội
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phòng 1907 Chung cư 57 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Đại học
Quá trình công tác		
Từ 6/2000 đến nay	:	Làm việc tại Công ty CP Xăng dầu HFC
Từ 6/2000 đến tháng 6/2014	:	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ tháng 7/2014 đến tháng 5/2015	:	Phó phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP xăng dầu chất đốt Hà Nội
Từ tháng 6/2015 đến nay	:	Kế toán trưởng Công ty Công ty CP xăng dầu chất đốt Hà Nội nay là Công ty CP xăng dầu HFC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Kế toán Trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Số lượng CP nắm giữ cá nhân	:	43.536
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

14. Tài sản

Bảng 22. Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	76.182.623.288	24.159.545.196	52.023.078.092
Nhà cửa, vật kiến trúc	35.448.084.386	6.911.554.952	28.536.529.434
Máy móc, thiết bị	17.284.741.812	7.109.132.639	10.175.609.173
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.716.713.180	8.148.174.732	11.568.538.448
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.733.083.910	1.990.682.875	1.742.401.035
Tài sản cố định vô hình	10.637.756.591	3.331.639.660	7.306.116.931
Quyền sử dụng đất	8.975.572.591	1.974.438.591	7.001.134.000
Phần mềm máy tính	1.610.884.000	1.305.901.069	304.982.931
Tài sản cố định vô hình khác	51.300.000	51.300.000	0
Tổng cộng	86.820.379.879	27.491.184.854	59.329.195.021

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018

Bảng 23. Chi phí xây dựng dở dang

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Lũy kế 12 tháng năm 2019
Cửa hàng XD Mai Dịch 1	5.448.884.522	-	-
Cửa hàng XD Mai Dịch 2	1.819.621.679	-	-
Dự án 63 Tô Hiến Thành	-	1.248.576.767	-
Dự án Dã Tượng	9.928.553.522	10.033.832.215	-
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khám Thiên	646.986.042	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng XD Tam Hiệp	49.108.459	-	-
Cửa hàng XD Đồng Tháp, Đan Phượng, HN	1.012.071.182	6.360.757.582	6.489.667.442
Trạm dầu Đèn Lì II	713.462.877	-	-
VP Xí nghiệp bán lẻ số 2	2.203.024.955	-	-
Dự án 438 Trần Khát Chân	-	576.859.364	-

Dự án nhà hàng số 1 – Thi sách	-	-	3.743.039.591
Dự án khác	4.806.921.717	1.683.671.986	4.790.926.521
Tổng	27.387.684.940	21.309.733.941	16.429.669.581

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2019

Bảng 24. Tình hình quản lý sử dụng đất

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê đất		Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng
			Bắt đầu	Kết thúc		
1	436+438 Trần Khát Chân, P. Phố Huế, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	447,4	2006	2056	Thuê đất 50 năm	Cửa hàng kinh doanh dịch vụ và văn phòng làm việc
2	163 Lạc Long Quân, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	215,5	2006	2056	Thuê đất 50 năm	Cửa hàng kinh doanh hàng công nghệ phẩm và văn phòng làm việc
3	4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	108,7	2014	2019	Quyền sử dụng đất	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu
4	233 Khâm Thiên, P. Thổ Quan, Q. Đống Đa, Hà Nội	462	2010	2060	Thuê đất 50 năm	Kinh doanh thương mại – dịch vụ thiết bị xăng dầu kết hợp văn phòng cho thuê
5	71 Nguyễn Công Trứ, P. Phố Huế, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	218,6	2015	2020	Quyền sử dụng đất	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu

6	7 Dã Tượng, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	115	2008	2058	Quyền sử dụng đất	Cửa hàng kinh doanh và văn phòng cho thuê
7	366 Bạch Đằng, P. Bạch Đằng, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	119,9	2015	2020	Quyền sử dụng đất	Văn phòng làm việc

Nguồn: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

15. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới (2020 – 2022)

Không có

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 25. Kế hoạch kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	
		Kế hoạch năm 2019	% tăng giảm so với năm 2018
1	Doanh thu thuần	2.550,00	111,9%
2	Lợi nhuận sau thuế	6,20	141,0%
3	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0024	126,0%
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	107,9%
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	6%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh:

Để thực hiện được kế hoạch kinh doanh đề ra, Công ty sẽ thực hiện các công việc sau:

a) Đầu tư xây dựng hạ tầng quản trị:

- Thực hiện cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng từ tiêu chuẩn 9001:2008 sang tiêu chuẩn 9001:2015;
- 100% các cửa hàng, trạm cấp thuộc các xí nghiệp, chi nhánh đã được hướng dẫn và kiểm tra đánh giá về việc thực hiện hệ thống quy trình, quy định của công ty;
- Các ban chuyên môn thuộc văn phòng công ty (VPCT) đã thực hiện tham mưu ban hành các quy chế, quy định phân cấp quản lý nhằm nêu rõ phạm vi trách nhiệm, và mô tả chi tiết phương thức làm việc, phối hợp công việc giữa VPCT và hệ thống các

đơn vị trực thuộc;

- Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống que đo bể tại tất cả các cửa hàng xăng dầu nhằm kiểm tra, giám sát hoạt động và tỷ lệ hao hụt.
- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị đảm bảo hệ thống máy móc, phương tiện phục vụ kinh doanh hoạt động ổn định và đúng quy định.
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá KPIs để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động tại các đơn vị.
- Xây dựng đơn giá tiền lương để đảm bảo công bằng đối với các đơn vị trực thuộc đồng thời đánh giá đúng năng lực, kết quả làm việc của CBNV Khối Gián tiếp.
- Tăng cường công tác truyền thông trên toàn hệ thống, nhằm ruyền thông tới CBNV Công ty về sản phẩm HFC chính là dịch vụ.

b) Công tác phân cấp và tổ chức bộ máy

- Các ban chuyên môn và đơn vị thực hiện làm việc theo phân cấp chức năng chuyên môn của công ty.
- Các Ban chuyên môn công ty thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ban điều hành công ty quản lý về lĩnh vực chuyên môn tại các đơn vị trực thuộc và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Tổng Giám đốc, Ban chiến lược góp phần thống nhất quản lý của từng lĩnh vực chuyên môn xuyên suốt từ công ty đến các đơn vị trực thuộc và các đơn vị sản xuất kinh doanh trực tiếp.
- Đầu tư xây dựng văn hóa doanh nghiệp và uy tín của công ty
- Công ty thực hiện xây dựng văn hóa doanh nghiệp với phương châm “Trung thực – Trách nhiệm – Tương hỗ” nhằm hướng đến giá trị cốt lõi lấy con người là trung tâm, sự chia sẻ, đoàn kết và giúp đỡ trong cộng đồng HFC nói riêng và các hoạt động cộng đồng nói chung.
- Tổ chức thành công hội nghị người lao động của công ty với tinh thần đoàn kết nhất trí cao và tiếp tục thực hiện thỏa ước lao động với chính sách hỗ trợ tối đa cho người lao động của công ty.
- Tổ chức thành công các đợt nghỉ mát kết hợp đào tạo, sơ kết, tổng kết, các đợt tiếp xúc hội hữu trí, hoàn thành việc tổ chức khám sức khỏe, thực hiện tốt bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho các cán bộ công nhân viên trực tiếp... đã từng bước tăng tinh đoàn kết và tạo dựng hình ảnh công ty.

c) Các mặt công tác khác:

- Công tác đảm bảo an toàn PCCC, an toàn vệ sinh lao động được đặc biệt quan tâm thông qua các chương trình đào tạo, huấn luyện và thực hành thực tế.
- Hoạt động đào tạo nhận thức, kỹ năng, tư duy phục vụ khách hàng bằng hình thức kết hợp các hoạt động vui chơi, tổng kết.. đã thực sự phát huy được hiệu quả cũng như từng bước đem lại sự đoàn kết nhất định trong khối nội bộ công ty.
- Công tác truyền thông được chú trọng hơn bao giờ hết khiến cho hệ thống thông tin nội bộ được đảm bảo thông báo tới toàn thể NLD trong công ty được biết, hiểu và cùng thực hiện.
- Tổ chức các chương trình tham quan, nghỉ mát, kết hợp đào tạo nhóm để tăng tính kết nối, sự đoàn kết trong hệ thống HFC.
- Thực hiện các chương trình từ thiện, hành trình về nguồn, gặp mặt các cụ hưu trí hàng năm.

d) Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng toàn bộ phần điều hành ERP bằng máy tính để đảm bảo minh bạch: Các thông số tín hiệu cột bơm sẽ được đưa lên để người dân có thể quan sát; kiểm tra.
- Xây dựng các giá trị cốt lõi:
Bán hàng bằng sự trung thực, lấy khách hàng làm trung tâm.
Lấy nguồn nhân lực làm trọng điểm: Năm 2019 tập trung đào tạo từ tư duy cho đến nhận thức, từ đạo đức cho đến tri thức.
- Nâng cao hệ thống quản trị số: quản trị toàn bộ bằng hệ thống máy tính.
- Tập trung chiến lược mở rộng hệ thống: Năm 2019 có từ 1 đến 2 CHXD mới
- HFC Dịch vụ sẽ là nơi triển khai, nghiên cứu và phát triển những ngành hàng mới: Phần dầu đến năm 2025 đưa tỉ suất lợi nhuận gộp của xăng dầu nằm trong tỉ suất lợi nhuận của toàn công ty HFC hiện nay đang chiếm đến 95% về còn khoảng 65%. Năm 2019, HFC Dịch vụ phải triển khai được 2 ngành hàng để gánh vác, sẽ chia với ngành xăng dầu.
- Xây dựng Văn hóa HFC: Biết chia sẻ khó khăn, luôn nỗ lực, cố gắng cống hiến, cùng nhau thấu hiểu...

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC. Nếu không có những biến động bất

thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra khá khó khăn để thực hiện, đối với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty ở mức khá thấp so với kế hoạch, vì vậy việc thực hiện được đúng kế hoạch đòi hỏi ban lãnh đạo phải rất cố gắng trong quý cuối cùng của năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu chào bán:

Không có

V. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 20/07/2012;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ được ký ban hành vào ngày 26/06/2015
- Nghị định số 90/2011/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/10/2011;
- Thông tư 211/2012/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 26/10/2015
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xăng dầu HFC;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-DHĐCĐ ngày 04/7/2017 của Công ty

cổ phần Xăng dầu HFC về việc thông qua phương án chào bán trái phiếu và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu.

2. Loại trái phiếu:

Trái phiếu chuyển đổi

3. Lãi suất:

Trái phiếu chuyển đổi có lãi suất 0% (không phần trăm)

4. Kỳ hạn trả lãi:

Không có

5. Mệnh giá:

100.000 đồng/Trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái phiếu)

6. Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán

Số lượng phát hành: 200.000 Trái phiếu

Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

7. Đối tượng phát hành

Phát hành cho cổ đông hiện hữu của công ty

8. Giá chào bán dự kiến:

100.000 đồng/Trái phiếu

9. Phương pháp tính giá

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/04/2019 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC đã thông qua mức giá phát hành Trái phiếu chuyển đổi cho Cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá (100.000 đồng/Trái phiếu). Đây là mức giá phù hợp với tình hình thị trường và tạo sức hấp dẫn cho cổ đông.

10. Phương thức phân phối

Phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 32,276675:01. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi, Cổ đông sở hữu 32,276675 cổ phiếu được quyền mua 01 Trái phiếu chuyển đổi.

Công ty cổ phần chứng khoán FPT là tổ chức phát hành được chỉ định và lựa chọn để cung cấp dịch vụ Đại lý đăng ký cho đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC năm 2019. Khối lượng trái phiếu đăng ký tối đa là 200.000 trái phiếu (hai trăm nghìn trái phiếu) tương đương 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ

đồng) theo hình thức dựng sổ.

Công ty cam kết thực hiện phân phối trái phiếu chuyển đổi theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp 2014: Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

11. Thời gian phân phối trái phiếu

- Dự kiến trong năm 2019

Chi tiết nêu trong Thông báo phát hành sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Lịch phân phối dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán từ Ủy ban Chứng khoán	D
2	Công bố thông tin	D + 3
3	Chốt danh sách	D + 10
4	Đăng ký, nộp tiền	D + 10 → D + 30
6	Báo cáo đợt phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	D + 45
7	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu Trái phiếu	D + 45 → D + 90

12. Đăng ký mua trái phiếu

Thời hạn: Dự kiến trong Quý III, Quý IV/2019

Tỷ lệ phân phối cho cổ đông: 32,276675:01 (32,276675:01 cổ phiếu được hưởng quyền mua 1 trái phiếu chuyển đổi với giá 100.000 đồng).

Hồ sơ đăng ký mua Trái phiếu chuyển đổi: thực hiện theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán) hoặc theo quy định của công ty (đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán).

Phương thức thanh toán: nộp tiền vào Tài khoản phong tỏa nêu tại Bản cáo bạch này

Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký mua Trái phiếu:

Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: đăng ký và nộp tiền tại các thành viên lưu ký (các Công ty chứng khoán) nơi cổ đông mở tài khoản.

Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: thực hiện đăng ký tại Công ty cổ phần

Xăng dầu HFC. Địa chỉ: Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, TP Hà Nội và nộp tiền mua trái phiếu vào tài khoản phong tỏa nêu tại Bản cáo bạch này.

13. Phương án xử lý Trái phiếu lẻ và trái phiếu không phân phối hết

- Số lượng trái phiếu cổ đông đặt mua sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị
- Số lượng trái phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và số trái phiếu cổ đông hiện hữu không đặt mua hết sẽ được hủy bỏ khỏi đợt phát hành

14. Quyền của người sở hữu trái phiếu

- Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được UBCKNN chấp thuận.
- Đến ngày chuyển đổi, trái phiếu sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu đứng tên người sở hữu trái phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện chuyển đổi.
- Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành. Thời hạn hạn chế chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi của Công ty là 01 năm kể từ ngày phát hành.

15. Phương thức thực hiện quyền

- Các quyền kèm theo trái phiếu: Cổ đông sở hữu 32.276675 cổ phiếu được quyền mua 01 trái phiếu chuyển đổi với giá là 100.000 đồng/trái phiếu
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền: Trái phiếu chuyển đổi sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu sau 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Đến thời điểm chuyển đổi, tiền gốc của trái phiếu sẽ chuyển thành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi phải đảm bảo hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 1 năm kể từ ngày phát hành.
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi:
 - Giá chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Phương pháp tính giá chuyển đổi: dựa trên mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng
 - Tỷ lệ chuyển đổi:
Tỷ lệ chuyển đổi được tính theo công thức: Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi = 100.000 đồng/10.000 đồng = 10
Tỷ lệ chuyển đổi 1:10 (01 trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ

phiếu tại thời điểm đáo hạn).

- Phương án đền bù cho chủ sở hữu trái phiếu trong trường hợp Tổ chức phát hành không thực hiện việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần theo các điều kiện, điều khoản đã công bố: Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi. Công ty sẽ thực hiện chuyển đổi đầy đủ đúng theo các điều kiện tại phương án phát hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trái chủ, các cổ đông và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đúng các quy định này.

16. Ngày đáo hạn trái phiếu và Ngày chuyển đổi:

Trái phiếu chuyển đổi đáo hạn và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu sau 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

17. Kế hoạch phát hành cổ phiếu trong thời gian đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi và phương án đền bù cho người sở hữu trái phiếu chuyển đổi như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.000.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ chuyển đổi: Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi tương đương với 1:10. Tức là 01 trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi.
- Phương pháp xác định giá chuyển đổi: Nhằm tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, giá chuyển đổi được xác định đúng bằng mệnh giá.
- Ngày chuyển đổi: Là ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi.
- Địa điểm đăng ký chuyển đổi: trụ sở công ty Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, TP Hà Nội hoặc tại một địa điểm khác theo thông báo tại thời điểm chuyển đổi
- Thời điểm bắt đầu thực hiện chuyển đổi và ngày kết thúc chuyển đổi: Tại Ngày chuyển đổi, Trái phiếu chuyển đổi được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC theo tỷ lệ chuyển đổi.
- Trình tự, thủ tục chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC sẽ thực hiện các thủ tục để phát hành cổ phiếu chuyển đổi tương ứng với số lượng trái phiếu chuyển đổi theo đúng tỷ lệ chuyển đổi tại ngày chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành cho mục đích chuyển

đổi. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung số cổ phiếu này tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trình tự và thủ tục chuyển đổi trái phiếu chi tiết sẽ được thông báo tại thời điểm thực hiện chuyển đổi để trái chủ thực hiện quyền.

- Phương án đền bù cho chủ sở hữu trái phiếu trong trường hợp Tổ chức phát hành không thực hiện việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần theo các điều kiện, điều khoản đã công bố: Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi. Công ty sẽ thực hiện chuyển đổi đầy đủ đúng theo các điều kiện tại phương án phát hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trái chủ, các cổ đông và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đúng các quy định này.

18. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với người sở hữu trái phiếu:

Công ty cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với Nhà đầu tư và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các cam kết bao gồm:

- Thực hiện các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật.
- Phát hành cổ phiếu tương ứng để thực hiện chuyển đổi chuyển đổi thành cổ phiếu theo đúng tỷ lệ chuyển đổi tại thời điểm chuyển đổi.
- Kiểm soát và đảm bảo tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.

19. Các loại thuế có liên quan

- Thuế giá trị gia tăng được Quốc hội thông qua ngày 10/05/1997, luật sửa đổi bổ sung ngày 17/06/2003
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2003
- Thuế thu nhập cá nhân được Quốc hội ban hành ngày 21/11/2007, thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều

của các nghị định về thuế

- Các loại thuế khác có liên quan

20. Giới hạn về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài

Căn cứ các ngành nghề kinh doanh của Công ty được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=275f>

Công ty đã thực hiện rà soát với danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Phụ lục 4 – Luật đầu tư năm 2014. Theo đó Công ty tiếp tục thực hiện đối chiếu với dữ liệu tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan và điều ước quốc tế cùng các văn bản pháp luật khác theo địa chỉ:

<https://dautunuoocngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6>

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC hiện chưa có quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần Công ty.

Cổ phiếu HFC hiện đang giao dịch trên sàn UPCOM, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam “Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”.

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ngành, nghề có điều kiện	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan	Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng
6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: - Đại lý bảo hiểm	Có	Không quy định	49%
4661 (Chính)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;	Có	0%	0%
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Không		
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	Không		
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	Không		
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ác quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ác quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;	Không		
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	Có	49%	49%
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	Có	49%	49%
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Có	49%	49%
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng;	Có	49%	49%
5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	Không		
5629	Dịch vụ ăn uống khác	Không		
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống	Không		

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ngành, nghề có điều kiện	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan	Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;	Có	Không quy định	49%
9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao	Có	Không quy định	49%
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	Có	0%	0%
9312	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	Có	Không quy định	49%
9319	Hoạt động thể thao khác	Không		
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)	Không		
9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	Không		
9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	Không		
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	Không		
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Không		
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Không		
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	Không		
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	Không		
4632	Bán buôn thực phẩm	Không		
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	Không		
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	Không		
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	Không		

Vậy, căn cứ quy định của Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, mức tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 0%. Theo danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/06/2019 của công ty, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phiếu tương ứng với 0% vốn điều lệ. Công ty cam kết việc phân phối trái phiếu chuyển đổi của đợt phát hành chào bán ra công chúng không làm vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Nhà

đầu tư nước ngoài tại công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

21. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua trái phiếu:

- Ngân hàng: ngân hàng TMCP Công Thương (VietinBank) chi nhánh Hoàn Kiếm
- Số tài khoản: 114000211599

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC phát hành trái phiếu chuyển đổi là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) sẽ được Công ty sử dụng để tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Công ty

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:

Do HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành trái phiếu sau khi Công ty phát hành thành công tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, vì vậy khoản nợ của hợp đồng tín dụng thanh toán bằng số tiền thu được từ đợt chào bán đã quá hạn. Được sự ủy quyền của ĐHCĐ, HĐQT tiến hành điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo tình hình thực tế triển khai. Chi tiết, nghị quyết HĐQT số 53/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 18/12/2019 đã thông qua việc điều chỉnh việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu theo tình hình thực tế sau khi thu được tiền từ đợt chào bán thay thế cho nghị quyết HĐQT số 42/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 12/08/2019. Dự kiến 20 tỷ đồng sẽ được dùng để trả một phần khoản nợ của Công ty của hợp đồng tín dụng số 01/4818668/2019/HDTDHM với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hoàn Kiếm, chi tiết theo các khế ước nhận nợ, cụ thể như sau:

TT	Số hợp đồng vay	Số khế ước	Số tiền vay trong khế ước	Kế hoạch giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến trả
01	01/4818668/2019/HDTDHM	17 (TK: 12482000407374)	15.000.000.000	10.000.000.000	20/03/2020
02	01/4818668/2019/HDTDHM	18 (TK: 12482000407374)	10.000.000.000	10.000.000.000	01/04/2020

8/2019/HĐ TDHM	12482000408881)			
Tổng cộng				20.000.000.000

2. Kế hoạch trả nợ số tiền thu được từ đợt chào bán:

Trái phiếu chuyển đổi có lãi suất 0% và tự động chuyển đổi thành cổ phiếu tại thời điểm đáo hạn nên Công ty không phải trả lãi và gốc trái phiếu.

3. Thực hiện tăng vốn phục vụ việc chuyển đổi:

Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu và thực hiện lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu nêu trên theo quy định.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân

TP. Hà Nội, Việt Nam

Số Điện thoại: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3773 7070 - Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn - Website: www.fpts.com.vn

Đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi của Công ty không thực hiện bảo lãnh phát hành.

Theo đánh giá của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC là một doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và đã tạo dựng được thương hiệu trong ngành Xăng dầu Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC luôn nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Để thực chi trả một phần khoản nợ của Công ty nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có kế hoạch huy động thêm vốn thông qua việc phát hành trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu. Phương án phát

hành trái phiếu chuyển đổi đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 13/04/2019 thông qua với tỷ lệ nhất trí cao. Theo đánh giá của đơn vị tư vấn, đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng là phù hợp với nhu cầu về vốn của doanh nghiệp cũng như phù hợp với tình hình kinh tế, chính sách tín dụng và quy định của pháp luật.

IX. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và điều lệ công ty
- 2. Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngày 13/04/2019
- 3. Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và Báo cáo tài chính Quý 4 tự lập năm 2019
- 4. Phụ lục V:** Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất
- 5. Phụ lục VI:** Các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ chào bán (nếu có)

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

TÒ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRỌNG HẬU

NGUYỄN TRỌNG HẬU

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN CÔNG LƯƠNG

PHẠM THỊ LIÊN HƯƠNG

TÒ CHỨC TỰ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
GIÁM ĐỐC TỰ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THỊ HẠNH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100108159

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 09 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 01 tháng 08 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION

Tên công ty viết tắt: HFC., CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.9780731

Fax: 0243.9782341

Email: hfc@hanoifuel.com.vn

Website: hanoifuel.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 64.553.350.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ năm trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.455.335

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG HẬU

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/11/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001071016623

Ngày cấp: 23/03/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 207 - C8, tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 207 - C8, tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực: 64.03.../11/11/2019...SCT/BS

NGÀY: 26-12-2019



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Châu Ngân



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Luân Thịnh

Số:



461464/19

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hà Nội*

Địa chỉ trụ sở: *Nhà B10A - Khu Đô thị Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024.62820834 - 04.62820835

Fax: 04.38251733

Email: pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn

Website: www.hapi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0100108159

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): NGUYỄN TRỌNG HẬU Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: PHẠM THỊ LIÊN HƯƠNG Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: <i>Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</i> Điện thoại: 043.9780731 Fax: 043.9782341 Email: cty_xdcd@transerco.com.vn
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 285
7	Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>

8	Thông tin về tài khoản ngân hàng: Tài khoản ngân hàng: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Chi nhánh Hà Nội 06126688801;
---	---

Nơi nhận:

- CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
 HFC. Địa chỉ: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang
 Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà
 Nội, Việt Nam

- Lưu: Đặng Thị Huệ.....


16 TRƯỜNG PHÒNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực: 3993 02 SCT/BS

NGÀY: 02-08-2019

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
 Nguyễn Xuân Thịnh



PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Xuân Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Sửa đổi theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 13/4/2019)

Hà nội, tháng 08 năm 2019



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, PHẠM VI, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở Công ty	5
Điều 3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
Điều 4. Thời hạn hoạt động	8
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động	8
Điều 6. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty cổ phần:	8
III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU	8
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông - Chứng nhận sở hữu cổ phần	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	10
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	11
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	11
Điều 13. Phát hành trái phiếu	11
IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	11
Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 15. Quyền của cổ đông	12
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	15
Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 27. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 30. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành	26
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 33. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	30
VII. TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	30
Điều 34. Tổ chức bộ máy điều hành	30
Điều 35. Ban Tổng Giám đốc, nhiệm vụ và quyền hạn, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	30
Điều 36. Thư ký Công ty	31

VIII.	TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	32
	Điều 37. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan	32
	Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng	32
	Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
	Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
IX.	BAN KIỂM SOÁT	34
	Điều 41. Ban kiểm soát.....	34
	Điều 42. Thành viên Ban kiểm soát.....	36
X.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	37
	Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
XI.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	38
	Điều 45. Trích lập quỹ	38
	Điều 46. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	39
XII.	NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
	Điều 47. Năm tài chính	39
	Điều 48. Chế độ kế toán.....	39
	Điều 49. Kiểm toán.....	39
XIII.	TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	40
	Điều 51. Báo cáo thường niên	40
XIV.	CON DẤU	40
	Điều 52. Con dấu	40
XV.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN	40
	Điều 53. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ Điều lệ.....	41
	Điều 54. Tổ chức lại Công ty.....	41
	Điều 55. Chấm dứt hoạt động.....	41
	Điều 56. Thanh lý	42
	Điều 57. Phá sản	42
XVI.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	42
XVII.	NGÀY HIỆU LỰC	43
	Điều 59. Ngày hiệu lực	43
	<i>Chữ ký của người đại diện theo pháp luật.</i>	43

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được Chính Phủ ban hành ngày 6/6/2017.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc việc tiến hành các hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 13 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết của HĐQT ngày 12/8/2019.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
 - b. "Cổ đông sáng lập" có nghĩa là các cổ đông tham gia góp vốn, tham gia xây dựng, ký tên vào Điều lệ đầu tiên của Công ty;
 - c. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
 - d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH3 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - e. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hoạt động lần đầu;
 - g. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của Công ty, được HĐQT Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bổ nhiệm hoặc phê chuẩn làm người quản lý Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
 - i. Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;

j. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

k. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 24 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

m. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt nam và nước ngoài;

n. "UBCK" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, PHẠM VI, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở Công ty

1. Tên Công ty

- o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
- o Tên tiếng Anh: HFC PETROLEUM CORPORATION
- o Tên giao dịch: HFC PETROLEUM CORPORATION
- o Tên viết tắt: HFC., CORP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- o Địa chỉ: Tầng F3, toàn nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Tp Hà Nội
- o Điện thoại: 84 - 24 - 39780729-39780731
- o Fax: 84 - 24 - 39780729 - 39782341
- o Website: www.hanoifuel.com.vn

Điều 3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1	4661 (Chính)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout,

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
		nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
2	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
3	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
4	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
5	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
6	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
7	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
8	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng;
9	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
10	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
11	5629	Dịch vụ ăn uống khác
12	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
13	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
		trú tương tự;
14	9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
15	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
16	9312	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
17	9319	Hoạt động thể thao khác
18	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
19	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
20	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
21	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
22	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
23	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
24	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
25	4632	Bán buôn thực phẩm
26	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
27	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
28	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
29	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Chi tiết: - Đại lý bảo hiểm - Môi giới bảo hiểm <i>(Điều 84, Điều 89 Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000)</i>

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Công ty cổ phần Xăng dầu HFC hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Việt nam. Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam và nước sở tại.
4. Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty nhất trí thông qua và được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần 50 năm, kể từ ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh.
2. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

1. Công ty cổ phần xăng dầu HFC tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần xăng dầu HFC là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc thuê là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần và là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.
5. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 6. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty cổ phần:

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp pháp luật, Điều lệ và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.
3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong trường hợp đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi và đặt mua và Công ty sẽ phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 15.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với các quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Việc giám vốn Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông - Chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Trong trường hợp công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký.

2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền.

3. Chứng chỉ chứng khoán khác như: trái phiếu, cổ phần ưu đãi sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Các cổ phần ưu đãi có các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng khi các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng hết hiệu lực

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về nhân sự

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác, sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

6. Trường hợp cổ đông/chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cho vay công bố cao nhất của các Ngân hàng tại Việt nam cho kỳ hạn 01 năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phân đôi quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc với giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng..

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.

3. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.

4. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giám vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

5. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại

Điều 13. Phát hành trái phiếu

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông
- b. Hội đồng quản trị

- c. Ban kiểm soát
- d. Tổng Giám đốc

V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính cổ đông đó trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 28.2 và Điều 42.2 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá

nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ thường trú, địa chỉ mail, số điện thoại liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và ngân sách dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần đã phát hành;

n. Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 17.4b hoặc Điều 17.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự họp được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 15.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp sau đây

- a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
- b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác
- d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Chủ tọa đại hội là người điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.
4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.
5. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
7. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
 - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty;
 - b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán;
 - c. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;
 - d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo nguyên tắc dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty
 - b. Mục đích lấy ý kiến
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số

quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề
- e. Các quyết định đã được thông qua
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty này

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa đại hội chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có

hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là 7 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm); thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 100% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Là công dân Việt Nam, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi.
- b. Có trình độ đại học, nghiệp vụ kinh doanh và tổ chức quản lý Doanh nghiệp.
- c. Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật, có đủ sức khỏe.
- d. Không thuộc đối tượng quy định tại điều 13 Luật doanh nghiệp.
- e. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty đại chúng khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty;

- b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh bao gồm cả kế hoạch ngân sách và kế hoạch nhân sự hàng năm;
- c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- e. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành Công ty;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- k. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- l. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- n. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- o. Duyệt chương trình nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- p. Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- q. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy định về về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- r. Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để

triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

s. Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của Điều lệ này và Pháp luật.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 37 của Điều lệ này;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài với tư cách là cổ đông sáng lập;

f. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

h. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

7. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

9. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty

liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

10. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị

e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

f. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị.

g. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông

h. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

3. Chủ tịch có thể ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực

hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó mà không có ủy quyền cho thành viên khác, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị
- c. Thành viên Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị độc lập

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời

gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 37 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi

ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 33. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Hội đồng quản trị quyết định mức cụ thể thù lao và tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhưng không vượt quá 5% tổng lợi nhuận sau thuế.

2. Những quyết định của Đại hội đồng cổ đông về quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng quy chế riêng của Công ty và được điều chỉnh tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hàng năm của Công ty.

3. Nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức danh quản lý, điều hành ngoài tiền lương của các chức danh đó còn được hưởng các quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị như khoản 1 của điều này.

VII. TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 34. Tổ chức bộ máy điều hành

1. Hệ thống điều hành của Công ty phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị.

2. Ban điều hành Công ty gồm có một Tổng Giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng. Ban điều hành Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty được tuyển dụng các nhân sự quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ điều hành quản lý công ty do Hội đồng quản trị đưa ra tùy từng thời điểm.

Điều 35. Ban Tổng Giám đốc, nhiệm vụ và quyền hạn, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng

Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc có thể là người trong Công ty hoặc thuê ngoài, việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc phải được quá bán số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí tán thành.

3. Tổng Giám đốc công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.
- c. Có đủ sức khoẻ.
- d. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có trách nhiệm với việc bảo toàn và phát triển vốn của công ty.

4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.
5. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - e. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị Công ty
 - f. Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - h. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty.
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
 - j. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - k. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị
 - l. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh
 - m. Tuyển dụng lao động
 - n. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ này, và hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - o. Hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
 - p. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty
 - q. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
 - r. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.
6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm: Tổng Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo qui định tại khoản 3 Điều này.
 - b. Có đơn xin từ chức.
 - c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng

quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông, hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại khoản 1 của Điều này và các quy định pháp luật khác.

Điều 38. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì

lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý

i. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông

j. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty

k. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.

Ngoài ra Ban kiểm soát còn có quyền và nghĩa vụ sau:

l. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

m. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

n. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

o. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản

trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.

5. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

a. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

b. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý

6. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

a. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

b. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Điều 42. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập các cuộc họp Ban kiểm soát và tổ chức các hoạt động của Ban Kiểm soát với tư cách là Trưởng ban kiểm soát

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai

(02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến 100% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; và kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp

b. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, và người quản lý khác

c. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán

d. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng

e. Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty trích lục các thông tin của chính mình trong danh sách cổ đông, các biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp các biên bản nghị quyết đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của

Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền của mình theo đúng thời hạn thông báo.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc kết hợp cả hai hình thức.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo danh sách chốt tại ngày đó, cổ đông sẽ được nhận các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Trích lập quỹ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân bổ như sau:

1. Quỹ đầu tư phát triển: tối đa 10% lợi nhuận sau thuế

2. Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Công ty
3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi: tối đa 10% lợi nhuận sau thuế
4. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
5. Các quỹ khác nếu có do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Điều 46. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo qui định của Pháp luật.

XII. NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XIII. TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan về tình hình lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XIV. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a. Tên doanh nghiệp
 - b. Mã số doanh nghiệp
2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
3. Con dấu chính thức của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
4. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TÓ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN

Điều 53. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ Điều lệ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

4. Trường hợp bế tắc trong giải quyết tranh chấp giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông dẫn tới việc Công ty không thể tiếp tục hoạt động, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

- b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

- c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 54. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành
- b. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết giải thể Công ty, và Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ

c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý, có sự giám sát của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Ban thanh lý gồm 01 (ba) thành viên: 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập và 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên

c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước

d. Các khoản vay (nếu có)

e. Các khoản nợ khác của Công ty

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 57. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp.

XVI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ


Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XVII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XVII chương 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xăng dầu HFC nhất trí thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCD ngày 13/4/2019 và Nghị quyết của HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại Hà nội và có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 8 năm 2019
2. Quy định tại khoản 2n Điều 18 có hiệu lực đến hết ngày 31/7/2020 và sẽ được bãi bỏ khỏi Điều lệ kể từ ngày 1/8/2020.
3. Quy định tại khoản 4e Điều 28 có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2019.
4. Quy định tại khoản 1 Điều 31 (Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc) có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2020.
5. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;
 - c. 04 bản lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.
6. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
7. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị 

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật.



**Tổng Giám đốc
Nguyễn Trọng Hậu**

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY.

1. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty.

STT	Tháng	Vốn điều lệ	Ghi chú
1	9/2006	21.000.000.000 VND	Cổ phần hóa
2	4/2017	60.899.990.000 VND	Tăng vốn do phát hành cổ phiếu
3	7/2019	64.553.350.000 VND	Tăng vốn do phát hành cổ phiếu (<i>phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn Chủ sở hữu</i>)

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông Sáng lập vào ngày thành lập Công ty

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Số CMT/HC-ĐKKD	Số vốn góp (1.000VND)	Tỷ lệ nắm giữ
1					
2					
3					
4					
5					
			TỔNG CỘNG	2.100.000	%

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/2019/NQ/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC.
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 13/04/2019.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 13/4/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xăng dầu HFC được tổ chức với sự tham gia của 69 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 5.120.452 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 84,0797% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội được tiến hành theo đúng thể thức và thủ tục quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua các Báo cáo và các Tờ trình tại đại hội cổ đông 2019, cụ thể:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2018

STT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Giá trị năm 2018
1	Tổng sản lượng bán hàng	1.000m ³	146,668	137,538
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.550,0	2.279,05
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,8	6,78
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,2	4,399
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức		6%	

Tiến độ sử dụng vốn theo kế hoạch sử dụng vốn theo phương án phát hành cổ

phiếu ra công chúng

- + Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu tại huyện Đan Phượng: dự kiến kéo dài đến Quý I/2020.
- + Số tiền còn lại thu được từ đợt chào bán, năm 2019, HĐQT đề xuất sẽ được sử dụng cho việc giảm nợ phải trả do sự mất cân đối nguồn vốn ngắn và dài hạn trong thời gian qua.

Mục tiêu định hướng hướng hoạt động năm 2019:

- + Tiếp tục tập chung tăng trưởng sản lượng bán lẻ trên địa bàn Hà Nội, các địa điểm kinh doanh thuộc HFC và tập chung tìm kiếm giải pháp và thực hiện công tác thu hồi công nợ tại các đơn vị có công nợ cao.
- + Với mục tiêu 2019 “Thay đổi thể trạng thành”, công tác đào tạo và đào tạo lại về tư duy, nhận thức và các kỹ năng chuyên sâu được đẩy mạnh đối với quản lý cấp trung từ đó đưa Văn hóa làm việc HFC đến với toàn thể nhân viên một cách hiệu quả.
- + Phát huy hiệu quả công tác quản lý và triển khai công việc theo ngành dọc nhằm nâng cao và cải tiến hoạt động.
- + Minh bạch hóa trong bán hàng: với việc sử dụng hiệu quả hệ thống tin hiệu tự động, thiết kế và lắp đặt các biểu hiệu tin hiệu tại các cửa hàng giúp khách hàng có thể quan sát rõ hơn các chỉ số hàng bán. Ngoài ra công tác nâng cao chất lượng dịch vụ vẫn được duy trì thực hiện.
- + Duy trì và nâng cao chất lượng môi trường làm việc và các quyền lợi khác cho nhân viên, đảm bảo lợi nhuận cam kết với nhà đầu tư và đóng góp phúc lợi cho cộng đồng.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 61 cổ đông, đại diện cho: 5.075.017 cổ phần, chiếm: 99,1127 % số cổ phần biểu quyết.*

2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc điều hành về Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 2018 và dự thảo phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Báo cáo kết quả kinh doanh và lợi nhuận năm 2018:

a. Đối với mặt hàng xăng dầu:

Khối bán hàng	Sản lượng 2017 (m3)	Kế hoạch 2018 (m3)	thực hiện 2018 (m3)	tỷ lệ hoàn thành KH	So sánh 2017	tỷ trọng khối/tổng sản lượng	
						2017	2018
Bán lẻ	64,003	75,833	71,081	94%	111%	47%	52%

Khối bán hàng	Sản lượng 2017 (m3)	Kế hoạch 2018 (m3)	Thực hiện 2018 (m3)	Tỷ lệ hoàn thành KH	So sánh 2017	Tỷ trọng khối/tổng sản lượng	
						2017	2018
VTHKCC	27,347	33,051	29,482	89%	108%	20%	22%
Đại lý và HD	45,013	36,548	36,516	100%	81%	33%	27%
Tổng Cộng	136,363	145,432	+137,079	94%	101%		

b. Đối với lĩnh vực vận tải:

- Vận chuyển xăng dầu : 110.015 m³ đạt 87.94% - tương ứng NSLD đạt: 611m³/ người/tháng
 - o Vận chuyển tại HFC : 109.837 m³
 - o Vận chuyển bên ngoài : 178 m³
- Vận chuyển hành khách : 132.095 km đạt 122,31% - tương ứng NSLD đạt: 2.280 km/người/tháng
- Doanh thu : 18,3 tỷ
- Lợi nhuận thuần: : 100 triệu

c. Đối với lĩnh vực nhà hàng:

- Doanh thu : 5,6 tỷ tăng 43% so với năm 2017
- Lợi nhuận gộp đạt: 1,5 tỷ
- Lợi nhuận thuần: - 900 triệu

Kế hoạch đầu tư:

- + Tiếp tục triển khai dự án Đan Phượng

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 62 cổ đông, đại diện cho: 5.080.012 cổ phần, chiếm: 99,2102 % số cổ phần biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát

Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 62 cổ đông, đại diện cho: 5.080.012 cổ phần, chiếm: 99,2102 % số cổ phần biểu quyết.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam. Các báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm:

- + Báo cáo của Ban Giám đốc
- + Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- + Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018
- + Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018

Phản biểu quyết:

- *Tán thành: 61, đại diện cho: 5.074.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết.*

5. Thông qua tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch 2019

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao năm 2018	Đề xuất thù lao năm 2019
Hội đồng Quản trị	150.000.000	150.000.000
Ban kiểm soát	72.000.000	72.000.000

Phản biểu quyết:

- *Tán thành: 62, đại diện cho: 5.080.012 cổ phần, chiếm: 99,2102 % số cổ phần biểu quyết.*

6. Thông qua Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Phản biểu quyết:

- *Tán thành: 61, đại diện cho: 5.074.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết*

7. Thông qua Tờ trình chấp thuận Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty Chấp thuận chủ Tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc công ty

Phản biểu quyết:

- *Tán thành: 61, đại diện cho: 5.047.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết.*

8. Thông qua hợp đồng với người liên quan

Thông qua các hợp đồng mua, bán, đầu tư, hợp tác kinh doanh với Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên với tổng trị giá các hợp đồng lớn hơn 20% tổng tài sản của Công ty.

Phản biểu quyết:

- *Tán thành: 60, đại diện cho: 4.176.897 cổ phần, chiếm: 98,9153 % số cổ phần biểu quyết.*

9. Thông qua Tờ trình Thông qua thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành năm 2016

Căn cứ vào tình hình thực tế dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Đan Phượng có tiến độ kéo dài hơn tiến độ ban đầu và tình hình mất cân đối nguồn vốn, công ty có một khoản vốn nhàn rỗi trong khi vẫn phải thực hiện vay ngắn hạn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Vì vậy, Hội đồng quản trị kiến nghị sử dụng số tiền còn lại thu được từ đợt chào bán cho việc giảm nợ phải trả; sử dụng vốn tự có hoặc vốn vay ngắn hạn và dài hạn trong thời gian qua để bù đắp các chi phí phát sinh trong quá trình triển khai dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty triển khai phương án sử dụng và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và các đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

Phản biểu quyết:

- *Tán thành: 61, đại diện cho: 5.074.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết.*

10. Thông qua Tờ trình phê duyệt phương án phát hành Cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành Trái phiếu chuyển đổi trong năm 2019

Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- + Tỷ lệ phát hành: 06% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 06 cổ phần mới)

+ Nguồn sử dụng: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển thời điểm 31/12/2018 trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi:

+ Tổng giá trị phát hành: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

+ Thời hạn trái phiếu: 01 năm kể từ ngày phát hành

Phản biểu quyết:

- *Tán thành: 61, đại diện cho: 5.075.942 cổ phần, chiếm: 99,1307 % số cổ phần biểu quyết.*

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 giao cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xăng dầu HFC có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 3: Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xăng dầu HFC giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Hậu





Số: 17/2019/BB/HFC-HĐQT

BIÊN BẢN**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019****CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

- Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Xăng dầu HFC
- Mã số doanh nghiệp: 0100108159, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, thay đổi thứ mười ngày 24 tháng 7 năm 2018.
- Địa chỉ: Tầng F3, toàn nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Tp Hà Nội
- Thời gian họp: Bắt đầu lúc 08 giờ 28 phút ngày 13/04/2019.
Kết thúc hồi 11 giờ 45 phút cùng ngày.
- Địa điểm họp: Hội trường công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Chương trình đại hội: Theo chương trình và nội dung của Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa Đại hội: Ông Nguyễn Trọng Hậu – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Thư ký Đại hội: Bà Đậu Ngọc Nhân – Thư ký Công ty
- Số đại biểu tham dự: 69 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho đại diện cho 5.120.452 cổ phần bằng 84,0797% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**1. Thành phần tham dự**

- Cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC.
- Khách mời: Không có

2. Tính hợp pháp, hợp lệ

- Ông Nguyễn Công Lương - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.
- Tổng số cổ đông của công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2019 là: **05** cổ đông pháp nhân và **159** cổ đông cá nhân. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty **6.089.999** cổ phần.
- Tại thời điểm 08 giờ 28 phút ngày 13/04/2019:

- + Tổng số cổ đông và người đại được ủy quyền dự họp: 61 cổ đông và người được ủy quyền dự họp (cổ đông ủy quyền: 45 cổ đông), đại diện cho 5.074.372 cổ phần bằng 83,3230% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- + Tất cả các đại diện cổ đông đều đủ tiêu chuẩn tham dự Đại hội.
- Tại thời điểm 10 giờ 05 phút ngày 13/04/2019:
 - + Tổng số cổ đông và người đại được ủy quyền dự họp: 69 cổ đông và người được ủy quyền dự họp (cổ đông ủy quyền: 48 cổ đông), đại diện cho 5.120.452 cổ phần bằng 84,0797% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - + Tất cả các đại diện cổ đông đều đủ tiêu chuẩn tham dự Đại hội.
- Đối chiếu với Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đủ điều kiện tiến hành.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn và Ban thư ký

1.1. Chủ tọa đoàn gồm:

- Ông Nguyễn Trọng Hậu - Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Minh Hiền - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Phi Thái - Ủy viên HĐQT

1.2. Ban thư ký gồm:

- Bà Đậu Ngọc Nhân - Trưởng Ban
- Bà Trần Thu Trang - Thành viên

2. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Kết quả 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

3. Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu. Kết quả 100% cổ phần biểu quyết dự họp tán thành.
- Danh sách Ban kiểm phiếu gồm:
 - + Ông Nguyễn Công Lương - Trưởng Ban kiểm phiếu
 - + Ông Cần Duy Hưng - Thành viên Ban kiểm phiếu
 - + Bà Trần Thị Hồng Nhung - Thành viên Ban kiểm phiếu

4. Trình bày và thông qua các báo cáo, các tờ trình tại cuộc họp

- 4.1. Ông Nguyễn Trọng Hậu – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2018 và kế hoạch năm 2019 (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2018 và kế hoạch năm 2019

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 61, đại diện cho: 5.075.017 cổ phần, chiếm: 99,1127 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 03, đại diện cho: 12.950 cổ phần, chiếm: 0,2529 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.2. Ông Nguyễn Trọng Hậu – Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc điều hành về Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 2018 và dự thảo phương hướng nhiệm vụ năm 2019 (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc điều hành về Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 2018 và dự thảo phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 62, đại diện cho: 5.080.012 cổ phần, chiếm: 99,2102 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 02, đại diện cho: 7.955 cổ phần, chiếm: 0,1554 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.3. Ông Nguyễn Công Lương – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018 (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 62, đại diện cho: 5.080.012 cổ phần, chiếm: 99,2102 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 02, đại diện cho: 7.955 cổ phần, chiếm: 0,1554 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.4. Bà Phạm Thị Liên Hương – Kế toán trưởng trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 61, đại diện cho: 5.074.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 1, đại diện cho: 5.365 cổ phần, chiếm: 0,1048% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 02, đại diện cho: 7.955 cổ phần, chiếm: 0,1554 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.5. Bà Phạm Thị Liên Hương – Kế toán trưởng trình bày Tờ trình thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018, dự kiến năm 2019 (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018, dự kiến năm 2019

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 62, đại diện cho: 5.080.012 cổ phần, chiếm: 99,2102 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 02, đại diện cho: 7.955 cổ phần, chiếm: 0,1554 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.6. Ông Nguyễn Công Lương – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Tờ trình thông qua Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình thông qua Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 61, đại diện cho: 5.074.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 03, đại diện cho: 13.320 cổ phần, chiếm: 0,2601 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.7. Bà Nguyễn Thị Minh Hiền – Ủy viên HĐQT trình bày Tờ trình Chấp thuận Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình Chấp thuận Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 61, đại diện cho: 5.047.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 03, đại diện cho: 13.320 cổ phần, chiếm: 0,2601 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.8. Bà Nguyễn Thị Minh Hiền – Ủy viên HĐQT trình bày Tờ trình Thông qua hợp đồng với người liên quan (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình Thông qua hợp đồng với người liên quan

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 60, đại diện cho: 4.176.897 cổ phần, chiếm: 98,9153 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 03, đại diện cho: 13.320 cổ phần, chiếm: 0,3154 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.9. Ông Nguyễn Trọng Hậu – Chủ tịch HĐQT trình bày trình bày Tờ trình thông qua thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành năm 2016 (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình thông qua thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành năm 2016

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 61, đại diện cho: 5.074.647 cổ phần, chiếm: 99,1055 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 1, đại diện cho: 5.365 cổ phần, chiếm: 0,1048% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 02, đại diện cho: 7.955 cổ phần, chiếm: 0,1554 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

4.10. Ông Nguyễn Trọng Hậu – Chủ tịch HĐQT trình bày Tờ trình Phê duyệt phương án phát hành Cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành Trái phiếu chuyển đổi trong năm 2019 (Tài liệu đính kèm)

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình Phê duyệt phương án phát hành Cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành Trái phiếu chuyển đổi trong năm 2019

Kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành: 61, đại diện cho: 5.075.942 cổ phần, chiếm: 99,1307 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 03, đại diện cho: 12.025 cổ phần, chiếm: 0,2348 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

5. Các ý kiến phát biểu tại Đại hội

- Không có ý kiến

III. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

1. Bà Đậu Ngọc Nhân – Thay mặt Ban Thư ký đọc Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.
2. Ông Nguyễn Trọng Hậu – Chủ tọa Đại hội thông qua Đại hội Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
3. Ông Nguyễn Trọng Hậu - Thay mặt Ban tổ chức làm các thủ tục tuyên bố bế mạc đại hội./.

Biên bản này đã được đọc và Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC thông qua với tỉ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11 giờ 45 phút ngày 13/04/2019.

THƯ KÝ



Đậu Ngọc Nhân

CHỦ TỌA



Nguyễn Trọng Hậu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 16/2019/TTtr/HFC-HĐQT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....000.....

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH**XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019****Về việc: Phê duyệt phương án phát hành Cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành Trái phiếu chuyển đổi trong năm 2019****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán
- Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp
- Điều lệ Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC xem xét và phê duyệt phương án phát hành Cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành Trái phiếu chuyển đổi trong năm 2019 với các nội dung chính sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu Công ty trong năm 2019. Phương án phát hành cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 6.089.999 (sáu triệu không trăm tám chín nghìn chín trăm chín mươi chín) cổ phiếu
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 365.399 (ba trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi chín) cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng mệnh giá phát hành: 3.653.990.000 đồng (ba tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng)
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tỷ lệ phát hành: 06% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 06 cổ phần mới).
- Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 120 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được nhận cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $120 : 100 \times 6 = 7,2$. Cổ đông Nguyễn Văn A nhận được 7 cổ phiếu mới (cổ phiếu lẻ 0,2 sẽ bị hủy).

- Nguồn sử dụng: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển thời điểm 31/12/2018 trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2019
- Ủy quyền Hội đồng quản trị:
 - Tiến hành triển khai phương án phát hành, thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN; lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu thích hợp sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch và lưu ký chứng khoán bổ sung với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).
 - Đăng ký tăng vốn và sửa Điều lệ theo số vốn sau đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

II. Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi:

Tên tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại: (024)39780731	Fax: (024)39782341
Giấy phép kinh doanh số:	0100108159
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Trọng Hậu – Tổng Giám đốc

1. Mục đích phát hành trái phiếu:

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC phát hành trái phiếu chuyển đổi là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Cụ thể công ty muốn dùng phần vốn từ đợt phát hành này để tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của công ty.

2. Thông tin về đợt phát hành

1. Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
----------------------	------------------------------

2. Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
3. Loại trái phiếu	Trái phiếu chuyển đổi
4. Hình thức trái phiếu	Trái phiếu ghi sổ
5. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu	Đồng Việt Nam
6. Tổng giá trị phát hành	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
7. Mệnh giá trái phiếu	100.000 đồng/trái phiếu
8. Số lượng trái phiếu chào bán	200.000 Trái phiếu.
9. Đối tượng chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 32,27699 : 01 tức là cổ đông sở hữu 32,27699 cổ phiếu được quyền mua 01 trái phiếu chuyển đổi
10. Ngày phát hành	Dự kiến trong quý II/2019 để đảm bảo theo mục đích phát hành
11. Nguyên tắc làm tròn trái phiếu và phương án xử lý trái phiếu lẻ và trái phiếu không phân phối hết	Trái phiếu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng trái phiếu từ chối mua, trái phiếu lẻ sẽ được hủy khỏi đợt phát hành.
12. Thời hạn trái phiếu	01 năm kể từ ngày phát hành
13. Giá chào bán	Bằng mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu
14. Lãi suất trái phiếu	0%
15. Biện pháp đảm bảo	Trái phiếu không có tài sản đảm bảo
16. Giá chuyển đổi	10.000 đồng/cổ phiếu
17. Phương pháp xác định giá chuyển đổi	Nhằm tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, giá chuyển đổi được xác định đúng bằng mệnh giá.
18. Ngày chuyển đổi	Là ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi. Trái phiếu chuyển đổi có thể được chuyển đổi trước thời hạn nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
19. Quyền chuyển đổi	Tại Ngày chuyển đổi, Trái phiếu chuyển đổi được tự động chuyển

	đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC									
20. Tỷ lệ chuyển đổi	Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi tương đương với 1:10. Tức là 01 trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi.									
21. Phát hành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi	Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời công ty cũng thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung, lưu ký bổ sung số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi.									
22. Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu dự kiến 20 tỷ đồng sẽ được dùng để trả một phần khoản nợ của Công ty của hợp đồng tín dụng số 01/4818668/2018/HĐTD với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hoàn Kiếm, chi tiết theo các kế ước nhận nợ, cụ thể như sau: <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th>Số kế ước</th> <th>Số tiền vay</th> <th>Ngày đến hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>7.000.000.000</td> <td>26/07/2019</td> </tr> <tr> <td></td> <td>15.000.000.000</td> <td>02/08/2019</td> </tr> </tbody> </table>	Số kế ước	Số tiền vay	Ngày đến hạn		7.000.000.000	26/07/2019		15.000.000.000	02/08/2019
Số kế ước	Số tiền vay	Ngày đến hạn								
	7.000.000.000	26/07/2019								
	15.000.000.000	02/08/2019								
23. Chuyển nhượng trái phiếu	trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày phát hành. Sau 01 năm kể từ ngày phát hành, Trái phiếu được tự do chuyển nhượng.									
24. Quyền lợi của người sở hữu trái phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận. - Đến ngày chuyển đổi, trái phiếu sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu đứng tên người sở hữu trái phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện chuyển đổi. - Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành. 									
25. Cam kết công bố thông tin	Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cam kết sẽ công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi theo đúng quy định về công bố thông tin của pháp luật hiện hành.									
26. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Lập phương án phát hành trái phiếu và/hoặc sửa đổi bổ sung phương án phát hành trái phiếu theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước trên cơ sở phù hợp với pháp luật 									

	<ul style="list-style-type: none">- Điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình thực tế tại thời điểm triển khai các thủ tục chào bán và báo cáo đại hội cổ đông gần nhất.- Triển khai việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật.- Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán, và các thủ tục khác liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và giấy phép hoạt động của Công ty.
--	---



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Trọng Hậu



Số: 42/2019/QĐ/HFC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019.

NGHỊ QUYẾT

V/v: Triển khai phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi năm 2019, Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC*Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;**Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán**Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC**Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 18/2019/NQ-HFC-HĐQT ngày 13/04/2019;***QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1: Triển khai Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/2019/NQ-HFC-HĐQT và theo thực tế tình hình công ty tại thời điểm phát hành như sau:

- | | |
|---|---|
| 1. Tổ chức phát hành | Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC |
| 2. Tổ chức tư vấn | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT |
| 3. Loại trái phiếu | Trái phiếu chuyển đổi |
| 4. Hình thức trái phiếu | Trái phiếu ghi sổ |
| 5. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu | đồng Việt Nam |
| 6. Tổng giá trị phát hành | 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) |
| 7. Mệnh giá trái phiếu | 100.000 đồng/trái phiếu |

8. Số lượng trái phiếu chào bán	200.000 Trái phiếu.
9. Đối tượng chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 200.000 trái phiếu theo tỷ lệ 32,276675:1 , tức là cổ đông sở hữu 32,276675 cổ phiếu được quyền mua 01 trái phiếu chuyển đổi
10. Nguyên tắc làm tròn trái phiếu và phương án xử lý trái phiếu lẻ và trái phiếu không phân phối hết	Trái phiếu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng trái phiếu từ chối mua, trái phiếu lẻ sẽ được hủy khỏi đợt phát hành.
11. Thời hạn trái phiếu	01 năm kể từ ngày phát hành
12. Giá chào bán	Bằng mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu
13. Lãi suất trái phiếu	0%
14. Biện pháp đảm bảo	Trái phiếu không có tài sản đảm bảo
15. Giá chuyển đổi	10.000 đồng/cổ phiếu
16. Phương pháp xác định giá chuyển đổi	Nhằm tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, giá chuyển đổi được xác định đúng bằng mệnh giá.
17. Ngày chuyển đổi	Là ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi. Trái phiếu chuyển đổi có thể được chuyển đổi trước thời hạn nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
18. Quyền chuyển đổi	Tại Ngày chuyển đổi, Trái phiếu chuyển đổi được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
19. Tỷ lệ chuyển đổi	Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi tương đương với 1:10. Tức là 01 trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi.
20. Phát hành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi	Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời công ty cũng thực hiện đăng ký giao dịch bổ

Q.10
ÔNG
CỔ PH
NG D
ĐA

sung, lưu ký bổ sung số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi.

21. Mục đích sử dụng vốn

Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu dự kiến 20 tỷ đồng sẽ được dùng để cơ cấu các khoản nợ của công ty

22. Chuyển nhượng trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày phát hành. Sau 01 năm kể từ ngày phát hành, Trái phiếu được tự do chuyển nhượng.

23. Quyền lợi của người sở hữu trái phiếu

- Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận.
- Đến ngày chuyển đổi, trái phiếu sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu đứng tên người sở hữu trái phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện chuyển đổi.
- Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.

24. Thời gian dự kiến chào bán

Quý III, Quý IV/2019

Điều 2: Thông qua Hồ sơ đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC năm 2019 trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm:

1	Giấy ĐK Chào bán trái phiếu ra công chúng
2	Bản cáo bạch
3	Điều lệ công ty
4	Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thông qua phương án phát hành và sử dụng vốn năm 2019
5	Tờ trình phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi

6	Báo cáo tài chính kiểm toán công ty 2017 và 2018, BCTC Quý II năm 2019.
7	Quyết định của HĐQT triển khai phương án phát hành và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán
8	Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất
9	Văn bản xác nhận mở tài khoản phong tỏa
10	Giấy ĐKKD
11	Danh sách người có liên quan
12	Công văn xác định room Nhà đầu tư nước ngoài và một số tài liệu khác

Điều 3: Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến **20.000.000.000 đồng** sẽ dùng để trả nợ gốc các khoản nợ của công ty. Cụ thể như sau:

TT	Số hợp đồng vay	Số kế ước	Số tiền vay trong kế ước	Kế hoạch giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến trả
1	01/4818668/2019/HĐTDHM	11 (TK: 12482000392416)	15.000.000.000	10.000.000.000	27/11/2019
2	01/4818668/2019/HĐTDHM	12 (TK: 12482000394643)	15.000.000.000	10.000.000.000	12/12/2019
Tổng cộng				20.000.000.000	

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- BDH công ty;
- Các đơn vị Công ty;
- Lưu TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Hậu

Số: 53/2019/QĐ/HFC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2019.

NGHỊ QUYẾT***V/v: Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng chi tiết vốn thu được từ đợt chào bán*****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
- Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 18/2019/NQ-HFC-HĐQT ngày 13/04/2019;
- Căn cứ nghị quyết HĐQT số 42/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 12/08/2019 Về việc Triển khai phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi năm 2019, Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
- Căn cứ tình hình thực tế việc sử dụng vốn thu được sau đợt phát hành.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng năm 2019 đối với phần trả nợ gốc tại các hợp đồng tín dụng phù hợp với tình hình thực tế sau khi thu được tiền từ đợt chào bán ra công chúng. Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến **20.000.000.000 đồng** sẽ dùng để trả nợ gốc các khoản nợ của công ty. Cụ thể như sau:

TT	Số hợp đồng vay	Số kế ước	Số tiền vay trong kế ước	Kế hoạch giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến trả
1	01/4818668/2019/HĐTDHM	17 (TK: 12482000407374)	15.000.000.000	10.000.000.000	20/03/2020
2	01/4818668/2019/HĐTDHM	18 (TK: 12482000408881)	10.000.000.000	10.000.000.000	01/4/2020
Tổng cộng				20.000.000.000	

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Nghị quyết này thay thế cho nội dung Điều 3 Nghị quyết HĐQT số 42/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 12/08/2019 đã ban hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBCKNN (để báo cáo)
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- BDH công ty;
- Các đơn vị Công ty;
- Lưu TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hậu



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Phi Thái	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Trọng Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Số: 159/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội được lập ngày 09 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực 4147-02-SCT/BS
NGÀY 09-08-2019



PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Xuân Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		229.156.465.505	185.807.550.048
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.583.540.592	14.727.608.218
1. Tiền	111		26.583.540.592	14.727.608.218
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187.380.477.483	157.681.925.635
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	178.541.753.887	152.247.851.443
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	2.883.410.714	3.153.020.705
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.900.000.000	900.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.055.312.882	1.381.053.487
IV. Hàng tồn kho	140		13.184.307.427	12.284.261.041
1. Hàng tồn kho	141	5.5	13.184.307.427	12.284.261.041
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.008.140.003	1.113.755.154
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.898.036.075	1.113.755.154
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		94.364.032	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		15.739.896	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		98.762.534.260	77.829.912.191
II. Tài sản cố định	220		39.857.631.155	30.792.621.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	32.097.709.860	22.518.746.279
- Nguyên giá	222		46.299.120.403	32.480.724.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.201.410.543)	(9.961.978.020)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.759.921.295	8.273.875.636
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.877.835.296)	(2.363.880.955)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	2.904.533.685	3.051.099.273
1. Nguyên giá	231		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.370.116.061)	(2.223.550.473)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	27.387.684.940	18.926.941.699
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		27.387.684.940	18.926.941.699
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	7.608.000.000	8.788.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.460.000.000	5.460.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.817.537.150)	(1.637.037.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.004.684.480	16.270.749.304
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	21.004.684.480	16.270.749.304
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		327.918.999.765	263.637.462.239

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		262.463.715.672	218.477.421.600
I. Nợ ngắn hạn	310		258.999.365.672	209.829.279.600
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	35.419.265.879	56.391.125.746
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		180.305.107	154.212.996
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	341.883.471	1.082.712.568
4. Phải trả người lao động	314		3.545.983.749	5.302.415.435
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	721.255.629	549.231.268
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	6.151.425.072	7.008.186.659
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	212.000.330.000	137.500.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		638.916.765	1.841.394.928
II. Nợ dài hạn	330		3.464.350.000	8.648.142.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	869.000.000	848.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	2.595.350.000	7.800.142.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		65.455.284.093	45.160.040.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	65.455.284.093	45.160.040.639
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.899.990.000	21.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.899.990.000	21.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		999.054.671	11.887.067.102
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.556.239.422	12.272.973.537
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.372.368.709
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.556.239.422	8.900.604.828
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		327.918.999.765	263.637.462.239

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thu Hằng




Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS TM		Năm 2017	Năm 2016
	2	3	VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.910.596.261.240	1.218.518.468.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.910.596.261.240	1.218.518.468.475
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	1.808.530.024.052	1.131.922.922.858
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		102.066.237.188	86.595.545.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	18.239.070	23.807.020
7. Chi phí tài chính	22	5.21	12.658.666.734	9.238.046.524
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.525.019.502	7.601.009.374
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	50.744.523.435	39.929.980.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	31.177.723.675	28.383.605.104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.503.562.414	9.067.720.328
11. Thu nhập khác	31		1.029.806.142	2.957.006.967
12. Chi phí khác	32		1.747.727.917	1.280.729.627
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	(717.921.775)	1.676.277.340
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.785.640.639	10.743.997.668
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	1.054.606.548	1.843.392.840
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.731.034.091	8.900.604.828

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Vũ Thu Hằng



Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.785.640.639	10.743.997.668
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.864.127.600	3.320.659.400
- Các khoản dự phòng	03		1.180.500.000	1.604.647.932
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.239.070)	(23.807.020)
- Chi phí lãi vay	06		10.525.019.502	7.601.009.374
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.337.048.671	23.246.507.354
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.588.447.920)	(65.088.557.117)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(900.046.386)	4.309.176.433
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.615.686.686)	28.929.713.561
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.518.216.097)	(8.120.863.756)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.222.937.198)	(6.318.230.324)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.242.191.667)	(2.711.126.988)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(59.750.477.283)	(25.753.380.837)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.643.544.345)	(12.484.292.106)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	(900.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.965.537.150)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.239.070	23.807.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.625.305.275)	(19.326.022.236)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		39.899.990.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		852.500.330.000	469.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(783.204.792.000)	(415.604.792.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.963.813.068)	(3.374.387.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		95.231.714.932	50.020.820.130
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		11.855.932.374	4.941.417.057
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.727.608.218	9.786.191.161
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	26.583.540.592	14.727.608.218

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thu Hằng



Phạm Thị Liên Hương



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN*

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.899.990.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2017	Tỷ lệ
		(VND)	sở hữu %
Công ty Xăng dầu Khu vực I	897.750	8.977.500.000	15
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	296.400	2.964.000.000	5
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	264.195	2.641.950.000	4
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vận tải Đô thị	262.200	2.622.000.000	4
Ông Nguyễn Trọng Hậu	563.481	5.634.810.000	9
Cổ đông khác	3.805.973	38.059.730.000	62
Tổng	6.089.999	60.899.990.000	100

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 206 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
 - + Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết:

- Khách sạn;
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết:

- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,20%	89,20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tố phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

n. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: là công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí sửa chữa được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ là 01 năm và 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Chi phí lãi vay, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 5% lợi nhuận sau thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xăng dầu, bất động sản cho thuê (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giám so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty liên kết của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh kinh doanh xăng dầu và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	8.949.444.633	3.069.090.382
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.634.095.959	11.658.517.836
Tổng	26.583.540.592	14.727.608.218

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	178.541.753.887	152.247.851.443
Xí nghiệp xe buýt Thăng Long Hà Nội	4.235.779.731	9.184.854.241
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Xí nghiệp xe buýt Hà Nội	17.031.233.116	29.930.300.450
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Xí nghiệp xe buýt 10-10 Hà Nội	7.225.616.688	8.662.971.690
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	6.588.580.678	3.570.228.410
Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội	3.012.332.371	15.381.841.150
Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ Long Hải	3.278.735.986	3.374.532.611
Công ty cổ phần xe khách Hà Nội	6.148.851.310	4.191.861.780
Xí Nghiệp Xe Buýt Cầu Bươu - Chi Nhánh Tổng Công ty Vận Tải Hà Nội	10.889.624.766	360.038.360
Công ty CP xây dựng và vận tải Minh Nguyên	4.692.753.666	1.493.641.280
Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Trịnh Gia	4.200.670.609	960.498.679
Công ty Cổ phần VIJASUN	5.387.131.797	5.620.575.207
Phải thu các khách hàng khác	105.850.443.169	69.516.507.585
<i><u>Trong đó: Phải thu các bên liên quan</u></i>	-	<i>4.365.831.027</i>
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	-	4.365.831.027
Tổng	178.541.753.887	152.247.851.443

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.883.410.714	3.153.020.705
Công ty Cổ phần Mỹ Anh	400.000.000	400.000.000
Cty cổ phần thiết bị xăng dầu Petrolimex	912.395.440	-
Công ty CP Đầu tư XD & TM Công Năng	700.000.000	812.911.607
Công ty TNHH Nội thất Ngọc Phú	-	1.100.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	871.015.274	840.109.098
Tổng	2.883.410.714	3.153.020.705

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.4 Phải thu hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	4.055.312.882	-	1.381.053.487	-
Tạm ứng	2.501.101.841	-	1.269.350.053	-
Phải thu khác	1.554.211.041	-	111.703.434	-
Tổng	4.055.312.882	-	1.381.053.487	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	84.257.400	-	36.166.400	-
Công cụ, dụng cụ	1.943.764.087	-	1.257.720.243	-
Hàng hoá	11.156.285.940	-	10.990.374.398	-
Tổng	13.184.307.427	-	12.284.261.041	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.898.036.075	1.113.755.154
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	1.698.036.087	1.113.755.154
Chi phí thuê đất trạm cấp Yên Phong (Chi nhánh Thái Nguyên)	199.999.988	-
b) Dài hạn	21.004.684.480	16.270.749.304
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại CH Cầu Cắm - CN Nghệ An	3.261.818.160	-
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	5.250.514.197	3.469.446.147
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu (Thạch Hòa, Thái Nguyên)	1.753.997.662	3.484.545.383
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	899.039.676
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Chi nhánh Hải Phòng	10.738.354.461	8.417.718.098
Tổng	22.902.720.555	17.384.504.458

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	15.034.274.575	9.528.702.228	5.769.138.182	2.148.609.314	32.480.724.299
Tăng trong năm	8.950.385.198	4.158.908.584	-	1.073.507.322	14.182.801.104
Tăng trong năm	8.950.385.198	4.158.908.584	-	1.073.507.322	14.182.801.104
Giảm trong năm	-	364.405.000	-	-	364.405.000
Thanh lý, nhượng bán	-	364.405.000	-	-	364.405.000
Số dư tại 31/12/2017	23.984.659.773	13.323.205.812	5.769.138.182	3.222.116.636	46.299.120.403
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	3.660.225.940	3.578.395.837	1.729.743.606	993.612.637	9.961.978.020
Tăng trong năm	1.378.337.528	1.573.331.201	901.523.029	468.531.181	4.321.722.939
Khấu hao trong năm	1.378.337.528	1.573.331.201	901.523.029	468.531.181	4.321.722.939
Giảm trong năm	-	82.290.416	-	-	82.290.416
Thanh lý, nhượng bán	-	82.290.416	-	-	82.290.416
Số dư tại 31/12/2017	5.038.563.468	5.069.436.622	2.631.266.635	1.462.143.818	14.201.410.543
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	11.374.048.635	5.950.306.391	4.039.394.576	1.154.996.677	22.518.746.279
Tại 31/12/2017	18.946.096.305	8.253.769.190	3.137.871.547	1.759.972.818	32.097.709.860

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2017 với giá trị là 4.623.867.385 đồng, tại ngày 01/01/2017 là 4.675.423.749 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi cầm cố kỳ cược các khoản vay tính đến thời điểm 31/12/2017 với giá trị là 8.333.144.800 đồng.

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	1.615.422.591	717.678.364	30.780.000	2.363.880.955
Tăng trong năm	179.508.000	324.186.341	10.260.000	513.954.341
Khấu hao trong năm	179.508.000	324.186.341	10.260.000	513.954.341
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	1.794.930.591	1.041.864.705	41.040.000	2.877.835.296
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	7.360.150.000	893.205.636	20.520.000	8.273.875.636
Tại 31/12/2017	7.180.642.000	569.019.295	10.260.000	7.759.921.295

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thi Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

5.9 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	5.274.649.746	-	-	5.274.649.746
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	-	-	666.654.200
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Các quầy kiot	419.189.655	-	-	419.189.655
Giá trị hao mòn lũy kế	2.223.550.473	146.565.588	-	2.370.116.061
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	552.852.945	28.450.320	-	581.303.265
VP 456 Trần Khát Chân	749.952.801	70.571.400	-	820.524.201
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	190.175.472	47.543.868	-	237.719.340
Các quầy kiot	419.189.655	-	-	419.189.655
Giá trị còn lại	3.051.099.273	-	-	2.904.533.685
Nhà 63 Tô Hiến Thành	113.801.255	-	-	85.350.935
VP 456 Trần Khát Chân	987.999.654	-	-	917.428.254
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	1.949.298.364	-	-	1.901.754.496

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.387.684.940	27.387.684.940	18.926.941.699	18.926.941.699
Dự án Cửa hàng XD Mai Dịch 1	5.448.884.522	5.448.884.522	2.156.789.524	2.156.789.524
Dự án số 1 Đồng Tác	280.548.714	280.548.714	280.548.714	280.548.714
Dự án Dã Tượng	9.928.553.522	9.928.553.522	9.491.690.582	9.491.690.582
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271	478.501.271	478.501.271
Dự án Cửa hàng XD Tam Hiệp	49.108.459	49.108.459	3.872.801.863	3.872.801.863
Dự án Cửa hàng XD Đồng Tháp	1.012.071.182	1.012.071.182	834.843.910	834.843.910
Dự án trạm dầu Đèn Lừ II	713.462.877	713.462.877	187.513.091	187.513.091
Giá trị 2 cột bơm	-	-	420.000.000	420.000.000
Dự án Cửa hàng XD Mai Dịch 2	1.819.621.679	1.819.621.679	557.266.702	557.266.702
Văn phòng Xi nghiệp bán lẻ số 2	2.203.024.955	2.203.024.955	-	-
Dự án khác	4.806.921.717	4.806.921.717	-	-
Tổng	27.387.684.940	27.387.684.940	18.926.941.699	18.926.941.699

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào Công ty con	5.460.000.000	4.460.000.000	(1.000.000.000)	5.460.000.000	4.460.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	4.460.000.000	4.460.000.000	-	4.460.000.000	4.460.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Đầu tư dài hạn khác	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	4.328.500.000	(637.037.150)
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	4.328.500.000	(637.037.150)
Tổng	10.425.537.150	7.608.000.000	(2.817.537.150)	10.425.537.150	8.788.500.000	(1.637.037.150)

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Tầng F3 - Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	89,2%	89,2%	Vận chuyển xăng dầu
2	Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Số 7 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100,0%	100,0%	Kinh doanh lĩnh vực nhà hàng, quán ăn, lĩnh vực ăn uống

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	35.419.265.879	35.419.265.879	56.391.125.746	56.391.125.746
Công ty xăng dầu KVI	24.944.078.039	24.944.078.039	24.990.568.660	24.990.568.660
- Công ty TNHH I thành viên				
Công ty TNHH Hải Linh	-	-	19.682.875.569	19.682.875.569
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại	996.525.200	996.525.200	1.931.639.600	1.931.639.600
Công ty TNHH LPK	464.483.580	464.483.580	1.072.278.020	1.072.278.020
Công ty TNHH MTV Kinh doanh thương mại Xăng dầu Mipéc	2.064.789.040	2.064.789.040	-	-
Phải trả các đối tượng khác	6.949.390.020	6.949.390.020	8.713.763.897	8.713.763.897
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.501.014.462	1.501.014.462	6.309.908.144	6.309.908.144
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	1.478.806.862	1.478.806.862	6.214.298.144	6.214.298.144
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	22.207.600	22.207.600	95.610.000	95.610.000
Tổng	35.419.265.879	35.419.265.879	56.391.125.746	56.391.125.746

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2017	* Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	683.759.325	4.378.747.120	4.755.746.016	306.760.429
Thuế thu nhập doanh nghiệp	222.618.833	1.054.606.548	1.242.191.667	35.033.714
Thuế thu nhập cá nhân	176.334.410	693.017.827	869.262.909	89.328
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.350.313.159	3.350.313.159	-
Các loại thuế khác	-	24.000.000	24.000.000	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	226.001.648	226.001.648	-
Tổng	1.082.712.568	9.726.686.302	10.467.515.399	341.883.471

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	721.255.629	549.231.268
Chi phí lãi vay	302.082.304	152.498.553
Trích trước phí kiểm toán	130.000.000	130.000.000
Chi phí phải trả khác	289.173.325	266.732.715
Tổng	721.255.629	549.231.268

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	6.151.425.072	7.008.186.659
- Kinh phí công đoàn;	24.191.690	20.435.238
- Bảo hiểm xã hội;	2.777.928	2.777.928
- Bảo hiểm y tế;	486.917	486.917
- Bảo hiểm thất nghiệp;	234.467	234.467
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	6.123.734.070	6.984.252.109
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>323.840.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.875.000.000</i>	<i>1.645.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>1.595.924.670</i>
<i>Trung tâm Thương mại và Dịch vụ</i>	<i>-</i>	<i>307.000.000</i>
<i>- Tổng Công ty Vận tải Hà Nội,</i>		
<i>Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng 89</i>	<i>3.288.900.000</i>	<i>2.915.900.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>623.368.870</i>	<i>196.587.439</i>
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	869.000.000	848.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	869.000.000	848.000.000
Tổng	7.020.425.072	7.856.186.659

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSECO - HFC - PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (bên A); Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần PARUS (bên C), Mục tiêu và phạm vi hợp tác: Các Bên đồng ý cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730 m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh của bên B, Thời hạn Hợp đồng 10 năm, Tổng giá trị hợp đồng: 8.066.000.000 đồng, vốn các bên góp như sau:

Bên A góp bằng phần chi phí phân bổ cho 10 năm mà bên A đã đầu tư cho phần xây dựng cửa hàng được các bên thống nhất có giá trị 1.888.000.000 đồng (chiếm 28%)

Bên B góp 3.439.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%

Bên C góp 1.415.000.000 đồng chiếm 21%

Phần còn lại là 1.324.000.000 đồng do bên B chịu trách nhiệm thu xếp và được tính là vay vốn cho Dự án và chi phí lãi vay được trừ vào thu nhập của cửa hàng trước khi phân chia kết quả theo tỷ lệ góp vốn.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn (Bên A hưởng 28%, Bên B hưởng 51% và bên C hưởng 21%) sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định (không bao gồm thuế TNDN). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất khác đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả cho bên A và C phần phân chia lợi nhuận cho bên A không thấp hơn 307 triệu đồng/năm và không thấp hơn 230 triệu đồng/năm cho bên C. Hiệu lực của hợp đồng ngay sau các bên ký.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	212.000.330.000	212.000.330.000	852.500.330.000	778.000.000.000	137.500.000.000	137.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hoàn Kiếm (1)	103.000.000.000	103.000.000.000	423.000.000.000	399.500.000.000	79.500.000.000	79.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	58.000.330.000	58.000.330.000	124.500.330.000	94.500.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	31.000.000.000	31.000.000.000	131.500.000.000	130.500.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Sở giao dịch	20.000.000.000	20.000.000.000	173.500.000.000	153.500.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	2.595.350.000	2.595.350.000	-	5.204.792.000	7.800.142.000	7.800.142.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (4)	-	-	-	4.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (5)	262.000.000	262.000.000	-	104.800.000	366.800.000	366.800.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (6)	2.333.350.000	2.333.350.000	-	799.992.000	3.133.342.000	3.133.342.000
Tổng	214.595.680.000	214.595.680.000	852.500.330.000	783.204.792.000	145.300.142.000	145.300.142.000

(1) và (6): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 67/2015-HDTHM/NHCT122- XDCDHN ngày 20/7/2015, hạn mức 80 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu.

(2): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4818668/HDTDHMNH ngày 27/05/2015, hạn mức 10 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 7 Dã Tượng.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Tiếp theo)

(3): Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 9697.15.002.1486666.TD, Giá trị hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng, Thời hạn cấp tín dụng từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 31/5/2016, Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mỡ năm 2015- 2016, Thời hạn tối đa khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 03 tháng, Lãi suất được xác định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

(4): Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2014 ngày 24/10/2014 có điều khoản cụ thể như sau: Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 6.700.000.000 đồng; Mục đích vay: Dùng để thanh toán chi phí đầu tư điện tích sản xây dựng Nhà F3 toà 187 Nguyễn Lương Bằng; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: tại thời điểm ký hợp đồng là 9,3%/năm và có giá trị tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần theo thông báo ngân hàng; Tài sản thế chấp là quyền sở hữu sản phẩm phòng tại tầng 3 Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014 tháng 10/14 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội. Giá trị tài sản thế chấp được thống nhất 8.400.000.000 đồng.

(5): Khoản vay ngân hàng Quân đội theo Hợp đồng tín dụng về việc cho vay trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/4/2015. Số tiền vay: 603 triệu đồng, Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe oto Ford Everest, Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ, Tài sản đảm bảo đúng bằng tài sản vay.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	21.000.000.000	11.193.428.086	8.854.034.613	41.047.462.699
Tăng trong năm	-	693.639.016	8.900.604.828	9.594.243.844
Lợi nhuận sau thuế	-	-	8.900.604.828	8.900.604.828
Trích lập các quỹ	-	693.639.016	-	693.639.016
Giảm trong năm	-	-	5.481.665.904	5.481.665.904
Trích lập các quỹ	-	-	1.807.278.034	1.807.278.034
Chi cổ tức	-	-	1.260.000.000	1.260.000.000
Giảm khác	-	-	300.000.000	300.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	2.114.387.870	2.114.387.870
Số dư tại 31/12/2016	21.000.000.000	11.887.067.102	12.272.973.537	45.160.040.639
Số dư tại 01/01/2017	21.000.000.000	11.887.067.102	12.272.973.537	45.160.040.639
Tăng trong năm	39.899.990.000	241.977.569	5.731.034.091	45.873.001.660
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.731.034.091	5.731.034.091
Tăng trong năm	39.899.990.000	241.977.569	-	40.141.967.569
Giảm trong năm	-	11.129.990.000	14.447.768.206	25.577.758.206
Chia trả cổ tức	-	-	3.653.999.400	3.653.999.400
Lãi liên doanh liên kết	-	-	3.589.813.668	3.589.813.668
Trích lập các quỹ	-	-	483.955.138	483.955.138
Tăng vốn chủ sở hữu	-	11.129.990.000	6.720.000.000	17.849.990.000
Số dư tại 31/12/2017	60.899.990.000	999.054.671	3.556.239.422	65.455.284.093

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	8.977.500.000	3.150.000.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	2.964.000.000	1.040.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	2.641.950.000	927.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vận tải Đô thị	2.622.000.000	927.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.634.810.000	1.403.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	38.059.730.000	13.552.500.000
Tổng	60.899.990.000	21.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	39.899.990.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	60.899.990.000	21.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.114.387.870	7.243.813.068

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.089.999	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	6.089.999	2.100.000
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn theo kế hoạch sử dụng vốn theo phương án phát hành

Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên số 001/NQ- ĐHCD ngày 23/04/2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng;

Căn cứ vào kế hoạch sử dụng vốn được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty thông qua, mục đích tăng vốn là: phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 - 2017;

Căn cứ vào tình hình thực tế đầu tư, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng, Công ty đã sử dụng vốn như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Đã sử dụng
1.	Dự án đầu tư của hàng Xăng dầu Tam Hiệp diện tích 4.100 m ²	7.094.000.000	10.148.734.056
2.	Dự án đầu tư của hàng Xăng dầu tại huyện Đan Phượng diện tích 3.300 m ²	14.956.000.000	-
	Tổng	22.050.000.000	10.148.734.056

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán xăng dầu	1.907.282.079.424	1.214.596.650.294
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt	3.314.181.816	3.921.818.181
Tổng	1.910.596.261.240	1.218.518.468.475

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán xăng dầu	1.806.934.483.474	1.130.150.863.241
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt	1.595.540.578	1.772.059.617
Tổng	1.808.530.024.052	1.131.922.922.858

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.239.070	23.807.020
Tổng	18.239.070	23.807.020

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	10.525.019.502	7.601.009.374
Phí bảo lãnh	953.147.232	-
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	1.180.500.000	1.637.037.150
Tổng	12.658.666.734	9.238.046.524

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	16.202.200.320	15.347.649.175
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	1.339.560.754	542.280.280
Chi phí khấu hao	2.968.790.349	2.241.447.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.646.825.674	12.439.538.060
Chi phí khác bằng tiền	10.587.146.338	9.359.065.520
Tổng	50.744.523.435	39.929.980.681

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.646.360.776	13.005.544.943
Chi phí vật liệu quản lý	834.876.326	813.325.663
Chi phí khấu hao	1.189.531.508	1.329.349.585
Thuế, phí, lệ phí	156.460.275	295.935.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.168.065.203	693.951.198
Chi phí khác bằng tiền	14.182.429.587	12.245.497.776
Tổng	31.177.723.675	28.383.605.104

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập trích trước chi phí thuê đất	-	1.802.714.425
Thu nhập nhượng lại của hàng kinh doanh	480.000.000	850.000.000
Cho công ty con thuê xe ô tô	541.740.650	261.729.400
Thu nhập khác	8.065.492	42.563.142
Tổng	1.029.806.142	2.957.006.967
Chi phí khác		
Chi phí phạt theo biên bản thanh tra	469.420.472	277.742.795
Chi phí cửa hàng kinh doanh	733.630.790	709.090.920
Chi phí khấu hao xe ô tô	497.847.423	248.923.711
Chi phí khác	46.829.232	44.972.201
Tổng	1.747.727.917	1.280.729.627
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(717.921.775)	1.676.277.340

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	6.785.640.639	10.743.997.668
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	684.429.411	587.354.402
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	3.589.813.669	2.114.387.870
Thu nhập chịu thuế công ty	3.880.256.381	9.216.964.200
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	776.051.276	1.843.392.840
Thuế phải nộp theo Quyết định cơ quan thuế	278.555.272	-
Tổng	1.054.606.548	1.843.392.840

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	776.051.276	1.843.392.840
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	278.555.272	-
Tổng	1.054.606.548	1.843.392.840

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.174.437.080	1.355.605.943
Chi phí nhân công	29.848.561.096	28.353.194.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.982.242.868	3.449.732.324
Chi phí về thuế phí lệ phí	156.460.275	295.935.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.814.890.877	13.133.489.258
Chi phí khác bằng tiền	24.769.575.925	21.604.563.296
Tổng	82.746.168.121	68.192.520.878

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền hàng	-	4.365.831.027
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Cho vay	1.900.000.000	900.000.000

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền bán hàng	1.478.806.862	6.214.298.144
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Tiền bán hàng	22.207.600	95.610.000

b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, BKS	Lương, thu nhập	1.684.973.804	1.092.085.504
Tổng		1.684.973.804	1.092.085.504

c. Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền vận chuyển xăng dầu	12.971.761.649	12.369.223.760
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Dịch vụ ăn uống	862.194.944	795.754.138

Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Xăng, dầu	5.045.852.643	6.031.056.352
		Thuê xe ô tô	541.740.650	261.729.400

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.583.540.592	14.727.608.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.597.066.769	153.628.904.930
Dầu tư dài hạn	7.608.000.000	8.788.500.000
Tổng	216.788.607.361	177.145.013.148
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	214.595.680.000	145.300.142.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.570.690.951	63.399.312.405
Chi phí phải trả	721.255.629	549.231.268
Tổng	256.887.626.580	209.248.685.673

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ một số nhà cung cấp để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	212.000.330.000	2.595.350.000	214.595.680.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.570.690.951	-	41.570.690.951
Chi phí phải trả	721.255.629	-	721.255.629
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	137.500.000.000	7.800.142.000	145.300.142.000
Phải trả người bán và phải trả khác	63.399.312.405	-	63.399.312.405
Chi phí phải trả	549.231.268	-	549.231.268

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.583.540.592	-	26.583.540.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.597.066.769	-	182.597.066.769
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	7.608.000.000	-	7.608.000.000
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.727.608.218	-	14.727.608.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.628.904.930	-	153.628.904.930
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	8.788.500.000	-	8.788.500.000

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thu Hằng

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con được hợp nhất là:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội là: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC và Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 01066665780 ngày 14/10/2014. Công ty có trụ sở tại Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội chiếm 89,2% vốn.

Công ty TNHH Dịch vụ HFC là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 0107453436 ngày 30/05/2016. Công ty có trụ sở tại Số 07 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội chiếm 100% vốn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT
	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Ủy viên
	Ông Nguyễn Phi Thái	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phan Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Số: 160/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017
của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, được lập ngày 12/3/2018, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Ngọc An

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực 4.146

02-SCT/BS

NGÀY: 09-08-2019



PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Dũng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		228.551.366.760	182.628.598.961
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.194.869.973	15.981.389.234
1. Tiền	111		27.194.869.973	15.981.389.234
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.721.441.515	152.733.310.585
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	178.626.346.296	147.923.003.063
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	2.938.860.714	3.155.620.705
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.156.234.505	1.654.686.817
IV. Hàng tồn kho	140		13.610.887.225	12.583.232.096
1. Hàng tồn kho	141	5.5	13.610.887.225	12.583.232.096
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.024.168.047	1.330.667.046
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.898.036.075	1.113.755.154
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		94.364.032	195.132.955
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.14	31.767.940	21.778.937
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		103.767.137.270	84.472.388.639
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.770.000	2.850.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		3.770.000	2.850.000
II. Tài sản cố định	220		48.456.658.501	40.858.551.113
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	40.696.737.206	32.584.675.477
- Nguyên giá	222		57.809.793.584	43.961.397.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.113.056.378)	(11.376.722.003)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.759.921.295	8.273.875.636
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.877.835.296)	(2.363.880.955)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	2.904.533.685	3.051.099.273
1. Nguyên giá	231		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.370.116.061)	(2.223.550.473)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.387.684.940	18.926.941.699
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	27.387.684.940	18.926.941.699
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	3.148.000.000	4.328.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.817.537.150)	(637.037.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.866.490.144	17.304.446.554
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	21.866.490.144	17.304.446.554
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		332.318.504.030	267.100.987.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		268.309.733.272	221.431.281.932
I. Nợ ngắn hạn	310		260.667.683.272	206.487.139.932
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	34.222.623.831	50.390.471.642
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	180.305.107	154.212.996
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	631.320.463	1.163.177.657
4. Phải trả người lao động	314		4.061.396.657	5.873.633.272
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	825.003.447	656.652.518
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	8.107.787.002	8.907.596.919
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	212.000.330.000	137.500.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		638.916.765	1.841.394.928
II. Nợ dài hạn	330		7.642.050.000	14.944.142.000
7. Phải trả dài hạn khác	337		869.000.000	848.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	6.773.050.000	14.096.142.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		64.008.770.758	45.669.705.668
I. Vốn chủ sở hữu	410		64.008.770.758	45.669.705.668
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	60.899.990.000	21.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.899.990.000	21.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.18	999.054.671	11.887.067.102
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.18	1.568.897.894	12.242.365.605
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.369.379.982
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.568.897.894	8.872.985.623
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.18	540.828.193	540.272.961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		332.318.504.030	267.100.987.600

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thu Hằng



Phạm Thị Liên Hương



Nguyễn Trọng Hậu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.908.552.613.350	1.216.001.542.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.908.552.613.350	1.216.001.542.342
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	1.819.487.691.376	1.139.436.198.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		89.064.921.974	76.565.343.924
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	21.237.675	26.243.025
7. Chi phí tài chính	22	5.22	13.211.109.330	8.781.552.287
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.042.657.928	8.144.515.137
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	38.029.824.067	27.806.356.153
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	31.910.181.386	30.679.555.052
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+(24) -(25+26)}	30		5.935.044.866	9.324.123.457
12. Thu nhập khác	31		666.008.174	2.695.278.302
13. Chi phí khác	32		1.755.192.661	1.281.547.542
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	(1.089.184.487)	1.413.730.760
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.845.860.379	10.737.854.217
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	1.071.004.652	1.868.229.173
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.26	-	(7.125.628)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.774.855.727	8.876.750.672
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		3.774.300.495	8.872.985.623
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		555.232	3.765.049
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	661	3.902

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018
 Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Vũ Thu Hằng




Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.845.860.379	10.737.854.217
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		6.479.144.720	4.312.104.181
- Các khoản dự phòng	03		1.180.500.000	(637.037.150)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.237.675)	(26.243.025)
- Chi phí lãi vay	06		11.042.657.928	8.144.515.137
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.526.925.352	22.531.193.360
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.898.271.010)	(58.147.497.230)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.027.655.129)	4.282.442.989
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(31.508.407.912)	24.959.284.762
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.346.324.511)	(8.774.276.589)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.257.100.297)	(6.782.336.562)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.252.838.878)	(2.757.742.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(58.763.672.385)	(24.688.931.528)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.673.544.345)	(15.912.637.560)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.965.537.150)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.237.675	26.243.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.652.306.670)	(20.851.931.685)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		39.899.990.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		852.500.330.000	471.214.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(785.323.092.000)	(417.169.592.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.447.768.206)	(3.374.387.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92.629.459.794	50.670.020.130
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		11.213.480.739	5.129.156.917
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.981.389.234	10.852.232.317
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	27.194.869.973	15.981.389.234

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018
 Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Vũ Thu Hằng



Phạm Thị Liên Hương



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.899.990.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2017 (VND)	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Xăng dầu Khu vực I	897.750	8.977.500.000	15
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	296.400	2.964.000.000	5
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	264.195	2.641.950.000	4
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vận tải Đô thị	262.200	2.622.000.000	4
Ông Nguyễn Trọng Hậu	563.481	5.634.810.000	9
Cổ đông khác	3.805.973	38.059.730.000	62
Tổng	6.089.999	60.899.990.000	100

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 206 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa;
 - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết:

- Khách sạn;
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết:

- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,2%	89,2%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, Công ty con là: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC và Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	9.151.849.532	3.289.355.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.043.020.441	12.692.033.857
Tổng	27.194.869.973	15.981.389.234

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	178.626.346.296	147.923.003.063
Xí nghiệp xe buýt Thăng Long Hà Nội	4.235.779.731	9.184.854.241
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Xí nghiệp xe buýt Hà Nội	17.031.233.116	29.930.300.450
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Xí nghiệp xe buýt 10-10 Hà Nội	7.225.616.688	8.662.971.690
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	6.588.580.678	3.570.228.410
Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội	3.012.332.371	15.381.841.150
Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ Long Hải	3.278.735.986	3.374.532.611
Công ty cổ phần xe khách Hà Nội	6.148.851.310	4.191.861.780
Xí Nghiệp Xe Buýt Cầu Bươu - Chi Nhánh Tổng Công ty Vận Tải Hà Nội	10.889.624.766	360.038.360
Công ty CP xây dựng và vận tải Minh Nguyên	4.692.753.666	1.493.641.280
Công ty CP Đầu tư và XNK Trịnh Gia	4.200.670.609	960.498.679
Công ty Cổ phần VIJASUN	5.387.131.797	5.620.575.207
Phải thu các khách hàng khác	105.935.035.578	65.191.659.205
Tổng	178.626.346.296	147.923.003.063

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.938.860.714	3.155.620.705
Công ty Cổ phần Mỹ Anh	400.000.000	400.000.000
Cty Cổ phần thiết bị xăng dầu Petrolimex	912.395.440	-
Công ty TNHH Nội thất Ngọc Phú	-	1.100.000.000
Công ty CP Đầu tư XD & TM Công Năng	700.000.000	812.911.607
Các khoản trả trước cho người bán khác	926.465.274	842.709.098
Tổng	2.938.860.714	3.155.620.705

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	4.156.234.505		1.654.686.817	
Tạm ứng	2.580.572.891	-	1.528.857.092	-
Phải thu khác	1.575.661.614	-	125.829.725	-
Tổng	4.156.234.505	-	1.654.686.817	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	224.037.277	-	69.286.914	-
Công cụ, dụng cụ	1.987.007.059	-	1.312.481.383	-
Hàng hoá	11.399.842.889	-	11.201.463.799	-
Tổng	13.610.887.225	-	12.583.232.096	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.898.036.075	1.113.755.154
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	1.698.036.087	1.113.755.154
Chi phí thuê đất trạm cấp Yên Phong (Chi nhánh Thái Nguyên)	199.999.988	-
b) Dài hạn	21.866.490.144	17.304.446.554
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	6.112.319.861	5.402.183.073
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu: (Thạch Hòa, Thái Nguyên)	1.753.997.662	3.484.545.383
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Chi nhánh Hải Phòng	10.738.354.461	8.417.718.098
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại CH Cầu Cẩm - CN Nghệ An	3.261.818.160	-
Tổng	23.764.526.219	18.418.201.708

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Năm 2017	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	15.034.274.575	9.528.702.228	17.249.811.363	2.148.609.314	43.961.397.480
Tăng trong năm	8.950.385.198	4.158.908.584	30.000.000	1.073.507.322	14.212.801.104
Mua trong năm	8.950.385.198	4.158.908.584	30.000.000	1.073.507.322	14.212.801.104
Giảm trong năm	-	364.405.000	-	-	364.405.000
Thanh lý, nhượng bán	-	364.405.000	-	-	364.405.000
Tại ngày 31 tháng 12	23.984.659.773	13.323.205.812	17.279.811.363	3.222.116.636	57.809.793.584
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	3.660.225.940	3.578.395.837	3.144.487.589	993.612.637	11.376.722.003
Tăng trong năm	1.378.337.528	1.573.331.201	2.398.424.881	468.531.181	5.818.624.791
Khấu hao trong năm	1.378.337.528	1.573.331.201	2.398.424.881	468.531.181	5.818.624.791
Giảm trong năm	-	82.290.416	-	-	82.290.416
Thanh lý, nhượng bán	-	82.290.416	-	-	82.290.416
Tại ngày 31 tháng 12	5.038.563.468	5.069.436.622	5.542.912.470	1.462.143.818	17.113.056.378
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	11.374.048.635	5.950.306.391	14.105.323.774	1.154.996.677	32.584.675.477
Tại ngày 31 tháng 12	18.946.096.305	8.253.769.190	11.736.898.893	1.759.972.818	40.696.737.206

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2017 với giá trị là 4.623.867.385 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 4.675.423.749 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi cầm cố ký cược các khoản vay tính đến thời điểm 31/12/2017 với giá trị là 8.333.144.800 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>8.975.572.591</u>	<u>1.610.884.000</u>	<u>51.300.000</u>	<u>10.637.756.591</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	1.615.422.591	717.678.364	30.780.000	2.363.880.955
Tăng trong năm	179.508.000	324.186.341	10.260.000	513.954.341
Khấu hao trong năm	179.508.000	324.186.341	10.260.000	513.954.341
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>1.794.930.591</u>	<u>1.041.864.705</u>	<u>41.040.000</u>	<u>2.877.835.296</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	<u>7.360.150.000</u>	<u>893.205.636</u>	<u>20.520.000</u>	<u>8.273.875.636</u>
Tại 31/12/2017	<u>7.180.642.000</u>	<u>569.019.295</u>	<u>10.260.000</u>	<u>7.759.921.295</u>

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.9 Bất động sản đầu tư

Khoản mục				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm	
Bất động sản đầu tư cho thuê					
Nguyên giá	5.274.649.746	-	-	5.274.649.746	
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600	
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	-	-	666.654.200	
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455	
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836	
Các quỹ kiốt	419.189.655	-	-	419.189.655	
Giá trị hao mòn lũy kế	2.223.550.473	146.565.588	-	2.370.116.061	
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600	
Nhà 63 Tô Hiến Thành	552.852.945	28.450.320	-	581.303.265	
VP 456 Trần Khát Chân	749.952.801	70.571.400	-	820.524.201	
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	190.175.472	47.543.868	-	237.719.340	
Các quỹ kiốt	419.189.655	-	-	419.189.655	
Giá trị còn lại	3.051.099.273	-	-	2.904.533.685	
Nhà 63 Tô Hiến Thành	113.801.255	-	-	85.350.935	
VP 456 Trần Khát Chân	987.999.654	-	-	917.428.254	
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	1.949.298.364	-	-	1.901.754.496	

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.387.684.940	27.387.684.940	18.926.941.699	18.926.941.699
Dự án Cửa hàng XD Mai Dịch 1	5.448.884.522	5.448.884.522	2.156.789.524	2.156.789.524
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714	280.548.714	280.548.714
Dự án Dã Tượng	9.928.553.522	9.928.553.522	9.491.690.582	9.491.690.582
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271	478.501.271	478.501.271
Dự án Cửa hàng XD Tam Hiệp	49.108.459	49.108.459	3.872.801.863	3.872.801.863
Dự án Cửa hàng XD Đồng Tháp	1.012.071.182	1.012.071.182	834.843.910	834.843.910
Dự án trạm dầu Đèn Lừ II	713.462.877	713.462.877	187.513.091	187.513.091
Giá trị 2 cột bơm	-	-	420.000.000	420.000.000
Dự án Cửa hàng XD Mai Dịch 2	1.819.621.679	1.819.621.679	557.266.702	557.266.702
Văn phòng Xí nghiệp bán lẻ số 2	2.203.024.955	2.203.024.955	-	-
Dự án khác	4.806.921.717	4.806.921.717	-	-
Tổng	27.387.684.940	27.387.684.940	18.926.941.699	18.926.941.699

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư dài hạn khác	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	4.328.500.000	(637.037.150)
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	4.328.500.000	(637.037.150)
Tổng	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	4.328.500.000	(637.037.150)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	34.222.623.831	34.222.623.831	50.390.471.642	50.390.471.642
Công ty xăng dầu KVI - Công ty TNHH 1 thành viên	24.944.078.039	24.944.078.039	24.990.568.660	24.990.568.660
Công ty TNHH Hải Linh	-	-	19.682.875.569	19.682.875.569
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại	996.525.200	996.525.200	1.931.639.600	1.931.639.600
Công ty TNHH LPK	464.483.580	464.483.580	1.072.278.020	1.072.278.020
Công ty TNHH MTV Kinh doanh thương mại Xăng dầu Mípec	2.064.789.040	2.064.789.040	-	-
Phải trả các đối tượng khác	5.752.747.972	5.752.747.972	2.713.109.793	2.713.109.793
Tổng	34.222.623.831	34.222.623.831	50.390.471.642	50.390.471.642

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
Người mua trả tiền trước khác	180.305.107	154.212.996
Tổng	180.305.107	154.212.996

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017		31/12/2017			
	Số phải thu đầu năm	Số phải trả đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải trả cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	741.364.629	5.273.691.579	5.474.195.371	-	540.860.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.778.937	222.618.833	1.071.004.652	1.252.838.878	16.028.044	35.033.714
Thuế thu nhập cá nhân	-	199.194.195	798.641.596	942.409.879	15.739.896	55.425.912
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.350.313.159	3.350.313.159	-	-
Các loại thuế khác	-	-	28.000.000	28.000.000	-	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	227.514.584	227.514.584	-	-
Tổng	21.778.937	1.163.177.657	10.749.165.570	11.275.271.871	31.767.940	631.320.463

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	302.082.304	152.498.553
Trích trước phí kiểm toán	130.000.000	130.000.000
Chi phí phải trả dài hạn khác	392.921.143	374.153.965
Tổng	825.003.447	656.652.518

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	8.107.787.002	8.907.596.919
- Kinh phí công đoàn;	24.191.690	20.435.238
- Bảo hiểm xã hội;	2.777.928	2.777.928
- Bảo hiểm y tế;	486.917	486.917
- Bảo hiểm thất nghiệp;	234.467	234.467
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	336.465.200	320.460.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	7.743.630.800	8.563.202.369
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.875.000.000</i>	<i>1.645.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội (*)</i>	-	<i>1.595.924.670</i>
<i>Trung tâm Thương mại và Dịch vụ</i>	-	<i>307.000.000</i>
<i>- Tổng Công ty Vận tải Hà Nội</i>		
<i>Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng 89</i>	<i>3.288.900.000</i>	<i>2.915.900.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.579.730.800</i>	<i>2.099.377.699</i>
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	869.000.000	848.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	869.000.000	848.000.000
Tổng	8.976.787.002	9.755.596.919

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO - HFC - PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (bên A); Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần PARUS (bên C), Mục tiêu và phạm vi hợp tác: Các Bên đồng ý cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730 m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh của bên B, Thời hạn Hợp đồng 10 năm, Tổng giá trị hợp đồng: 8.066.000.000 đồng, vốn các bên góp như sau:

Bên A góp bằng phần chi phí phân bổ cho 10 năm mà bên A đã đầu tư cho phần xây dựng cửa hàng được các bên thống nhất có giá trị 1.888.000.000 đồng (chiếm 28%)

Bên B góp 3.439.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%

Bên C góp 1.415.000.000 đồng chiếm 21%

Phần còn lại là 1.324.000.000 đồng do bên B chịu trách nhiệm thu xếp và được tính là vay vốn cho Dự án và chi phí lãi vay được trừ vào thu nhập của cửa hàng trước khi phân chia kết quả theo tỷ lệ góp vốn.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn (Bên A hưởng 28%, Bên B hưởng 51% và bên C hưởng 21%) sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định (không bao gồm thuế TNDN). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất khác đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả cho bên A và C phần phân chia lợi nhuận cho bên A không thấp hơn 307 triệu đồng/năm và không thấp hơn 230 triệu đồng/năm cho bên C. Hiệu lực của hợp đồng ngay sau các bên ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	212.000.330.000	212.000.330.000	852.500.330.000	778.000.000.000	137.500.000.000	137.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hoàn Kiếm (1)	103.000.000.000	103.000.000.000	423.000.000.000	399.500.000.000	79.500.000.000	79.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	58.000.330.000	58.000.330.000	124.500.330.000	94.500.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	31.000.000.000	31.000.000.000	131.500.000.000	130.500.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Sở giao dịch	20.000.000.000	20.000.000.000	173.500.000.000	153.500.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	6.773.050.000	6.773.050.000	-	7.323.092.000	14.096.142.000	14.096.142.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (4)	-	-	-	4.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (5)	4.089.700.000	4.089.700.000	-	2.103.100.000	6.192.800.000	6.192.800.000
Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (6)	2.333.350.000	2.333.350.000	-	799.992.000	3.133.342.000	3.133.342.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (7)	350.000.000	350.000.000	-	120.000.000	470.000.000	470.000.000
Tổng	218.773.380.000	218.773.380.000	852.500.330.000	785.323.092.000	151.596.142.000	151.596.142.000

(1 và 6): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 67/2015-HDTHM/NHCT122- XDCDHN ngày 20/7/2015, hạn mức 80 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu.

(2): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4818668/HDTHMNH ngày 27/05/2015, hạn mức 10 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 7 Dã Tượng.

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Tiếp theo)

(3): Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 9697.15.002.1486666.TD, Giá trị hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng, Thời hạn cấp tín dụng từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 31/5/2016, Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở năm 2015- 2016, Thời hạn tối đa khoản tín dụng trong hạn mức ko vượt quá 03 tháng, Lãi suất được xác định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

(3): Hợp đồng cấp tín dụng số 88763.16.002.2169542.Td với NHTMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch I. Số tiền vay : 2.214.000.000 đồng. Mục đích cho vay: Cho vay mua oto phục vụ mục đích vận chuyển xăng dầu. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất thả nổi theo quy định MB. Tài sản đảm bảo 2 ôtô Xitec chở xăng Hyundai và Xitec.

(4): Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2014 ngày 24/10/2014 có điều khoản cụ thể như sau: Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 6.700.000.000 đồng; Mục đích vay : Dùng để thanh toán chi phí đầu tư điện tích sản xây dựng Nhà F3 toà 187 Nguyễn Lương Bằng; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: tại thời điểm ký hợp đồng là 9,3%/năm và có giá trị tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần theo thông báo ngân hàng; Tài sản thế chấp là quyền sở hữu sản văn phòng tại tầng 3 Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014 tháng 10/14 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội. Giá trị tài sản thế chấp được thống nhất 8.400.000.000 đồng.

(5): Hợp đồng vay trung dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 1 số 3384.15.002.2169542 ngày 15/04/2015. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô xitec phục vụ sản xuất kinh doanh.

(5): Hợp đồng cấp tín dụng số 88763.16.002.2169542.Td với NHTMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch I. Số tiền vay : 2.214.000.000 đồng. Mục đích cho vay: Cho vay mua oto phục vụ mục đích vận chuyển xăng dầu. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất thả nổi theo quy định MB. Tài sản đảm bảo 2 ôtô Xitec chở xăng Hyundai và Xitec.

(5): Khoản vay ngân hàng Quân đội theo Hợp đồng tín dụng về việc cho vay trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/4/2015. Số tiền vay: 603 triệu đồng, Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe oto Ford Everest, Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ, Tài sản đảm bảo đúng bằng tài sản vay.

(7): Hợp đồng vay trung dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số 1224.TTBMB.HDTD-VIB11.15 ngày 21/11/2015 mục đích mua xe bán tải phục vụ sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	21.000.000.000	11.193.428.086	8.851.045.886	536.117.463	41.580.591.435
Tăng trong năm	-	693.639.016	8.872.985.623	4.155.498	9.570.780.137
Lợi nhuận sau thuế	-	-	8.872.985.623	-	8.872.985.623
Tăng trong năm	-	693.639.016	-	4.155.498	697.794.514
Giảm trong năm	-	-	5.481.665.904	-	5.481.665.904
Trích lập các quỹ	-	-	1.807.278.034	-	1.807.278.034
Chia trả cổ tức	-	-	1.260.000.000	-	1.260.000.000
Giảm khác	-	-	300.000.000	-	300.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	2.114.387.870	-	2.114.387.870
Số dư tại 31/12/2016	21.000.000.000	11.887.067.102	12.242.365.605	540.272.961	45.669.705.668
Số dư tại 01/01/2017	21.000.000.000	11.887.067.102	12.242.365.605	540.272.961	45.669.705.668
Tăng trong năm	39.899.990.000	241.977.569	3.774.300.495	555.232	43.916.823.296
Lợi nhuận sau thuế	-	-	3.774.300.495	-	3.774.300.495
Tăng trong năm	39.899.990.000	241.977.569	-	555.232	40.142.522.801
Giảm trong năm	-	11.129.990.000	14.447.768.206	-	25.577.758.206
Chia trả cổ tức	-	-	3.653.999.400	-	3.653.999.400
Trích lập các quỹ	-	-	483.955.138	-	483.955.138
Lãi liên doanh liên kết	-	-	3.589.813.668	-	3.589.813.668
Giảm trong năm	-	11.129.990.000	6.720.000.000	-	17.849.990.000
Số dư tại 31/12/2017	60.899.990.000	999.054.671	1.568.897.894	540.828.193	64.008.770.758

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	8.977.500.000	3.150.000.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	2.964.000.000	1.040.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	2.641.950.000	927.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vận tải Đô thị	2.622.000.000	927.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.634.810.000	1.403.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	38.059.730.000	13.552.500.000
Tổng	60.899.990.000	21.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	39.899.990.000	
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	60.899.990.000	21.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.447.768.206	5.481.665.904

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.089.999	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	6.089.999	2.100.000
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e, Báo cáo tiến độ sử dụng vốn theo kế hoạch sử dụng vốn theo phương án phát hành

Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên số 001/NQ- ĐHCĐ ngày 23/04/2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng;

Căn cứ vào kế hoạch sử dụng vốn được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty thông qua, mục đích tăng vốn là: phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 - 2017;

Căn cứ vào tình hình thực tế đầu tư, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng, Công ty đã sử dụng vốn như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Đã sử dụng
1.	Dự án đầu tư của hàng Xăng dầu Tam Hiệp diện tích 4.100 m ²	7.094.000.000	10.148.734.056
2.	Dự án đầu tư của hàng Xăng dầu tại huyện Đan Phượng diện tích 3.300 m ²	14.956.000.000	-
	Tổng	22.050.000.000	10.148.734.056

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán xăng dầu	1.905.238.431.534	1.212.079.724.161
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa	3.314.181.816	3.921.818.181
Tổng	1.908.552.613.350	1.216.001.542.342

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán xăng dầu	1.817.892.150.798	1.137.664.138.801
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa	1.595.540.578	1.772.059.617
Tổng	1.819.487.691.376	1.139.436.198.418

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.237.675	26.243.025
Tổng	21.237.675	26.243.025

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	11.042.657.928	8.144.515.137
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	1.180.500.000	637.037.150
Phí bảo lãnh	987.951.402	-
Tổng	13.211.109.330	8.781.552.287

5.23 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	17.313.833.710	15.453.933.560
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	1.586.168.867	695.159.412
Chi phí khấu hao	2.968.790.349	2.241.447.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.472.909.295	1.276.712.252
Chi phí khác bằng tiền	10.688.121.846	8.139.103.283
Tổng	38.029.824.067	27.806.356.153

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.688.365.016	14.826.289.130
Chi phí vật liệu quản lý	990.194.637	1.026.582.704
Chi phí khấu hao	1.272.340.412	1.412.158.492
Thuế, phí, lệ phí	165.258.389	303.499.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	768.326.974	1.481.591.272
Chi phí khác bằng tiền	13.025.695.958	11.629.434.325
Tổng	31.910.181.386	30.679.555.052

5.25 Thu nhập khác/chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập trích trước chi phí thuê đất	-	1.802.714.425
Thu nhập nhượng lại của hàng kinh doanh	480.000.000	850.000.000
Thu nhập khác	186.008.174	42.563.877
Tổng	666.008.174	2.695.278.302
Chi phí khác		
Chi phí phạt vi phạm hành chính, chi phí ủng hộ	469.420.472	277.742.795
Chi phí nhượng cửa hàng kinh doanh	733.630.790	709.090.920
Chi phí khác	552.141.399	294.713.827
Tổng	1.755.192.661	1.281.547.542
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.089.184.487)	1.413.730.760

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG ĐÀU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	6.807.179.777	10.771.361.418
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	744.880.794	684.172.317
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	3.589.813.669	2.114.387.870
Thu nhập chịu thuế	3.962.246.902	9.341.145.865
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	792.449.380	1.868.229.173
Thuế phải nộp theo Quyết định cơ quan thuế	278.555.272	-
Tổng	1.071.004.652	1.868.229.173

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	792.449.380	1.868.229.173
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	278.555.272	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(7.125.628)
Tổng	1.071.004.652	1.861.103.545

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.774.300.495	8.872.985.623
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	241.977.569	678.621.696
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.532.322.926	8.194.363.927
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (CP)	5.346.657	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	661	3.902

5.28 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.611.792.541	5.908.076.466
Chi phí nhân công	37.328.474.972	32.546.951.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.479.144.720	4.312.104.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.144.108.753	15.922.635.365
Chi phí khác bằng tiền	25.436.812.794	21.781.499.643
Tổng	104.000.333.780	80.471.267.333

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, BKS	Lương, thu nhập	1.684.973.804	1.092.085.504
Tổng		1.684.973.804	1.092.085.504

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển xăng dầu và lĩnh vực khác gồm có cho thuê cửa hàng, ki ốt và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2016:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	10.065.929.198	22.518.746.279	-	32.584.675.477
Xây dựng cơ bản dở dang				18.926.941.699
Các khoản phải thu	6.323.487.157	146.283.993.703	125.829.725	152.733.310.585
Hàng tồn kho		12.583.232.096		12.583.232.096
Tài sản không thể phân bổ				50.272.827.743
Tổng tài sản				267.100.987.600
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	6.397.285.836	53.711.648.239	-	60.108.934.075
Phải trả tiền vay	6.296.000.000	145.300.142.000		151.596.142.000
Nợ phải trả không phân bổ				9.726.205.857
Tổng nợ phải trả				221.431.281.932

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	13.114.853.864	1.198.964.870.297	3.921.818.181	1.216.001.542.342
Doanh thu	13.114.853.864	1.198.964.870.297	3.921.818.181	1.216.001.542.342
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	3.254.336.940	12.863.964.533	1.961.131.246	18.079.432.719
Lãi tiền gửi	-	-	-	26.243.025
Chi phí tài chính				(8.781.552.287)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	2.695.278.302
Chi phí khác				(1.281.547.542)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.861.103.545)
Lợi nhuận trong năm				8.876.750.672

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2017:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	8.599.027.346	32.097.709.860	-	40.696.737.206
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	27.387.684.940
Các khoản phải thu	1.802.618.789	183.918.822.726	-	185.721.441.515
Hàng tồn kho	309.884.678	13.184.307.427	116.695.120	13.610.887.225
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	64.901.753.144
Tổng tài sản				332.318.504.030
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	2.033.908.750	41.345.807.190	-	43.379.715.940
Phải trả tiền vay	4.177.700.000	214.595.680.000	-	218.773.380.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	6.156.637.332
Tổng nợ phải trả				268.309.733.272

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	16.147.661.156	1.889.090.770.378	3.314.181.816	1.908.552.613.350
Doanh thu	16.147.661.156	1.889.090.770.378	3.314.181.816	1.908.552.613.350
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	2.679.674.308	14.848.051.069	1.597.191.144	19.124.916.521
Lãi tiền gửi	-	-	-	21.237.675
Chi phí tài chính	-	-	-	(13.211.109.330)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	666.008.174
Chi phí khác	-	-	-	(1.755.192.661)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.071.004.652)
Lợi nhuận trong năm				3.774.855.727

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.194.869.973	15.981.389.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.782.580.801	149.577.689.880
Đầu tư dài hạn	3.148.000.000	4.328.500.000
Tổng	213.125.450.774	169.887.579.114
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	218.773.380.000	151.596.142.000
Phải trả người bán và phải trả khác	42.330.410.833	59.298.068.561
Chi phí phải trả	825.003.447	656.652.518
Tổng	261.928.794.280	211.550.863.079

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

6.3 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	212.000.330.000	6.773.050.000	218.773.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	42.330.410.833	-	42.330.410.833
Chi phí phải trả	825.003.447	-	825.003.447
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	137.500.000.000	14.096.142.000	151.596.142.000
Phải trả người bán và phải trả khác	59.298.068.561	-	59.298.068.561
Chi phí phải trả	656.652.518	-	656.652.518

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.194.869.973	-	27.194.869.973
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.782.580.801	-	182.782.580.801
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.981.389.234	-	15.981.389.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.577.689.880	-	149.577.689.880

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thu Hằng

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hà Nội - Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018.

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HFC PETROLEUM CORPORATION**, viết tắt là **HFC., CORP**

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 60.899.990.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thủy Dương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Trọng Hậu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Số: 330/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực: 148 02...SCT/BS

NGÀY 09-08-2019



PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Dũng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		243.953.400.015	229.156.465.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.087.529.491	26.583.540.592
1. Tiền	111		21.087.529.491	26.583.540.592
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.548.494.832	187.380.477.483
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	191.993.061.014	178.541.753.887
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.600.971.510	2.883.410.714
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.800.000.000	1.900.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.154.462.308	4.055.312.882
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	14.342.074.763	13.184.307.427
1. Hàng tồn kho	141		14.342.074.763	13.184.307.427
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		975.300.930	2.008.140.003
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	975.300.930	1.898.036.075
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	94.364.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	15.739.896
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		100.075.780.583	98.762.534.260
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.997.005.092	39.857.631.155
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	42.690.888.161	32.097.709.860
- Nguyên giá	222		62.235.048.290	46.299.120.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.544.160.129)	(14.201.410.543)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.306.116.931	7.759.921.295
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.331.639.660)	(2.877.835.296)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	2.757.968.109	2.904.533.685
1. Nguyên giá	231		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.516.681.637)	(2.370.116.061)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.309.733.941	27.387.684.940
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	21.309.733.941	27.387.684.940
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	7.608.000.000	7.608.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.460.000.000	5.460.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.817.537.150)	(2.817.537.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.403.073.441	21.004.684.480
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	18.403.073.441	21.004.684.480
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		344.029.180.599	327.918.999.765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		276.335.854.970	262.463.715.672
I. Nợ ngắn hạn	310		272.728.855.654	258.999.365.672
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	85.095.384.363	35.419.265.879
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	197.442.049	180.305.107
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.440.191.183	341.883.471
4. Phải trả người lao động	314		5.749.552.216	3.545.983.749
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	622.147.445	721.255.629
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	3.036.350.350	6.151.425.072
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	175.900.000.000	212.000.330.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		687.788.048	638.916.765
II. Nợ dài hạn	330		3.606.999.316	3.464.350.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	1.916.441.316	869.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	1.690.558.000	2.595.350.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		67.693.325.629	65.455.284.093
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	67.693.325.629	65.455.284.093
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.899.990.000	60.899.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.899.990.000	60.899.990.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.247.725.953	999.054.671
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.545.609.675	3.556.239.422
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.556.239.422	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.989.370.253	3.556.239.422
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		344.029.180.599	327.918.999.765

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.279.739.806.928	1.910.596.261.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.279.739.806.928	1.910.596.261.240
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	2.155.932.325.734	1.808.530.024.052
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		123.807.481.194	102.066.237.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	16.351.092	18.239.070
7. Chi phí tài chính	22	5.22	12.901.126.262	12.658.666.734
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.682.115.898	10.525.019.502
8. Chi phí bán hàng	25		64.380.752.368	50.744.523.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		38.723.759.883	31.177.723.675
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		7.818.193.773	7.503.562.414
11. Thu nhập khác	31	5.23	644.940.017	1.029.806.142
12. Chi phí khác	32	5.23	788.210.950	1.747.727.917
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(143.270.933)	(717.921.775)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.674.922.840	6.785.640.639
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	2.293.210.022	1.054.606.548
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.381.712.818	5.731.034.091

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.674.922.840	6.785.640.639
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.943.119.526	4.864.127.600
- Các khoản dự phòng	03	-	1.180.500.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.351.092)	(18.239.070)
- Chi phí lãi vay	06	11.682.115.898	10.525.019.502
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.283.807.172	23.337.048.671
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.057.913.421)	(28.588.447.920)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.157.767.336)	(900.046.386)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	46.241.969.970	(36.615.686.686)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.524.346.184)	(5.518.216.097)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.449.100.936)	(10.222.937.198)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	1.988.710.961	(1.242.191.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.325.360.227	(59.750.477.283)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.479.030.420)	(22.643.544.345)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác	23	(900.000.000)	(1.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.351.092	18.239.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.362.679.328)	(23.625.305.275)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	39.899.990.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	889.400.000.000	852.500.330.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(914.404.792.000)	(783.204.792.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.453.900.000)	(13.963.813.068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.458.692.000)	95.231.714.932
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.496.011.101)	11.855.932.374
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.583.540.592	14.727.608.218
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	21.087.529.491	26.583.540.592

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, (viết tắt là HFC., CORP).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.899.990.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn UpCOM với mã HFC.

Sở hữu vốn tại 31/12/2018:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp đến		Tỷ lệ % sở hữu
		31/12/2018 (VND)		
Công ty Xăng dầu Khu vực I	897.750	8.977.500.000		14,7%
Ông Nguyễn Trọng Hậu	563.481	5.634.810.000		9,3%
Các cổ đông khác	4.628.768	46.287.680.000		76,0%
Cộng:	6.089.999	60.899.990.000		100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
 - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỡ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty (Tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết:

- Khách sạn;
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự
- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2018: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có đơn vị trực thuộc và công ty con như sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Hình thức kế toán</u>	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Thái Nguyên	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Nghệ An	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
<u>Công ty con</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ % góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,20%	89,20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100,00%	100,00%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

- Phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm máy tính	05
Quyền sử dụng đất	50

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm quản lý hệ thống được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: là công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí sửa chữa được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ là 01 năm và 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Chi phí lãi vay, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xăng dầu, bất động sản cho thuê (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty liên kết của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh xăng dầu và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	9.834.588.873	8.949.444.633
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.252.940.618	17.634.095.959
Tổng	21.087.529.491	26.583.540.592

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
XN xe buýt Hà Nội - CN TCT Vận tải Hà Nội	18.840.280.237	17.031.233.116
XN xe buýt Thăng Long Hà Nội	7.934.536.084	4.235.779.731
XN xe buýt 10-10 Hà Nội	4.256.342.542	7.225.616.688
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	7.351.820.494	6.588.580.678
Công ty CP xe khách Hà Nội	7.459.672.240	6.148.851.310
XN xe buýt Cầu Bươu - CN TCT Vận tải Hà Nội	8.592.978.897	10.889.624.766
Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia	4.130.670.609	4.200.670.609
Công ty CP Vận tải xăng dầu Quý An	2.016.414.100	2.047.899.126
Công ty CP Thương mại Việt Nga	2.624.366.985	2.659.317.605
Phải thu các khách hàng khác	128.785.978.826	117.514.180.258
Tổng	191.993.061.014	178.541.753.887
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	7.459.672.240	6.148.851.310
Công ty CP Xe khách Hà Nội	7.459.672.240	6.148.851.310

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Mỹ Anh	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Thiết bị xăng dầu Petrolimex	-	912.395.440
Công ty CP ĐTXD và TM Công Năng	-	700.000.000
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng 116	1.950.000.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Huy Hải Phòng	1.800.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.450.971.510	871.015.274
Tổng	5.600.971.510	2.883.410.714

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tạm ứng	4.983.733.306	2.501.101.841
Phải thu khác	2.170.729.002	1.554.211.041
Tổng	7.154.462.308	4.055.312.882

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nguyên vật liệu	95.416.400	84.257.400
Công cụ, dụng cụ	1.474.690.401	1.943.764.087
Hàng hóa	12.771.967.962	11.156.285.940
Tổng	14.342.074.763	13.184.307.427

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	975.300.930	1.898.036.075
Chi phí công cụ, dụng cụ	975.300.930	1.698.036.087
Chi phí thuê đất trạm cấp Yên Phong - Thái Nguyên	-	199.999.988
b) Dài hạn	18.403.073.441	21.004.684.480
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại cửa hàng Cầu Cẩm, Nghệ An và các chi phí khác	1.839.582.810	3.261.818.160
Chi phí sửa chữa các cửa hàng và công cụ, dụng cụ	6.098.820.113	5.250.514.197
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu Thái Nguyên	189.046.789	1.753.997.662
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Hải Phòng và các chi phí khác	10.275.623.729	10.738.354.461
Tổng	19.378.374.371	22.902.720.555

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư ngày 01/01/2018	23.984.659.773	13.323.205.812	5.769.138.182	3.222.116.636	46.299.120.403
- Mua sắm, đầu tư XD CB	11.463.424.613	3.961.536.000	-	510.967.274	15.935.927.887
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	35.448.084.386	17.284.741.812	5.769.138.182	3.733.083.910	62.235.048.290
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư ngày 01/01/2018	5.038.563.468	5.069.436.622	2.631.266.635	1.462.143.818	14.201.410.543
- Khấu hao trong năm	1.872.991.484	2.039.696.017	901.523.029	528.539.057	5.342.749.586
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	6.911.554.952	7.109.132.639	3.532.789.664	1.990.682.875	19.544.160.129
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư ngày 01/01/2018	18.946.096.305	8.253.769.190	3.137.871.547	1.759.972.818	32.097.709.860
Số dư ngày 31/12/2018	28.536.529.434	10.175.609.173	2.236.348.518	1.742.401.035	42.690.888.161

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2018	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư ngày 01/01/2018	1.794.930.591	1.041.864.705	41.040.000	2.877.835.296
- Khấu hao trong năm	179.508.000	264.036.364	10.260.000	453.804.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	1.974.438.591	1.305.901.069	51.300.000	3.331.639.660
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư ngày 01/01/2018	7.180.642.000	569.019.295	10.260.000	7.759.921.295
Số dư ngày 31/12/2018	7.001.134.000	304.982.931	-	7.306.116.931

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thị Sách, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.9 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
NGUYÊN GIÁ	5.274.649.746	-	-	5.274.649.746
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	-	-	666.654.200
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
GIÁ TRỊ HAO MÓN	2.370.116.061	146.565.576	-	2.516.681.637
Văn phòng No 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	581.303.265	28.450.308	-	609.753.573
VP 456 Trần Khát Chân	820.524.201	70.571.400	-	891.095.601
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	237.719.340	47.543.868	-	285.263.208
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	2.904.533.685	-	-	2.757.968.109
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	85.350.935	-	-	56.900.627
VP 456 Trần Khát Chân	917.428.254	-	-	846.856.854
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách,	1.901.754.496	-	-	1.854.210.628
Quầy Kios	-	-	-	-

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Cửa hàng XD Mai Dịch 1	-	5.448.884.522
Cửa hàng XD Mai Dịch 2	-	1.819.621.679
Dự án 63 Tô Hiến Thành	1.248.576.767	-
Dự án Dã Tượng	10.033.832.215	9.928.553.522
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng XD Tam Hiệp	-	49.108.459
Cửa hàng XD Đồng Tháp, Đan Phượng, HN	6.360.757.582	1.012.071.182
Trạm dầu Đền Lừ II	-	713.462.877
VP Xí nghiệp bán lẻ số 2	-	2.203.024.955
Dự án 438 Trần Khát Chân	576.859.364	-
Dự án khác	1.683.671.986	4.806.921.717
Tổng:	21.309.733.941	27.387.684.940

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

Nội dung	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	5.460.000.000	4.460.000.000	(1.000.000.000)	5.460.000.000	4.460.000.000	(1.000.000.000)
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	4.460.000.000	4.460.000.000	-	4.460.000.000	4.460.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)
Tổng:	10.425.537.150	7.608.000.000	(2.817.537.150)	10.425.537.150	7.608.000.000	(2.817.537.150)

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tại 31/12/2018 như sau:

Công ty con	Trụ sở hoạt động chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính	
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Tầng F3 - Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.000.000.000	89,20%	Vận chuyển xăng dầu	
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Số 7 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.000.000.000	100%	Dịch vụ ăn uống	
Công ty liên kết	Trụ sở hoạt động chính	Số cổ phiếu nắm giữ	Vốn điều lệ (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	Gác 2, Bến xe Gia Lâm, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	393.500	1.639.460	24,0%	Vận tải liên tỉnh, xe buýt, khai thác điểm đỗ xe

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	84.926.540.697	84.926.540.697	33.918.251.417	33.918.251.417
Công ty Xăng dầu KVI	40.417.657.509	40.417.657.509	24.944.078.039	24.944.078.039
Công ty CP Kho vận và DV Thương mại	-	-	996.525.200	996.525.200
Công ty TNHH MTV KDTM Xăng dầu Mípec	2.999.242.330	2.999.242.330	2.064.789.040	2.064.789.040
Công Ty TNHH Hải Linh	25.934.973.574	25.934.973.574	-	-
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	4.345.535.747	4.345.535.747	636.931.935	636.931.935
Phải trả các đối tượng khác	11.229.131.537	11.229.131.537	5.275.927.203	5.275.927.203
Phải trả các bên liên quan	168.843.666	168.843.666	1.501.014.462	1.501.014.462
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	129.038.516	129.038.516	1.478.806.862	1.478.806.862
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	39.805.150	39.805.150	22.207.600	22.207.600
Tổng	85.095.384.363	85.095.384.363	35.419.265.879	35.419.265.879

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH xây dựng và vận tải Nhuận Hiến	-	50.000.000
Bệnh viện Phổi Hà Nội	20.010.860	-
Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh	26.939.906	26.939.906
Các đối tượng khác	150.491.283	103.365.201
Tổng	197.442.049	180.305.107

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	Thuế giá trị gia tăng	306.760.429	7.399.870.806	6.642.975.748
Thuế TNDN	35.033.714	2.293.210.022	1.988.710.961	339.532.775
Thuế thu nhập cá nhân	89.328	739.376.328	702.462.735	37.002.921
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	4.736.304.367	4.736.304.367	-
Thuế khác	-	25.000.000	25.000.000	-
Tổng	341.883.471	15.193.761.523	14.095.453.811	1.440.191.183

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	236.721.812	302.082.304
Chi phí phải trả khác	385.425.633	419.173.325
Tổng	622.147.445	721.255.629

5.16 Các khoản phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả, phải nộp ngắn hạn	3.036.350.350	6.151.425.072
Kinh phí công đoàn	143.855.372	24.191.690
Bảo hiểm xã hội	743.587	2.777.928
Bảo hiểm y tế	125.860	486.917
Bảo hiểm thất nghiệp	74.911	234.467
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.891.550.620	6.123.734.070
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>336.465.200</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.645.000.000</i>	<i>1.875.000.000</i>
<i>Công ty CP Tư vấn & ĐTXD 89</i>	<i>-</i>	<i>3.288.900.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>910.085.420</i>	<i>623.368.870</i>
Phải trả, phải nộp dài hạn	1.916.441.316	869.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.916.441.316	869.000.000
Tổng	4.952.791.666	7.020.425.072

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO-HFC-PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm TM và DV - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (Bên A), Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội (Bên B - nay là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC) và Công ty Cổ phần Parus (Bên C).

Nội dung hợp tác: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm theo đăng ký kinh doanh của Bên B, thời hạn hợp tác theo Hợp đồng: 10 năm. Tổng giá trị đầu tư: 8.066.000.000 đồng, trong đó: Bên A góp 28%, Bên B góp 51% và Bên C góp 21%.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn sau khi đã trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định (không gồm thuế Thu nhập doanh nghiệp). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	175.900.000.000	175.900.000.000	212.000.330.000	212.000.330.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hoàn Kiếm (1)	86.000.000.000	86.000.000.000	103.000.000.000	103.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm (2)	55.000.000.000	55.000.000.000	58.000.330.000	58.000.330.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	28.000.000.000	28.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sở giao dịch	6.900.000.000	6.900.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn	1.690.558.000	1.690.558.000	2.595.350.000	2.595.350.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (4)	157.200.000	157.200.000	262.000.000	262.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm	1.533.358.000	1.533.358.000	2.333.350.000	2.333.350.000
Tổng	177.590.558.000	177.590.558.000	214.595.680.000	214.595.680.000

- (1) Khoản vay theo HĐTD số 67/2015-HĐTDHM/NHCT122-XDCDHN ngày 20/07/2015, hạn mức vay 80 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- (2) Khoản vay theo HĐTD số 01/2015/4818668/HĐTDHMNH ngày 27/05/2015, hạn mức vay 10 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (3) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 9697.15.002.1486666.TD, Hạn mức: 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 03 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng, dầu. Lãi suất được xác định trên từng lần giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội trong từng thời kỳ.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/04/2015, số tiền vay: 603.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi, tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu**a) Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	21.000.000.000	11.887.067.102	12.272.973.537	45.160.040.639
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.731.034.091	5.731.034.091
Tăng trong năm	39.899.990.000	241.977.569	-	40.141.967.569
Trả lại liên doanh liên kết	-	-	(3.589.813.668)	(3.589.813.668)
Chia cổ tức	-	-	(3.653.999.400)	(3.653.999.400)
Trích lập quỹ	-	-	(483.955.138)	(483.955.138)
Giảm khác	-	(11.129.990.000)	(6.720.000.000)	(17.849.990.000)
Số dư tại 31/12/2017	60.899.990.000	999.054.671	3.556.239.422	65.455.284.093
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.381.712.818	5.381.712.818
Tăng khác trong năm	-	248.671.282	-	248.671.282
Trả lại liên doanh liên kết	-	-	(1.935.000.000)	(1.935.000.000)
Trích lập quỹ (*)	-	-	(497.342.564)	(497.342.564)
Giảm khác CN HP	-	-	(960.000.001)	(960.000.001)
Số dư tại 31/12/2018	60.899.990.000	1.247.725.953	5.545.609.675	67.693.325.629

(*) Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 21/NQ/HFC-HĐQT ngày 06/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	8.977.500.000	8.977.500.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.634.810.000	5.634.810.000
Các cổ đông khác	46.287.680.000	46.287.680.000
Tổng	60.899.990.000	60.899.990.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	60.899.990.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	39.899.990.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	60.899.990.000	60.899.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.895.000.001	13.963.813.068

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.089.999	6.089.999
Cổ phiếu phổ thông	6.089.999	6.089.999
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

e) Báo cáo tiến độ sử dụng vốn

Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên số 001/NQ- ĐHCĐ ngày 23/04/2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng.

Căn cứ vào tình hình thực tế đầu tư, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng, Công ty đã sử dụng vốn đến 31/12/2018 như sau:

	Kế hoạch	Vốn đã sử dụng
	VND	đến 31/12/2018
Nội dung		VND
Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Tam Hiệp, diện tích 4.100m ²	7.094.000.000	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
Đầu tư cửa hàng xăng dầu tại xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Hà Nội, diện tích 3.300m ² (*)	14.956.000.000	6.360.757.582
Tổng	22.050.000.000	6.360.757.582

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán xăng dầu	2.276.837.443.287	1.907.282.079.424
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt	2.902.363.641	3.314.181.816
Tổng	2.279.739.806.928	1.910.596.261.240

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn bán xăng dầu	2.153.836.929.720	1.806.934.483.474
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt	2.095.396.014	1.595.540.578
Tổng	2.155.932.325.734	1.808.530.024.052

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	16.351.092	18.239.070
Tổng	16.351.092	18.239.070

5.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi vay	11.682.115.898	10.525.019.502
Phí bảo lãnh	1.219.010.364	953.147.232
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	1.180.500.000
Tổng	12.901.126.262	12.658.666.734

5.23 Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác	644.940.017	1.029.806.142
Nhượng lại cửa hàng kinh doanh	-	480.000.000
Hoàn nhập chi phí thuê đất		
Cho thuê xe ô tô	371.316.100	541.740.650
Thu nhập khác	273.623.917	8.065.492
Chi phí khác	788.210.950	1.747.727.917
Phạt theo biên bản thanh tra, kiểm tra	337.137.898	469.420.472
Giá trị còn lại cửa hàng kinh doanh	-	733.630.790
Chi phí khấu hao xe	352.283.283	497.847.423
Chi phí khác	98.789.769	46.829.232
Lợi nhuận khác	(143.270.933)	(717.921.775)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.674.922.840	6.785.640.639
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	597.405.466	684.429.411
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	3.074.833.000	3.589.813.669
Thu nhập chịu thuế	5.197.495.307	3.880.256.381
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.039.499.061	776.051.276
Thuế TNDN phải nộp theo Quyết định của cơ quan thuế	1.253.710.961	278.555.272
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.293.210.022	1.054.606.548

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.985.681.201	2.174.437.080
Chi phí nhân công	39.641.739.697	29.848.561.096
Khấu hao tài sản cố định	6.954.017.452	4.982.242.868
Thuế, phí và lệ phí	309.438.512	156.460.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.067.923.215	20.814.890.877
Chi phí khác bằng tiền	28.746.451.338	24.769.575.925
Tổng	96.705.251.415	82.746.168.121

6 THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan****a) Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương, thù lao	2.744.017.223	1.684.973.804

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**b) Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng				
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Vận chuyển xăng, dầu	18.112.608.554	12.971.761.649
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Dịch vụ ăn uống	969.660.008	862.194.944
Bán hàng, cung cấp dịch vụ				
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Xăng dầu	5.448.234.555	5.045.852.643
		Thuế xe ô tô	371.316.500	541.740.650
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	Công ty liên kết	Xăng dầu	20.967.111.903	-
Hoạt động khác				
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Vay	900.000.000	1.900.000.000

c) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản phải thu				
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Xăng dầu	15.604.498	-
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Cho vay	2.800.000.000	1.900.000.000
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	Công ty liên kết	Xăng dầu	7.459.672.240	6.148.851.310

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản phải trả				
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Cước vận chuyển	463.251.016	1.478.806.862
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Dịch vụ ăn uống	39.805.150	22.207.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (VND)	
	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.087.529.491	26.583.540.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.147.523.322	182.597.066.769
Đầu tư tài chính dài hạn	7.608.000.000	7.608.000.000
Tổng	227.843.052.813	216.788.607.361
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	177.590.558.000	214.595.680.000
Phải trả người bán và phải trả khác	90.048.176.029	41.570.690.951
Chi phí phải trả	622.147.445	721.255.629
Tổng	268.260.881.474	256.887.626.580

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ một số nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2018	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Cộng
	VND	VND	
Các khoản đi vay	175.900.000.000	1.690.558.000	177.590.558.000
Phải trả người bán và phải trả khác	88.131.734.713	1.916.441.316	90.048.176.029
Chi phí phải trả	622.147.445	-	622.147.445
Tại 01/01/2018	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Các khoản đi vay	212.000.330.000	2.595.350.000	214.595.680.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.570.690.951	869.000.000	42.439.690.951
Chi phí phải trả	721.255.629	-	721.255.629

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2018	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Cộng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.087.529.491	-	21.087.529.491
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.147.523.322	-	199.147.523.322
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	7.608.000.000	7.608.000.000
Tại 01/01/2018	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.583.540.592	-	26.583.540.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.597.066.769	-	182.597.066.769
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	7.608.000.000	7.608.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hà Nội - Tháng 03 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION (Tên viết tắt là HFC., CORP)

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được hợp nhất trong năm bao gồm:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC;
- Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp: 01066665780 được cấp lần đầu ngày 14/10/2014. Công ty có trụ sở tại Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 89,2% vốn.

Công ty TNHH Dịch vụ HFC là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 0107453436 cấp lần đầu ngày 30/05/2016, thay đổi lần thứ 2 ngày 18/12/2018. Công ty có trụ sở tại Số 07 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 100% vốn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT
	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên viên
	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phan Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, ✓



Nguyễn Trọng Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Số: 331/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, được lập ngày 28/03/2019, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Handwritten signature

Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực: 4149 - 02 - SCT/BS

NGÀY: 09 -08- 2019



PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Xuân Dũng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		243.726.065.544 ✓	228.551.366.760 ✓
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.990.604.423 ✓	27.194.869.973 ✓
1. Tiền	111		21.990.604.423	27.194.869.973
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		205.403.886.682	185.721.441.515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	192.269.276.325	178.626.346.296
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.637.271.510	2.938.860.714
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.497.338.848	4.156.234.505
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	14.660.599.865 ✓	13.610.887.225
1. Hàng tồn kho	141		14.660.599.865	13.610.887.225
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.670.974.574	2.024.168.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.670.836.087	1.898.036.075
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	94.364.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		138.487	31.767.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		105.212.228.278	103.767.137.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.480.000	3.770.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		7.480.000	3.770.000
II. Tài sản cố định	220		59.329.195.023 ✓	48.456.658.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	52.023.078.092	40.696.737.206
- Nguyên giá	222		76.182.623.288	57.809.793.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.159.545.196)	(17.113.056.378)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.306.116.931	7.759.921.295
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.331.639.660)	(2.877.835.296)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	2.757.968.109	2.904.533.685
1. Nguyên giá	231		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.516.681.637)	(2.370.116.061)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.309.733.941	27.387.684.940
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	21.309.733.941	27.387.684.940
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	3.148.000.000	3.148.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.817.537.150)	(1.817.537.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.659.851.205	21.866.490.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	18.659.851.205	21.866.490.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		348.938.293.822	332.318.504.030

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		283.674.633.748 ✓	268.309.733.272
I. Nợ ngắn hạn	310		276.357.734.432 ✓	260.667.683.272
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	85.649.678.230	34.222.623.831
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	197.442.049	180.305.107
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.698.783.120	631.320.463
4. Phải trả người lao động	314		6.541.530.624	4.061.396.657
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	654.504.402	825.003.447
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		65.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	4.963.007.959	8.107.787.002
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	175.900.000.000	212.000.330.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		687.788.048	638.916.765
II. Nợ dài hạn	330		7.316.899.316	7.642.050.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.131.441.316	869.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	5.185.458.000	6.773.050.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		65.263.660.074 ✓	64.008.770.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	65.263.660.074	64.008.770.758
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.899.990.000	60.899.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.899.990.000	60.899.990.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.247.725.953	999.054.671
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.580.424.417	1.568.897.894
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		569.136.347	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.011.288.070	1.568.897.894
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		535.519.704	540.828.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		348.938.293.822 ✓	332.318.504.030

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.279.057.465.606	1.908.552.613.350
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.279.057.465.606	1.908.552.613.350
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	2.168.940.207.636	1.819.487.691.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		110.117.257.970	89.064.921.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	18.355.869	21.237.675
7. Chi phí tài chính	22	5.22	13.298.308.026	13.211.109.330
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.079.297.662	11.042.657.928
8. Chi phí bán hàng	25		50.085.185.963	38.029.824.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		39.419.099.085	31.910.181.386
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26))	30		7.333.020.766	5.935.044.866
11. Thu nhập khác	31	5.23	279.980.738	666.008.174
12. Chi phí khác	32	5.23	833.265.540	1.755.192.661
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5,23	(553.284.801)	(1.089.184.487)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.779.735.964	4.845.860.379
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,24	2.381.175.365	1.071.004.652
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.398.560.599	3.774.855.727
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.403.869.088	3.774.300.495
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(5.308.489)	555.232
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5,25	682,30	660,66

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018		Năm 2017
		VND	VND	VND
1	2	3	4	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.779.735.964		4.845.860.379
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.646.858.758		6.479.144.720
- Các khoản dự phòng	03	-		1.180.500.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.355.869)		(21.237.675)
- Chi phí lãi vay	06	12.079.297.662		11.042.657.928
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.487.536.515		23.526.925.352
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.469.524.971)		(32.898.271.010)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.049.712.640)		(1.027.655.129)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	50.409.854.328		(31.508.407.912)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.614.853.441)		(5.346.324.511)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.846.282.700)		(10.257.100.297)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	1.916.496.688		(1.252.838.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.833.513.779		(58.763.672.385)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.914.643.198)		(22.673.544.345)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác	23	-		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.355.869		21.237.675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.896.287.329)		(22.652.306.670)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-		39.899.990.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	890.998.600.000		852.500.330.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(916.686.192.000)		(785.323.092.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.453.900.000)		(14.447.768.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.141.492.000)		92.629.459.794
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.204.265.550)		11.213.480.739
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.194.869.973		15.981.389.234
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	21.990.604.423		27.194.869.973

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, (viết tắt là HFC., CORP).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.899.990.000 đồng.

Sở hữu vốn tại 31/12/2018:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp đến	Tỷ lệ %
		31/12/2018 (VND)	sở hữu
Công ty Xăng dầu Khu vực I	897.750	8.977.500.000	14,7%
Ông Nguyễn Trọng Hậu	563.481	5.634.810.000	9,3%
Các cổ đông khác	4.628.768	46.287.680.000	76,0%
Cộng	6.089.999	60.899.990.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
 - + Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
 - Khách sạn;
 - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự

1.2 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:
 - Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
 - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết:
 - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có công ty con như sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Hình thức kế toán</u>	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Thái Nguyên	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Nghệ An	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
<u>Công ty con</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ % góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,20%	89,20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Công ty con là: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC và Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT- BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm quản lý hệ thống	05
Quyền sử dụng đất	50

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm quản lý hệ thống được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	9.992.390.071	9.151.849.532
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.998.214.352	18.043.020.441
Cộng	21.990.604.423	27.194.869.973

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
XN xe buýt Hà Nội - CN TCT Vận tải Hà Nội	18.840.280.237	17.031.233.116
XN xe buýt Thăng Long Hà Nội	7.934.536.084	4.235.779.731
XN xe buýt 10-10 Hà Nội	4.256.342.542	7.225.616.688
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	7.351.820.494	6.588.580.678
Công ty CP xe khách Hà Nội	7.459.672.240	6.148.851.310
XN xe buýt Cầu Bươu - CN TCT Vận tải Hà Nội	8.592.978.897	10.889.624.766
Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia	4.130.670.609	4.200.670.609
Công ty CP Vận tải xăng dầu Quý An	2.016.414.100	2.047.899.126
Công ty CP Thương mại Việt Nga	2.624.366.985	2.659.317.605
Phải thu các khách hàng khác	129.062.194.137	117.598.772.667
Cộng	192.269.276.325	178.626.346.296
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	7.459.672.240	6.148.851.310
Công ty CP Xe khách Hà Nội	7.459.672.240	6.148.851.310

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31.12.2018	01.01.2018
	VND	VND
Công ty CP Thiết bị xăng dầu Petrolimex	-	912.395.440
Công ty CP ĐTXD và TM Công Năng	-	700.000.000
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng 116	1.950.000.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Huy Hải Phòng	1.800.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.887.271.510	1.326.465.274
Cộng	5.637.271.510	2.938.860.714

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tạm ứng	5.315.854.306	2.580.572.891
Phải thu khác	2.181.484.542	1.575.661.614
Cộng	7.497.338.848	4.156.234.505

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.5 Hàng tồn kho

	31.12.2018	01.01.2018
	VND	VND
Nguyên vật liệu	169.530.581	224.037.277
Công cụ, dụng cụ	1.493.649.833	1.987.007.059
Hàng hóa	12.997.419.451	11.399.842.889
Cộng	14.660.599.865	13.610.887.225

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.670.836.087	1.898.036.075
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.670.836.087	1.698.036.087
Chi phí thuê đất trạm cấp Yên Phong - Thái Nguyên	-	199.999.988
b) Dài hạn	18.659.851.205	21.866.490.144
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại cửa hàng Cầu Cắm, Nghệ An và các chi phí khác	1.839.582.810	3.261.818.160
Chi phí sửa chữa các cửa hàng và công cụ, dụng cụ	6.355.597.877	6.112.319.861
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu Thái Nguyên	189.046.789	1.753.997.662
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Hải Phòng và các chi phí khác	10.275.623.729	10.738.354.461
Cộng	20.330.687.292	23.764.526.219

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư ngày 01/01/2018	23.984.659.773	13.323.205.812	17.279.811.363	3.222.116.636	57.809.793.584
- Mua sắm, đầu tư XD CB	11.463.424.613	3.961.536.000	2.436.901.817	510.967.274	18.372.829.704
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	35.448.084.386	17.284.741.812	19.716.713.180	3.733.083.910	76.182.623.288
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư ngày 01/01/2018	5.038.563.468	5.069.436.622	5.542.912.470	1.462.143.818	17.113.056.378
- Khấu hao trong năm	1.872.991.484	2.039.696.017	2.605.262.261	528.539.057	7.046.488.819
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	6.911.554.952	7.109.132.639	8.148.174.732	1.990.682.875	24.159.545.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư ngày 01/01/2018	18.946.096.305	8.253.769.190	11.736.898.893	1.759.972.818	40.696.737.206
Số dư ngày 31/12/2018	28.536.529.434	10.175.609.173	11.568.538.448	1.742.401.035	52.023.078.092

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
NGUYỄN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2018	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
- Mua trong năm				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư ngày 31/12/2018	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư ngày 01/01/2018	1.794.930.591	1.041.864.705	41.040.000	2.877.835.296
- Khấu hao trong năm	179.508.000	264.036.364	10.260.000	453.804.364
- Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư ngày 31/12/2018	1.974.438.591	1.305.901.069	51.300.000	3.331.639.660
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư ngày 01/01/2018	7.180.642.000	569.019.295	10.260.000	7.759.921.295
Số dư ngày 31/12/2018	7.001.134.000	304.982.931	-	7.306.116.931

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thị Sách, phường Ngô Thi Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.9 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
NGUYÊN GIÁ	5.274.649.746	-	-	5.274.649.746
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	-	-	666.654.200
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
GIÁ TRỊ HAO MÒN	2.370.116.061	146.565.576	-	2.516.681.637
Văn phòng No 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	581.303.265	28.450.308	-	609.753.573
VP 456 Trần Khát Chân	820.524.201	70.571.400	-	891.095.601
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	237.719.340	47.543.868	-	285.263.208
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	2.904.533.685	-	-	2.757.968.109
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	85.350.935	-	-	56.900.627
VP 456 Trần Khát Chân	917.428.254	-	-	846.856.854
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	1.901.754.496	-	-	1.854.210.628
Quầy Kios	-	-	-	-

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Cửa hàng XD Mai Dịch 1	-	5.448.884.522
Cửa hàng XD Mai Dịch 2	-	1.819.621.679
Dự án 63 Tô Hiến Thành	1.248.576.767	-
Dự án Dã Tượng	10.033.832.215	9.928.553.522
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng XD Tam Hiệp	-	49.108.459
Cửa hàng XD Đồng Tháp, Đan Phượng, HN	6.360.757.582	1.012.071.182
Trạm dầu Đèn Lừ II	-	713.462.877
VP Xi nghiệp bán lẻ số 2	-	2.203.024.955
Dự án 438 Trần Khát Chân	576.859.364	-
Dự án khác	1.683.671.986	4.806.921.717
Cộng	21.309.733.941	27.387.684.940

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)
Cộng	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)

Thông tin về công ty liên kết	Trụ sở hoạt động chính	Số cổ phiếu năm giờ	Vốn điều lệ (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	Gác 2, Bến xe Gia Lâm, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	393.500	1.639.460	24,0%	Vận tải liên tỉnh, xe buýt, khai thác điểm đỗ xe

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Xăng dầu khu vực I	40.417.657.509	24.944.078.039
Công ty TNHH Hải Linh	25.934.973.574	
Công ty CP Kho vận và DV Thương mại	-	996.525.200
Công ty TNHH LPK	3.002.592.450	464.483.580
Công ty TNHH MTV KDTM Xăng dầu Mipecc	2.999.242.330	2.064.789.040
Công ty CP Xăng dầu Hà Sơn Bình	4.345.535.747	
Các đối tượng khác	8.949.676.620	5.752.747.972
Cộng	85.649.678.230	34.222.623.831

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH xây dựng và vận tải Nhuận Hiền	-	50.000.000
Bệnh viện Phổi Hà Nội	20.010.860	-
Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh	26.939.906	26.939.906
Các đối tượng khác	150.491.283	103.365.201
Cộng	197.442.049	180.305.107

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.263.667.951	540.860.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp	339.532.775	35.033.714
Thuế thu nhập cá nhân	95.582.394	55.425.912
Cộng	1.698.783.120	631.320.463

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	236.721.812	302.082.304
Chi phí phải trả khác	417.782.590	522.921.143
Cộng	654.504.402	825.003.447

5.16 Các khoản phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả, phải nộp ngắn hạn	4.963.007.959	8.107.787.002
Kinh phí công đoàn	165.366.580	24.191.690
Bảo hiểm xã hội	44.091.324	2.777.928
Bảo hiểm y tế	8.185.360	486.917
Bảo hiểm thất nghiệp	3.449.951	234.467
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.741.914.744	8.080.096.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>336.465.200</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.645.000.000</i>	<i>1.875.000.000</i>
<i>Công ty CP Tư vấn & ĐTXD 89</i>	<i>-</i>	<i>3.288.900.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.760.449.544</i>	<i>2.579.730.800</i>
Phải trả, phải nộp dài hạn	2.131.441.316	869.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.131.441.316	869.000.000
Cộng	7.094.449.275	8.976.787.002

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO-HFC-PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm TM và DV - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (Bên A), Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội (Bên B - nay là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC) và Công ty Cổ phần Parus (Bên C).

Nội dung hợp tác: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm theo đăng ký kinh doanh của Bên B, thời hạn hợp tác theo Hợp đồng: 10 năm. Tổng giá trị đầu tư: 8.066.000.000 đồng, trong đó: Bên A góp 28%, Bên B góp 51% và Bên C góp 21%.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn sau khi đã trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định (không gồm thuế Thu nhập doanh nghiệp). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Nội dung	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	175.900.000.000	175.900.000.000	212.000.330.000	212.000.330.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hoàn Kiếm (1)	86.000.000.000	86.000.000.000	103.000.000.000	103.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm (2)	55.000.000.000	55.000.000.000	58.000.330.000	58.000.330.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	28.000.000.000	28.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sứ giao dịch	6.900.000.000	6.900.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn	5.185.458.000	5.185.458.000	6.773.050.000	6.773.050.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.665.500.000	1.665.500.000	350.000.000	350.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (4)	1.986.600.000	1.986.600.000	4.089.700.000	4.089.700.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm	1.533.358.000	1.533.358.000	2.333.350.000	2.333.350.000
Cộng	181.085.458.000	181.085.458.000	218.773.380.000	218.773.380.000

- (1) Khoản vay theo HĐTD số 67/2015-HĐTDHM/NHCT122-XDCDHN ngày 20/07/2015, hạn mức vay 80 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- (2) Khoản vay theo HĐTD số 01/2015/4818668/HĐTDHMNH ngày 27/05/2015, hạn mức vay 10 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (3) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 9697.15.002.1486666.TD, Hạn mức: 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 03 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng, dầu. Lãi suất được xác định trên từng lần giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội trong từng thời kỳ.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/04/2015, số tiền vay: 603.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi, tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a) Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	21.000.000.000	11.887.067.102	12.242.365.605	540.272.961	45.669.705.668
Lợi nhuận sau thuế	-	-	3.774.300.495	-	3.774.300.495
Tăng trong năm	39.899.990.000	241.977.569	-	555.232	40.142.522.801
Trả lãi LD liên kết	-	-	(3.589.813.668)	-	(3.589.813.668)
Chia cổ tức	-	-	(3.653.999.400)	-	(3.653.999.400)
Trích lập quỹ	-	-	(483.955.138)	-	(483.955.138)
Giảm khác	-	(11.129.990.000)	(6.720.000.000)	-	(17.849.990.000)
Số dư tại 31/12/2017	60.899.990.000	999.054.671	1.568.897.894	540.828.193	64.008.770.758
Lợi nhuận sau thuế	-	-	4.403.869.088	(5.308.489)	4.398.560.599
Tăng trong năm	-	248.671.282	-	-	248.671.282
Trả lãi liên doanh liên kết	-	-	(1.935.000.000)	-	(1.935.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ (*)	-	-	(497.342.564)	-	(497.342.564)
Giảm khác	-	-	(960.000.002)	-	(960.000.002)
Số dư tại 31/12/2018	60.899.990.000	1.247.725.953	2.580.424.417	535.519.704	65.263.660.074

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	8.977.500.000	8.977.500.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.634.810.000	5.634.810.000
Các cổ đông khác	46.287.680.000	46.287.680.000
Cộng	60.899.990.000	60.899.990.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	60.899.990.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	39.899.990.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	60.899.990.000	60.899.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.895.000.001	13.963.813.068

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.089.999	6.089.999
Cổ phiếu phổ thông	6.089.999	6.089.999
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

e) Báo cáo tiến độ sử dụng vốn

Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên số 001/NQ- ĐHCĐ ngày 23/04/2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng.

Căn cứ vào tình hình thực tế đầu tư, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng, Công ty đã sử dụng vốn đến 31/12/2018 như sau:

Nội dung	Kế hoạch VND	Vốn đã sử dụng VND
Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Tam Hiệp, diện tích 4.100m ²	7.094.000.000	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
Đầu tư cửa hàng xăng dầu tại xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, HN diện tích 3.300m ² (*)	14.956.000.000	6.360.757.582
Cộng	22.050.000.000	6.360.757.582

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán xăng dầu	2.271.389.208.732	1.905.238.431.534
Doanh thu dịch vụ ăn uống	4.509.892.973	-
Doanh thu vận tải	256.000.260	-
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt	2.902.363.641	3.314.181.816
Cộng	2.279.057.465.606	1.908.552.613.350

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán xăng dầu	2.162.934.234.206	1.817.892.150.798
Giá vốn dịch vụ ăn uống	4.076.325.708	-
Giá vốn vận tải	205.568.209	-
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt	1.724.079.513	1.595.540.578
Cộng	2.168.940.207.636	1.819.487.691.376

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	18.355.869	21.237.675
Cộng	18.355.869	21.237.675

5.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi vay	12.079.297.662	11.042.657.928
Phí bảo lãnh	1.219.010.364	987.951.402
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	1.180.500.000
Cộng	13.298.308.026	13.211.109.330

5.23 Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác	279.980.738	666.008.174
Nhượng lại cửa hàng kinh doanh	-	480.000.000
Hoàn nhập chi phí thuê đất	-	-
Cho thuê xe oto	-	-
Thu nhập khác	279.980.738	186.008.174
Chi phí khác	833.265.540	1.755.192.661
Phạt theo biên bản thanh tra, kiểm tra	379.677.906	469.420.472
Giá trị còn lại cửa hàng kinh doanh	-	733.630.790
Chi phí khấu hao xe	352.283.283	-
Chi phí khác	101.304.351	552.141.399
Lợi nhuận khác	(553.284.801)	(1.089.184.487)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.779.735.965	6.807.179.777
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	699.944.474	744.880.794
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	3.074.833.000	3.589.813.669
Thu nhập chịu thuế	4.404.847.439	3.962.246.902
Thuế suất hiện hành		20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.067.769.397	792.449.380
Thuế TNDN phải nộp theo Quyết định của cơ quan thuế	1.313.405.968	278.555.272
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.381.175.365	1.071.004.652

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.403.869.088	3.774.300.495
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	248.671.282	241.977.569
Lợi nhuận (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.155.197.806	3.532.322.926
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.089.999	5.346.657
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	682,30	660,66

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.523.914.571	9.611.792.541
Chi phí nhân công	47.897.196.682	37.328.474.972
Khấu hao tài sản cố định	8.651.756.684	6.479.144.720
Thuế, phí và lệ phí	309.438.512	156.460.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.951.343.622	25.144.108.753
Chi phí khác bằng tiền	29.342.261.848	25.436.812.794
Cộng	120.675.911.919	104.156.794.055

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Hội đồng QT và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương, thù lao	2.744.017.223	1.684.973.804

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển xăng dầu và lĩnh vực khác gồm có cho thuê cửa hàng, ki ốt, kinh doanh nhà hàng và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2018 Ghi chú: Số liệu tài sản và nợ phải trả là số liệu riêng của từng đơn vị, chưa được loại trừ cho mục đích hợp nhất):

NĂM 2018	Kinh doanh xăng, dầu	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định và XDCB	71.306.739.033	9.332.189.931	-	80.638.928.964
Hàng tồn kho	14.342.074.763	204.339.709	114.185.393	14.660.599.865
Nợ phải thu	207.548.494.832	804.375.179	411.196.506	208.764.066.517
Tài sản không thể phân bổ	50.831.871.971	1.394.551.436	460.974.904	52.687.398.311
Tổng tài sản:	344.029.180.599	11.735.456.254	986.356.803	356.750.993.656
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả người bán	85.095.384.363	666.536.560	440.457.140	86.202.378.063
Vay ngắn hạn và dài hạn	177.590.558.000	3.494.900.000	-	181.085.458.000
Phải trả khác không phân bổ	13.474.863.424	2.615.503.916	3.474.670.735	19.565.038.075
Tổng nợ phải trả:	276.160.805.787	6.776.940.477	3.915.127.875	286.852.874.138

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 như sau:

NĂM 2018	Kinh doanh xăng, dầu	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
Tổng doanh thu	2.276.837.443.287	18.368.608.809	8.507.538.240	2.303.713.590.336
Thu nhập hoạt động tài chính và thu nhập khác				(163.612.432)
Giá vốn	2.153.836.929.720	14.751.107.248	6.171.721.722	2.174.759.758.690
Chi phí hoạt động kinh doanh khác				122.010.483.249
Lợi nhuận kế toán trước thuế				6.779.735.965
Thuế thu nhập doanh nghiệp				2.381.175.365
Lợi nhuận trong năm				4.398.560.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu



NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hà Nội - Tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/08/2019.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION (Tên viết tắt là HFC., CORP)

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung – Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT
	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên
	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/09/2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		222.632.978.358	243.953.400.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.586.509.601	21.087.529.491
1. Tiền	111		13.586.509.601	21.087.529.491
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.987.856.070	207.548.494.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	181.713.659.864	191.993.061.014
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	1.978.672.057	5.600.971.510
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		500.000.000	2.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.795.524.149	7.154.462.308
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	16.024.925.643	14.342.074.763
1. Hàng tồn kho	141		16.024.925.643	14.342.074.763
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.033.687.043	975.300.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.964.423.259	975.300.930
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	69.263.784	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		107.344.884.777	100.075.780.583
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.209.273.796	49.997.005.092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	43.326.651.209	42.690.888.161
- Nguyên giá	222		69.313.196.634	62.235.048.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.986.545.425)	(19.544.160.129)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.882.622.586	7.306.116.931
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.755.134.005)	(3.331.639.660)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	13.609.745.693	2.757.968.109
1. Nguyên giá	231		16.557.058.728	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.947.313.035)	(2.516.681.637)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.429.669.581	21.309.733.941
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	16.429.669.581	21.309.733.941
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	7.608.000.000	7.608.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.460.000.000	5.460.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.817.537.150)	(2.817.537.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.488.195.708	18.403.073.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	19.488.195.708	18.403.073.441

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		270	329.977.863.135	344.029.180.599
NGUỒN VỐN		MS	TM	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		262.018.050.547	276.335.854.970
I. Nợ ngắn hạn	310		259.359.209.231	272.728.855.654
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	57.972.446.380	85.095.384.363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	534.618.836	197.442.049
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	782.848.895	1.440.191.183
4. Phải trả người lao động	314		3.537.985.787	5.749.552.216
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	725.514.536	622.147.445
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		60.000.024	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	5.153.397.063	3.036.350.350
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	190.000.000.000	175.900.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		592.397.710	687.788.048
II. Nợ dài hạn	330		2.658.841.316	3.606.999.316
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.606.441.316	1.916.441.316
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	52.400.000	1.690.558.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		67.959.812.589	67.693.325.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	67.959.812.589	67.693.325.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.553.350.000	60.899.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.553.350.000	60.899.990.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.609.662	1.247.725.953
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.376.852.927	5.545.609.675
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3.139.975.628	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		236.877.299	5.545.609.675
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		329.977.863.135	344.029.180.599

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc




Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	557.448.411.802	560.130.700.213	2.178.611.959.074	2.279.739.806.928
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		557.448.411.802	560.130.700.213	2.178.611.959.074	2.279.739.806.928
Giá vốn hàng bán	11	5.20	528.041.183.102	521.680.707.540	2.071.840.326.934	2.155.932.325.734
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.407.228.700	38.449.992.673	106.771.632.140	123.807.481.194
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	4.241.334	3.631.670	21.711.487	16.351.092
Chi phí tài chính	22	5.22	7.728.425.620	3.378.519.906	18.404.434.693	12.901.126.262
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.462.281.978	3.073.767.315	13.339.851.357	11.682.115.898
Chi phí bán hàng	25		15.067.705.709	19.739.333.191	52.978.196.506	64.380.752.368
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.490.642.655	11.278.152.536	32.453.931.408	38.723.759.883
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26))	30		(875.303.950)	4.057.618.710	2.956.781.021	7.818.193.773
Thu nhập khác	31	5.23	323.740.071	344.320.335	1.227.360.029	644.940.017
Chi phí khác	32	5.23	401.839.146	122.502.604	990.726.933	788.210.950
Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(78.099.075)	221.817.731	236.633.096	(143.270.933)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(953.403.025)	4.279.436.441	3.193.414.117	7.674.922.840
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	350.000.000	400.000.000	206.317.495	2.293.210.022
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.303.403.025)	3.879.436.441	2.987.096.622	5.381.712.818

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc




Nguyễn Trọng Hậu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.193.414.117	7.674.922.840
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.296.511.039	5.943.119.526
- Các khoản dự phòng	03	4.000.000.000	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.711.487)	(16.351.092)
- Chi phí lãi vay	06	13.339.851.357	11.682.115.898
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.808.065.026	25.283.807.172
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.491.374.978	(20.057.913.421)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.682.850.880)	(1.157.767.336)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(28.780.069.543)	46.241.969.970
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.074.244.596)	(3.524.346.184)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.070.965.056)	(11.449.100.936)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(600.000.000)	1.988.710.961
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(95.390.338)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.004.080.411)	37.325.360.227
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.480.492.966)	(11.479.030.420)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác	23	(500.000.000)	(900.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.711.487	16.351.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.958.781.479)	(12.362.679.328)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	920.500.000.000	889.400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(908.038.158.000)	(914.404.792.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.453.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.461.842.000	(30.458.692.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.501.019.890)	(5.496.011.101)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.087.529.491	26.583.540.592
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	13.586.509.601	21.087.529.491

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/08/2019.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, (viết tắt là HFC., CORP).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 64.553.350.000 đồng.

Sở hữu vốn tại 31/12/2019:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp đến	
		31/12/2019 (VND)	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Xăng dầu Khu vực I	951.615	9.516.150.000	14.7%
Ông Nguyễn Trọng Hậu	597.289	5.972.890.000	9.3%
Các cổ đông khác	4.906.431	49.064.310.000	76.0%
Cộng:	6.455.335	64.553.350.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hòa
 - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
 - Khách sạn;
 - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự
- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:
 - Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
 - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý bảo hiểm
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết:
 - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ % góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89.20%	89.20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100.00%	100.00%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi; được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ

khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm quản lý hệ thống	05
Quyền sử dụng đất	50

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm quản lý hệ thống được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	4.643.478.061	9.834.588.873
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.943.031.540	11.252.940.618
Tổng	13.586.509.601	21.087.529.491

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>XN xe buýt Hà nội-CN TCT Vận tải hà nội</i>	15.879.510.514	18.840.280.237
<i>Xi nghiệp Xe buýt Thăng long</i>	4.393.810.299	7.934.536.084
<i>Xi nghiệp Xe buýt 10/10</i>	3.819.769.234	4.256.342.542
<i>Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh</i>	5.728.865.816	7.351.820.494
<i>Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội</i>	3.564.879.649	7.459.672.240
<i>Xi nghiệp Xe buýt Cầu Bươu</i>	7.225.905.863	8.592.978.897
<i>Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia</i>	4.110.670.609	4.130.670.609
<i>Công ty CP Vận Tải xăng dầu Quý An</i>	2.016.414.100	2.016.414.100
<i>Công ty CP TM Việt Nga</i>	1.642.082.695	2.624.366.985
<i>Phải Thu các khách hàng khác</i>	133.331.751.085	128.785.978.826
Tổng	181.713.659.864	191.993.061.014
Trong đó ; Phải thu khách hàng là các bên liên quan	3.564.879.649	7.459.672.240
Công ty CP Xe Khách Hà Nội	3.564.879.649	7.459.672.240

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Mỹ Anh	400.000.000	400.000.000
Cty CP XD và Công nghệ môi trường Quang Minh	755.001.000	
Công ty CP Đầu tư XD & thương mại Công Năng	232.119.460	
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng 116	0	1.950.000.000
Công ty TNHH XD Hoàng Huy Hải Phòng	0	1.800.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	591.551.597	1.450.971.510
Tổng	1.978.672.057	5.600.971.510

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND Giá trị	01/01/2019 VND Giá trị
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	4.906.852.927	4.983.733.306
Phải thu khác	1.888.671.222	2.170.729.002
Tổng	6.795.524.149	7.154.462.308

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019 VND Giá trị	01/01/2019 VND Giá trị
Nguyên liệu, vật liệu	110.470.500	95.416.400
Công cụ, dụng cụ	2.356.469.218	1.474.690.401
Hàng hoá	13.557.985.925	12.771.967.962
Tổng	16.024.925.643	14.342.074.763

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	1.964.423.259	975.300.930
Chi phí phân bổ giá trị ngắn hạn và phân bổ công cụ dụng cụ	1.964.423.259	975.300.930
b) Dài hạn	19.488.195.708	18.403.073.441
Chi phí phân bổ dài hạn tại CH Cầu Cẩm, Nghệ An và các chi phí khác	288.225.749	1.839.582.810
Chi phí sửa chữa các CH và CCDC	9.481.305.424	6.098.820.113
Chi phí phân bổ dài hạn tại CN Thái Nguyên	0	189.046.789
Chi phí phân bổ dài hạn tại CN Hải Phòng	9.718.664.535	10.275.623.729
Tổng	21.452.618.967	19.378.374.371

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	35.448.084.386	17.284.741.812	5.769.138.182	3.733.083.910	62.235.048.290
Đầu tư mua sắm và XDCB hoàn thành	5.725.056.924	1.311.295.056		383.096.364	7.419.448.344
Thanh lý, nhượng bán		302.600.000	-	38.700.000	341.300.000
Số dư tại 31/12/2019	41.173.141.310	18.293.436.868	5.769.138.182	4.077.480.274	69.313.196.634
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	6.911.554.952	7.109.132.639	3.532.789.664	1.990.682.875	19.544.160.129
Khấu hao trong kỳ	2.479.332.919	2.639.577.871	857.853.797	594.721.605	6.571.486.192
Thanh lý, nhượng bán		105.069.444	-	24.031.452	129.100.896
Số dư tại 31/12/2019	9.390.887.871	9.643.641.066	4.390.643.460	2.561.373.029	25.986.545.425
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	28.536.529.434	10.175.609.173	2.236.348.518	1.742.401.035	42.690.888.161
Tại 31/12/2019	31.782.253.439	8.649.795.802	1.378.494.722	1.516.107.245	43.326.651.209

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.8 Tài sản vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
Mua trong năm	-			-
Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư tại 31/12/2019	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2019	1.974.438.591	1.305.901.069	51.300.000	3.331.639.660
Khấu hao trong năm	179.508.000	243.986.345	0	423.494.345
Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư tại 31/12/2019	2.153.946.591	1.549.887.414	51.300.000	3.755.134.005
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	7.001.134.000	304.982.931	0	7.306.116.931
Tại 31/12/2019	6.821.626.000	60.996.586	0	6.882.622.586

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.8 Bất động sản đầu tư

Nội dung	1/1/2019	Tăng	Giảm	<i>Đơn vị tính: VND</i>
				31/12/2019
NGUYÊN GIÁ	5.274.649.746	11.282.408.982	-	16.557.058.728
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	1.248.576.767	-	1.915.230.967
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Số 7 Dã Tượng	-	10.033.832.215	-	10.033.832.215
GIÁ TRỊ HAO MÒN	2.516.681.637	430.631.398	-	2.947.313.035
Văn phòng No 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311,379,600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	609.753.573	78.393.378	-	688.146.951
VP 456 Trần Khát Chân	891.095.601	70.571.400	-	961.667.001
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	285.263.208	47.543.868	-	332.807.076
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419,189,655
Số 7 Dã tượng	-	234.122.752	-	234.122.752
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	2.757.968.109	10.851.777.584	-	13.609.745.693
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	56.900.627	1.170.183.389	-	1.227.084.016
VP 456 Trần Khát Chân	846.856.854	(70.571.400)	-	776.285.454
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	1.854.210.628	(47.543.868)	-	1.806.666.760
Quầy Kios	-	-	-	-
Số 7 Dã tượng	-	9.799.709.463	-	9.799.709.463

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án 63 Tô Hiến Thành	0	1.248.576.767
Dự án số 7 Dã Tượng	0	10.033.832.215
Dự án số 1 Đồng Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Dự án CH XD Đồng Tháp- Đan phượng	6.489.667.442	6.360.757.582
Dự án nhà hàng số 1 thi Sách	3.743.039.591	
Dự án 438 Trần Khát Chân		576.859.364
Dự án khác	4.790.926.521	1.683.671.986
Cộng	16.429.669.581	21.309.733.941

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nội dung		
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV I	39.348.390.095	40.417.657.509
Công ty TNHH Hải Linh	9.999.579.524	25.934.973.574
Công ty TNHH Thương Mại và Tổng Hợp Hoàng Trọng	1.893.597.105	0
Công ty TNHH LPK	2.978.020.925	3.002.592.450
Công ty TNHH MTV KDTM Xăng Dầu Mípec	0	2.999.242.330
Công ty CP Xăng dầu Hà sơn Bình	424.016	4.345.535.747
Các đối tượng khác	3.752.434.715	8.395.382.753
Cộng	57.972.446.380	85.095.384.363

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cục Phục vụ ngoại giao đoàn	5.521.240	0
Bệnh viện Phổi Hà Nội		20.010.860
Doanh Nghiệp Tư nhân Phương anh	26.939.906	26.939.906
Công ty TNHH DVTM Mạnh Hằng	20.255.207	0
Công Ty TNHH Lottle Rent A Car	118.234.900	0
Các đối tượng khác	363.667.583	150.491.283
Tổng	534.618.836	197.442.049

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Thuế GTGT	775.822.855	1.063.655.486
Thuế TNDN	0	339.532.775
Thuế TNCN	7.026.040	37.002.921
Tổng	782.848.895	1.440.191.183

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	268.886.302	236.721.812
Chi phí phải trả khác	456.628.234	385.425.633
Tổng	725.514.536	622.147.445

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	5.153.397.063	3.036.350.350
- Kinh phí công đoàn;	320.126.685	143.855.372
- Bảo hiểm xã hội;	2.548.435	743.587
- Bảo hiểm y tế;	85.360	125.860
- Bảo hiểm thất nghiệp;	216.467	74.911
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	4.830.420.116	2.891.550.620
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>336.465.200</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.875.000.000</i>	<i>1.645.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.618.954.916</i>	<i>910.085.420</i>
b) Dài hạn	2.606.441.316	1.916.441.316
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.606.441.316	1.916.441.316
Tổng	7.759.838.379	4.952.791.666

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO - HFC - PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (bên A); Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần PARUS (bên C). Mục tiêu và phạm vi hợp tác: Các Bên đồng ý cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730 m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh của bên B, Thời hạn Hợp đồng 10 năm, Tổng giá trị hợp đồng: 8.066.000.000 đồng, vốn các bên góp như sau:

Bên A góp bằng phần chi phí phân bổ cho 10 năm mà bên A đã đầu tư cho phần xây dựng cửa hàng được các bên thống nhất có giá trị 1.888.000.000 đồng (chiếm 28%)

Bên B góp 3.439.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%

Bên C góp 1.415.000.000 đồng chiếm 21%

Phần còn lại là 1.324.000.000 đồng do bên B chịu trách nhiệm thu xếp và được tính là vay vốn cho Dự án và chi phí lãi vay được trừ vào thu nhập của cửa hàng trước khi phân chia kết quả theo tỷ lệ góp vốn.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn (Bên A hưởng 28%, Bên B hưởng 51% và bên C hưởng 21%) sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định (không bao gồm thuế TNDN). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất khác đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả cho bên A và C phần phân chia lợi nhuận cho bên A không thấp hơn 307 triệu đồng/năm và không thấp hơn 230 triệu đồng/năm cho bên C. Hiệu lực của hợp đồng ngay sau các bên ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.15 Vay và thuê ngắn hạn, dài hạn*Đơn vị tính: VND**Khoản mục*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	190.000.000.000	190.000.000.000	175.900.000.000	175.900.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hoàn Kiếm(1)	100.500.000.000	100.500.000.000	86.000.000.000	86.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm(2)	67.500.000.000	67.500.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội(3)	15.000.000.000	15.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
NH TMCP Ngoại Thương VN	7.000.000.000	7.000.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
b) Vay dài hạn	52.400.000	52.400.000	1.690.558.000	1.690.558.000
Ngân hàng TMCP Quân đội(4)	52.400.000	52.400.000	157.200.000	157.200.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	0	0	1.533.358.000	1.533.358.000
Cộng	190.052.400.000	190.052.400.000	177.590.558.000	177.590.558.000

- (1) Khoản vay theo HĐCVHM số 10/2019-HĐCVHM/NHCT122-HFC ngày 6/08/2019, hạn mức vay 120 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- (2) Khoản vay theo HĐTD số 01/4818668/HDTDHMNH ngày 26/06/2019, hạn mức vay 180 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (3) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24038.19.002.1486666.TD, Hạn mức: 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 03 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng, dầu. Lãi suất được xác định trên từng lần giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội trong từng thời kỳ.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/04/2015, số tiền vay: 603.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi, tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (5) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo HĐCVTHM số KH2-190269/HĐCV,HFC hạn mức vay 50.000.000.000 đồng thời hạn vay 3 tháng sỏi với mỗi lần giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

5.16 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	60.899.990.000	999.054.671	3.556.239.422	65.455.284.093
Tăng trong năm	-	248.671.282	5.381.712.818	5.630.384.100
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.381.712.818	5.381.712.818
Tăng quỹ	-	248.671.282	-	248.671.282
Giảm trong năm	-	-	(3.392.342.566)	(3.392.342.566)
Trích lập các quỹ	-	-	(497.342.564)	(497.342.564)
Lãi liên doanh liên kết	-	-	(1.935.000.000)	(1.935.000.000)
Giảm khác	-	-	(960.000.002)	(960.000.002)
Số dư tại 31/12/2018	60.899.990.000	1.247.725.953	5.545.609.675	67.693.325.629
Số dư tại 01/01/2019	60.899.990.000	1.247.725.953	5.545.609.675	67.693.325.629
Tăng trong kì	3.653.360.000	29.609.662	2.987.096.622	6.670.066.284
Lợi nhuận sau thuế	3.653.360.000	29.609.662	2.987.096.622	6.670.066.284
Tăng quỹ	-	(1.247.725.953)	(5.155.853.371)	(6.403.579.324)
Giảm trong kì	-	(1.247.725.953)	(2.464.853.371)	(3.712.579.324)
Giảm khác	-	-	(2.691.000.000)	(2.691.000.000)
Chi liên doanh ,liên kết	-	-	(2.691.000.000)	(2.691.000.000)
Số dư tại 31/12/2019	64.553.350.000	29.609.662	3.376.852.926	67.959.812.589

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Xăng dầu KV I	9.516.150.000	8.977.500.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.972.890.000	5.634.810.000
Các cổ đông khác	49.064.310.000	46.287.680.000
Tổng	64.553.350.000	60.899.990.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 1/1/2019	60.899.990.000	60.899.990.000
Vốn góp tăng trong năm	3.653.360.000	-
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp tại ngày 31/12/2019	64.553.350.000	60.899.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	Năm 2019 Cổ phiếu	Năm 2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.455.335	6.089.999
Cổ phiếu phổ thông	6.455.335	6.089.999
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ CP

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán xăng dầu	2.175.172.630.253	2.276.837.443.287
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa khác	3.439.328.821	2.902.363.641
Cộng:	2.178.611.959.074	2.279.739.806.928

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán xăng dầu	2.069.770.248.305	2.153.836.929.720
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa khác	2.070.078.629	2.095.396.014
Cộng:	2.071.840.326.934	2.155.932.325.734

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	21.711.487	16.351.092
Cộng:	21.711.487	16.351.092

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi vay	13.339.851.357	11.682.115.898
Phí bảo lãnh	1.064.583.336	1.219.010.364
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	4.000.000.000	-
Cộng:	18.404.434.693	12.901.126.262

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.049.288.542	1.985.681.201
Chi phí nhân công	37.670.383.499	39.641.739.697
Khấu hao tài sản cố định	8.887.665.617	6.954.017.452
Thuế, Phí, lệ Phí	356.777.943	309.438.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.991.147.382	19.067.923.215
Chi phí khác bằng tiền	30.476.864.931	28.746.451.338
Cộng:	85.432.127.914	96.705.251.415

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác	1.227.360.029	644.940.017
Nhượng lại cửa hàng kinh doanh	-	-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	806.000.000	-
Cho thuê xe oto	326.361.600	371.316.100
Thu nhập khác	94.998.429	273.623.917

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

Chi phí khác	990.726.933	788.210.950
Phạt theo biên bản thanh tra, kiểm tra	258.719.205	337.137.898
Giá trị còn lại cửa hàng kinh doanh		-
Chi phí khấu hao xe	323.170.455	352.283.283
Chi phí khác	408.837.273	98.789.769
Lợi nhuận khác	236.633.096	(143.270.933)

5.23 Chi phí thuế TNDN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.193.414.117	7.674.922.840
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	529.173.358	597.405.466
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	2.691.000.000	3.074.833.000
Thu nhập chịu thuế	1.031.587.475	5.197.495.307
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	206.317.495	1.039.499.061
Thuế TNDN phải nộp theo Quyết định của cơ quan thuế	0	1.253.710.961
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	206.317.495	2.293.210.022

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4

	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản chính		
Tiền các khoản tương đương tiền	13.586.509.601	21.087.529.491
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.509.184.010	199.147.523.322
Đầu tư tài chính dài hạn	7.608.000.000	7.608.000.000
Tổng	209.703.693.611	227.843.052.813

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người lập

Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Liên Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hà Nội - Tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/08/2019.

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HFC PETROLEUM CORPORATION** (Tên viết tắt là **HFC., CORP**)

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC;
- Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp: 01066665780 được cấp lần đầu ngày 14/10/2014. Công ty có trụ sở tại Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 89,2% vốn.

Công ty TNHH Dịch vụ HFC là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 0107453436 cấp lần đầu ngày 30/05/2016, thay đổi lần thứ 2 ngày 18/12/2018. Công ty có trụ sở tại Số 07 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 100% vốn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT
	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên
	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		223.289.267.240	243.726.065.544
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.343.095.343	21.990.604.423
1. Tiền	111		14.343.095.343	21.990.604.423
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.012.404.007	205.403.886.682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	180.453.033.432	192.269.276.325
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	2.277.124.057	5.637.271.510
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.282.246.518	7.497.338.848
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	16.328.725.959	14.660.599.865
1. Hàng tồn kho	141		16.328.725.959	14.660.599.865
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.605.041.931	1.670.974.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.440.979.394	1.670.836.087
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14	82.947.675	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	81.114.862	138.487
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		112.814.888.065	105.212.228.278
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.782.000	7.480.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		7.782.000	7.480.000
II. Tài sản cố định	220		59.520.501.100	59.329.195.023
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	52.637.878.513	52.023.078.092
- Nguyên giá	222		84.364.030.723	76.182.623.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.726.152.210)	(24.159.545.196)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.882.622.586	7.306.116.931
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.755.134.005)	(3.331.639.660)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	13.609.745.693	2.757.968.109
1. Nguyên giá	231		16.557.058.728	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.947.313.035)	(2.516.681.637)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.429.669.581	21.309.733.941
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	16.429.669.581	21.309.733.941
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	3.148.000.000	3.148.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.817.537.150)	(1.817.537.150)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

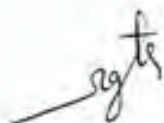
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.099.189.692	18.659.851.205
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	20.099.189.692	18.659.851.205
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		336.104.155.305	348.938.293.822
			31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN	MS	TM	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		268.735.589.933	283.674.633.748
I. Nợ ngắn hạn	310		262.176.468.614	276.357.734.432
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	58.713.836.544	85.649.678.230
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	534.618.966	197.442.049
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	857.650.257	1.698.783.120
4. Phải trả người lao động	314		4.234.622.235	6.541.530.624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	763.962.910	654.504.402
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		125.000.024	65.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.354.379.968	4.963.007.959
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	190.000.000.000	175.900.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		592.397.710	687.788.048
II. Nợ dài hạn	330		6.559.121.320	7.316.899.316
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.927.441.316	2.131.441.316
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	3.631.680.004	5.185.458.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		67.368.565.373	65.263.660.074
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	67.368.565.373	65.263.660.074
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.553.350.000	60.899.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.553.350.000	60.899.990.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.609.662	1.247.725.953
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.354.135.479	2.580.424.417
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(830.279.668)	569.136.347
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.184.415.147	2.011.288.070
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		431.470.231	535.519.704
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		336.104.155.305	348.938.293.822

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	557.021.251.827	559.891.689.542	2.177.034.558.256	2.279.057.465.606
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		557.021.251.827	559.891.689.542	2.177.034.558.256	2.279.057.465.606
Giá vốn hàng bán	11	5.20	527.772.764.345	525.280.008.557	2.071.240.270.124	2.168.940.207.636
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.248.487.482	34.611.680.985	105.794.288.132	110.117.257.970
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	4.766.554	4.094.741	23.261.419	18.355.869
Chi phí tài chính	22	5.22	3.787.514.895	3.465.430.399	14.672.525.259	13.298.308.026
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.521.371.253	3.160.677.808	13.607.941.923	12.079.297.662
Chi phí bán hàng	25		15.036.506.250	15.054.210.777	52.927.083.035	50.085.185.963
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.177.426.920	11.603.594.414	32.536.112.926	39.419.099.085
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26))	30		3.251.805.971	4.492.540.137	5.681.828.331	7.333.020.766
Thu nhập khác	31	5.23	248.502.299	265.477.468	1.274.629.380	279.980.738
Chi phí khác	32	5.23	408.258.361	166.436.281	1.924.035.517	833.265.540
Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(159.756.062)	99.041.187	(649.406.137)	(553.284.801)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30+40)	50		3.092.049.909	4.591.581.324	5.032.422.195	6.779.735.964
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	350.000.000	400.138.487	206.317.495	2.381.175.365
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.742.049.909	4.191.442.837	4.826.104.700	4.398.560.599
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.720.037.382	4.147.100.460	4.930.154.172	4.403.869.088
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		22.012.526	44.342.377	(104.049.473)	(5.308.489)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	421	642	764	682

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.032.422.195	6.779.735.964
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.420.732.757	7.646.858.758
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.261.419)	(18.355.869)
- Chi phí lãi vay	06	13.607.941.923	12.079.297.662
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.037.835.456	26.487.536.515
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.282.682.971	(19.469.524.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.668.126.094)	(1.049.712.640)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(30.531.705.024)	50.409.854.328
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.209.481.794)	(3.614.853.441)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.339.055.622)	(11.846.282.700)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(610.000.000)	1.916.496.688
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(95.390.338)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.133.240.446)	42.833.513.779
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.583.752.057)	(16.914.643.198)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác	23	(500.000.000)	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.261.419	18.355.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.060.490.638)	(16.896.287.329)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.000.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	922.300.000.000	890.998.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(909.753.777.996)	(916.686.192.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.453.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.546.222.004	(31.141.492.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.647.509.080)	(5.204.265.550)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.990.604.423	27.194.869.973
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	14.343.095.343	21.990.604.423

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Trưởng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/08/2019.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, (viết tắt là HFC., CORP).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 64.553.350.000 đồng.

Sở hữu vốn tại 31/12/2019:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp đến 31/12/2019 (VND)	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Xăng dầu Khu vực I	951.615	9.516.150.000	14.7%
Ông Nguyễn Trọng Hậu	597.289	5.972.890.000	9.3%
Các cổ đông khác	4.906.431	49.064.310.000	76.0%
Cộng:	6.455.335	64.553.350.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
 - + Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
 - Khách sạn;
 - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự
- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:
 - Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
 - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý bảo hiểm
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết:
 - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ % góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89.20%	89.20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100.00%	100.00%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 09 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính tại ngày 31/12/2019 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Công ty con là: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC và Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2019 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm; tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm quản lý hệ thống	05
Quyền sử dụng đất	50

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm quản lý hệ thống được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	4.689.520.696	9.992.390.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.653.574.647	11.998.214.352
Tổng	14.343.095.343	21.990.604.423

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>XN xe buýt Hà nội-CN TCT Vận tải hà nội</i>	15.879.510.514	18.840.280.237
<i>Xi nghiệp Xe buýt Thăng long</i>	4.393.810.299	7.934.536.084
<i>Xi nghiệp Xe buýt 10/10</i>	3.819.769.234	4.256.342.542
<i>Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Liên Ninh</i>	5.728.865.816	7.351.820.494
<i>Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội</i>	3.564.879.649	7.459.672.240
<i>Xi nghiệp Xe buýt Cầu Bươu</i>	7.225.905.863	8.592.978.897
<i>Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia</i>	4.110.670.609	4.130.670.609
<i>Công ty CP Vận Tải xăng dầu Quý An</i>	2.016.414.100	2.016.414.100
<i>Công ty CP TM Việt Nga</i>	1.642.082.695	2.624.366.985
<i>Phải Thu các khách hàng khác</i>	132.071.124.653	129.062.194.137
Tổng	180.453.033.432	192.269.276.325

Trong đó ; Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Công ty CP Xe Khách Hà Nội	3.564.879.234	7.459.672.240
----------------------------	---------------	---------------

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Phát triển hạ tầng 116	0	1.950.000000
Công ty CPXD và công nghệ môi trường Quang Minh	755.001.000	0
Công ty CP Đầu tư XD & thương mại Công Năng	232.119.460	0
Công ty TNHH XD Hoàng Huy Hải Phòng	0	1.800.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.290.003.597	1.887.271.510
Tổng	2.277.124.057	5.637.271.510

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND Giá trị	01/01/2019 VND Giá trị
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	5.333.588.746	5.315.854.306
Phải thu khác	1.948.657.772	2.181.484.542
Tổng	<u>7.282.246.518</u>	<u>7.497.338.848</u>

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019 VND Giá trị	01/01/2019 VND Giá trị
Nguyên liệu, vật liệu	185.174.093	169.530.581
Công cụ, dụng cụ	2.372.066.170	1.493.649.833
Hàng hoá	13.771.485.696	12.997.419.451
Tổng	<u>16.328.725.959</u>	<u>14.660.599.865</u>

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	2.440.979.394	1.670.836.087
Chi phí phân bổ ngắn hạn và chi phí công cụ dụng cụ	2.440.979.394	1.670.836.087
b) Dài hạn	20.099.189.692	18.659.851.205
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại CH Cầu Cẩm, Nghệ An và các chi phí khác	288.225.749	1.839.582.810
Chi phí phân bổ dài hạn và CCDC	10.092.299.408	6.355.597.877
Chi phí thuê tại các CH XD Thái Nguyên	0	189.046.789
Chi phí phân bổ dài hạn tại CN Hải Phòng	9.718.664.535	10.275.623.729
Tổng	<u>22.540.169.086</u>	<u>20.330.687.292</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	35.448.084.386	17.284.741.812	19.716.713.180	3.733.083.910	76.182.623.288
Tăng trong năm	5.725.056.924	1.311.295.056	2.750.609.091	383.096.364	10.170.057.435
Mua trong năm		1.311.295.056	2.750.609.091	383.096.364	4.445.000.511
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.725.056.924	-	-	-	5.725.056.924
Giảm trong năm		302.600.000	1.647.350.000	38.700.000	1.988.650.000
Chuyển sang dụng cụ quản lý, nhượng bán		302.600.000	1.647.350.000	38.700.000	1.988.650.000
Số dư tại 31/12/2019	41.173.141.310	18.293.436.868	20.819.972.271	4.077.480.274	84.364.030.723
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	6.911.554.952	7.109.132.639	8.148.174.732	1.990.682.875	24.159.545.196
Tăng trong năm	2.479.332.919	2.639.577.871	2.705.994.293	594.721.605	8.419.626.688
Khấu hao trong năm	2.479.332.919	2.639.577.871	2.705.994.293	594.721.605	8.419.626.688
Giảm trong năm	-	105.069.444	723.918.778	24.031.452	853.019.673
Số dư tại 31/12/2019	9.390.887.871	9.643.641.066	10.130.250.245	2.561.373.029	31.726.152.210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	28.536.529.434	10.175.609.173	11.568.538.448	1.742.401.035	52.023.078.092
Tại 31/12/2019	31.782.253.439	8.649.795.802	10.689.722.026	1.516.107.245	52.637.878.513

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.8 Tài sản vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2019	1.974.438.591	1.305.901.069	51.300.000	3.331.639.660
Tăng trong năm	179.508.000	243.986.345	0	317.620.759
Khấu hao trong năm	179.508.000	243.986.345	0	317.620.759
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	2.153.946.591	1.549.887.414	51.300.000	3.755.134.005
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	7.001.134.000	304.982.931	0	7.306.116.931
Tại 31/12/2019	6.821.626.000	60.996.586	0	6.882.622.586

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Bảo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.9 Bất động sản đầu tư

Nội dung	1/1/2019	Tăng	Giảm	<i>Đơn vị tính: VND</i>
				31/12/2019
NGUYỄN GIÁ	5.274.649.746	11.282.408.982	-	16.557.058.728
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	1.248.576.767	-	1.915.230.967
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thị Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Số 7 Dã Tượng	-	10.033.832.215	-	10.033.832.215
GIÁ TRỊ HAO MÓN	2.516.681.637	430.631.398	-	2.947.313.035
Văn phòng No 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	609.753.573	78.393.378	-	688.146.951
VP 456 Trần Khát Chân	891.095.601	70.571.400	-	961.667.001
Nhà 6 tầng số 1 Thị Sách	285.263.208	47.543.868	-	332.807.076
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Số 7 Dã Tượng	-	234.122.752	-	234.122.752
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	2.757.968.109	11.001.243.067	-	13.759.211.176
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	56.900.627	1.170.183.389	-	1.227.084.016
VP 456 Trần Khát Chân	846.856.854	(70.571.400)	-	776.285.454
Nhà 6 tầng số 1 Thị Sách	1.854.210.628	(47.543.868)	-	1.806.666.760
Quầy Kios	-	-	-	-
Số 7 Dã Tượng	-	9.799.709.463	-	9.799.709.463

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án 63 Tô Hiến Thành	0	1.248.576.767
Dự án số 7 Dã Tượng	0	10.033.832.215
Dự án số 1 Đồng Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Dự án CH XD Đồng Tháp- Đan phượng	6.489.667.442	6.360.757.582
Dự án nhà hàng số 1- Thị sách	3.743.039.591	0
Dự án 438 Trần Khát Chân	-	576.859.364
Dự án khác	4.790.926.521	1.683.671.986
Cộng	16.429.669.581	21.309.733.941

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nội dung		
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV I	39.348.390.095	40.417.657.509
Công ty TNHH Hải Linh	9.999.579.524	25.934.973.574
Công ty TNHH Thương Mại và Tổng Hợp Hoàng Trọng	1.893.597.105	0
Công ty TNHH LPK	2.978.020.925	3.002.592.450
Công ty TNHH MTV KDTM Xăng Dầu Mipec	0	2.999.242.330
Công ty CP Xăng dầu Hà sơn Bình	424.016	4.345.535.747
Các đối tượng khác	4.493.824.879	8.949.676.620
Cộng	58.713.836.544	85.649.678.230

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cục Phục vụ ngoại giao đoàn	5.521.240	0
Bệnh viện Phổi Hà Nội	0	20.010.860
Doanh Nghiệp Tư nhân Phương anh	26.939.906	26.939.906
Công ty TNHH DVTM Mạnh Hằng	20.255.207	0
Công Ty TNHH Lottle Rent A Car	118.234.900	0
Các đối tượng khác	363.667.713	150.491.283
Tổng	534.618.966	197.442.049

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Thuế GTGT	825.734.799	1.263.667.951
Thuế TNDN	0	339.532.775
Thuế TNCN	31.915.457	95.582.394
Tổng	857.650.257	1.698.783.120

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	273.433.626	236.721.812
Chi phí phải trả khác	490.529.284	417.782.590
Tổng	763.962.910	654.504.402

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	6.354.379.968	4.963.007.959
- Kinh phí công đoàn;	349.596.297	165.366.580
- Bảo hiểm xã hội;	2.029.754	44.091.324
- Bảo hiểm y tế;	223.060	8.185.360
- Bảo hiểm thất nghiệp;	277.667	3.449.951
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	6.002.253.190	4.741.914.744
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>336.465.200</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.875.000.000</i>	<i>1.645.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>3.790.787.990</i>	<i>2.760.449.544</i>
b) Dài hạn	2.927.441.316	2.131.441.316
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.927.441.316	2.131.441.316
Tổng	9.281.821.284	7.094.449.275

(*); Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO - HFC - PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (bên A); Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần PARUS (bên C), Mục tiêu và phạm vi hợp tác: Các Bên đồng ý cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730 m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh của bên B, Thời hạn Hợp đồng 10 năm, Tổng giá trị hợp đồng: 8.066.000.000 đồng, vốn các bên góp như sau:

Bên A góp bằng phần chi phí phân bổ cho 10 năm mà bên A đã đầu tư cho phần xây dựng cửa hàng được các bên thống nhất có giá trị 1.888.000.000 đồng (chiếm 28%)

Bên B góp 3.439.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%

Bên C góp 1.415.000.000 đồng chiếm 21%

Phần còn lại là 1.324.000.000 đồng do bên B chịu trách nhiệm thu xếp và được tính là vay vốn cho Dự án và chi phí lãi vay được trừ vào thu nhập của cửa hàng trước khi phân chia kết quả theo tỷ lệ góp vốn.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn (Bên A hưởng 28%, Bên B hưởng 51% và bên C hưởng 21%) sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định (không bao gồm thuế TNDN). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất khác đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả cho bên A và C phần phân chia lợi nhuận cho bên A không thấp hơn 307 triệu đồng/năm và không thấp hơn 230 triệu đồng/năm cho bên C. Hiệu lực của hợp đồng ngay sau các bên ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.16 Vay và thuê ngắn hạn, dài hạn*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	190.000.000.000	190.000.000.000	175.900.000.000	175.900.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hoàn Kiếm(1)	100.500.000.000	100.500.000.000	86.000.000.000	86.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm(2)	67.000.000.000	67.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội(3)	15.000.000.000	15.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
NH TMCP Ngoại Thương VN	7.000.000.000	7.000.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
b) Vay dài hạn	3.631.680.004	3.631.680.004	5.185.458.000	5.185.458.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB	1.225.780.004	1.225.780.004	1.665.500.000	1.665.500.000
Ngân hàng TMCP Quân đội(4)	770.475.000	770.475.000	1.986.600.000	1.986.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	0	0	1.533.358.000	1.533.358.000
NH hàng TMCP Sài Gòn thương tín (SCB)- Đồng Đô	1.800.000.000	1.800.000.000		
Cộng	193.631.680.004	193.680.004	181.085.458.000	181.085.458.000

- (1) Khoản vay theo HDCVHM số 10/2019-HDCVHM/NHCT122-HFC ngày 06/08/2019, hạn mức vay 120 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- (2) Khoản vay theo HĐTD số 01/4818668/2019/HDTDHM ngày 26/06/2019, hạn mức vay 180 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (3) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24038.19.002.1486666.TD, Hạn mức: 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 03 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng, dầu. Lãi suất được xác định trên từng lần giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội trong từng thời kỳ.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/04/2015, số tiền vay: 603.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi, tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

(5) Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo HĐCVTHM số KH2-190269/HĐCV.HFC hạn mức vay 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	60.899.990.000	999.054.671	1.568.897.894	540.828.193	64.008.770.758
Tăng trong năm	-	248.671.282	4.403.869.088	(5.308.489)	4.398.560.599
Lợi nhuận sau thuế	-	-	4.403.869.088	(5.308.489)	4.398.560.599
Tăng quỹ	-	248.671.282	-	-	248.671.282
Giảm trong năm	-	-	(3.392.342.566)	-	(3.392.342.566)
Trích lập các quỹ	-	-	(497.342.564)	-	(497.342.564)
Lãi liên doanh liên kết	-	-	(1.935.000.000)	-	(1.935.000.000)
Giảm khác	-	-	(960.000.002)	-	(960.000.002)
Số dư tại 31/12/2018	60.899.990.000	1.247.725.953	2.580.424.417	535.519.704	65.263.660.074
Số dư tại 01/01/2019	60.899.990.000	1.247.725.953	2.580.424.417	535.519.704	65.263.660.074
Tăng trong kì	3.653.360.000	29.609.662	4.930.154.172	(104.049.473)	5.248.810.037
Lợi nhuận sau thuế	3.653.360.000	29.609.662	4.930.154.172	(104.049.473)	5.248.810.037
Tăng quỹ	-	(1.247.725.953)	(5.097.223.786)	-	(6.344.949.742)
Giảm trong kì	-	-	(2.691.000.000)	-	(2.691.000.000)
Lãi liên doanh liên kết	-	-	(2.691.000.000)	-	(2.691.000.000)
Giảm quỹ tăng vốn CSH	-	(1.247.725.953)	(2.406.223.789)	-	(3.653.949.742)
Số dư tại 31/12/2019	64.553.350.000	29.609.662	2.354.135.479	431.470.231	64.167.470.369

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Xăng dầu KV I	9.516.150.000	8.977.500.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.972.890.000	5.634.810.000
Các cổ đông khác	49.064.310.000	46.287.680.000
Tổng	64.553.350.000	60.899.990.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	60.899.990.000	60.899.990.000
Vốn góp tăng trong năm	3.653.360.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	64.553.350.000	60.899.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	Năm 2019 Cổ phiếu	Năm 2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.455.335	6.089.999
Cổ phiếu phổ thông	6.455.335	6.089.999
Cổ phiếu quỹ	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP***5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán xăng dầu	2.169.914.070.390	2.271.389.208.732
Doanh thu dịch vụ ăn uống	3.249.652.573	4.509.892.973
Doanh thu vận tải	431.506.472	256.000.260
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa khác	3.439.328.821	2.902.363.641
Cộng:	2.177.034.558.256	2.279.057.465.606

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán xăng dầu	2.066.918.345.421	2.162.934.234.206
Giá vốn dịch vụ ăn uống	1.949.791.544	4.076.325.708
Giá vốn vận tải	302.054.530	205.568.209

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa khác	2.070.078.629	1.724.079.513
Cộng:	2.071.240.270.124	2.168.940.207.636

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	23.261.419	18.355.869
Cộng:	23.261.419	18.355.869

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi vay	13.607.941.923	12.079.297.662
Phí bảo lãnh	1.064.583.336	1.219.010.364
Cộng:	14.672.525.259	13.298.308.026

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.333.190.827	10.523.914.571
Chi phí nhân công	41.946.733.713	47.897.196.682
Khấu hao tài sản cố định	9.114.842.805	8.651.756.684
Thuế, Phí, lệ Phí	394.613.165	309.438.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.102.915.696	23.951.343.622
Chi phí khác bằng tiền	24.570.899.755	29.342.261.848
Cộng:	85.463.195.961	120.675.911.919

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác	1.274.629.380	279.980.738
Nhượng lại cửa hàng kinh doanh		-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	806.000.000	
Cho thuê xe oto		
Thanh lý xe oto	363.636.364	
Thu nhập khác	104.993.016	279.980.738
Chi phí khác	1.924.035.517	833.265.540
Phạt theo biên bản thanh tra, kiểm tra	258.808.042	379.677.906
Giá trị còn lại cửa hàng kinh doanh		-
Chi phí khấu hao xe	323.170.455	352.283.283

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

CP bán thanh lý ô tô	923.431.222	
Chi phí khác	418.625.798	101.304.351
Lợi nhuận khác	(649.406.137)	(553.284.801)

5.24 Chi phí thuế TNDN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.032.422.195	6.779.735.965
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	532.784.356	699.944.474
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	2.691.000.000	3.074.833.000
Thu nhập chịu thuế	2.874.206.551	4.404.847.439
Thuế suất hiện hành		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	206.317.495	1.067.769.397
Thuế TNDN phải nộp theo Quyết định của cơ quan thuế		1.313.405.968
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	206.317.495	2.381.175.365

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4

Tài sản chính	31/12/2019	01/01/2019
Tiền các khoản tương đương tiền	14.343.095.343	21.990.604.423
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.104.779.950	199.766.615.173
Tổng	202.447.875.293	221.757.219.596

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Người lập

Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH
CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 21 TỶ ĐỒNG LÊN 60,89 TỶ ĐỒNG
ĐẾN NGÀY 30/06/2019
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Hà Nội, tháng 8 năm 2019

MỤC LỤC

BẢN SAO

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH	9-11



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 của Công ty ("Báo cáo kết quả phát hành") đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được Cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 7 năm 2018.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION.

Tên viết tắt là: HFC.,CORP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Phi Thái	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Hậu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2019

Số. 623/2019/BCKT-BCV/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 5 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 11, bao gồm Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 ("Báo cáo phát hành cổ phiếu") và thuyết minh Báo cáo kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo phát hành cổ phiếu của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo phát hành cổ phiếu và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo phát hành cổ phiếu không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo phát hành cổ phiếu dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo phát hành cổ phiếu của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo phát hành cổ phiếu. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo phát hành cổ phiếu trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo phát hành cổ phiếu.

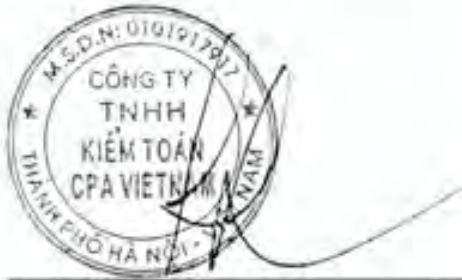
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tăng vốn góp của chủ sở hữu và cổ phiếu phát hành của Công ty trong cùng kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề khác

Báo cáo phát hành cổ phiếu được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT
 Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
 Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
 Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
 Số chứng thực: 4150... số: 02 SGT/BS
 NGÀY: 09-08-2019



PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Xuân Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng
đến ngày 30/06/2019.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 21 TỶ ĐỒNG LÊN 60,89 TỶ ĐỒNG ĐẾN NGÀY 30/06/2019**

Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1. Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

TT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
2	Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
4	Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	: 3.990.000 cổ phiếu
	Trong đó:	
	<i>Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức</i>	<i>: 672.000 cổ phiếu</i>
	<i>Số lượng cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu</i>	<i>: 1.113.000 cổ phiếu</i>
	<i>Số lượng cổ phiếu chào bán theo chương trình ESOP</i>	<i>: 105.000 cổ phiếu</i>
	<i>Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:</i>	<i>: 2.100.000 cổ phiếu</i>
5	Tổng số vốn cần huy động	: 22.050.000.000 đồng
6	Ngày phát hành	: 24/01/2017
7	Ngày bắt đầu chào bán	: 24/01/2017
8	Ngày kết thúc chào bán	: 10/03/2017
9	Giá chào bán ra công chúng	: 10.000 đồng/cổ phiếu
10	Đối tượng chào bán	: Chào bán cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong doanh nghiệp.
12	Ngày thanh toán tiền mua cổ phiếu	: từ ngày 24/01/2017 đến ngày 10/03/2017
13	Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu	: tháng 3/2017
14	Tổng số cổ phiếu đã bán	: 2.100.000 cổ phiếu

2. Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:

-	Số lượng cổ phiếu chào bán	: 3.990.000 cổ phiếu
	Số lượng cổ phiếu đã phân phối	: 3.989.999 cổ phiếu
	Trong đó	
-	Cổ tức bằng cổ phiếu	: 672.000 cổ phiếu
-	Cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn CSH	: 1.112.999 cổ phiếu
-	Cổ phiếu phát hành để bán:	: 2.205.000 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019.

- Giá bán : 10.000 đồng/CP
- Thành tiền : 22.050.000.000 đồng

Trong đó:

- + Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 22.050.000.000 đồng
- Chi phí trả Trung tâm lưu ký : 1.100.000 đồng
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán : 22.048.900.000 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ không trăm bốn mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Kế hoạch sử dụng vốn theo phương án phát hành:

- Căn cứ Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua ngày 23/04/2016;
- Căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐQT ngày 25/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
- Căn cứ vào báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/2017/BC/HFC-HĐQT ngày 10/03/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
- Công văn 1417/UBCK-QLCB ngày 20/03/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xác nhận số chứng khoán đã phân phối 3.989.999 cổ phiếu.

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành như sau:

Theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐQT ngày 25/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC phương án sử dụng vốn dự kiến như sau:

TT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến
1	Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Tam Hiệp diện tích 4.100 m ²	7.094.000.000	Quý 4/2016 đến Quý 1/2017
2	Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu tại huyện Đan Phượng diện tích 3.300 m ²	14.956.000.000	Quý 4/2016 đến Quý 1/2017
Tổng cộng:		22.050.000.000	

Căn cứ theo:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 18/2019/NQ/HFC-HĐQT ngày 13/04/2019 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Quyết định của Hội đồng Quản trị số 41/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 25/07/2019, phương án sử dụng vốn dự kiến như sau:

TT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Tam Hiệp diện tích 4.100 m ²	10.148.734.056
2	Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu tại huyện Đan Phượng diện tích 3.300 m ²	6.360.757.582

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng
đến ngày 30/06/2019.

3	Chi trả vốn vay tại Ngân hàng BIDV Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng 01/4818668/2019/HĐTDHM với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm chi tiết theo khế ước nhận nợ cụ thể như sau: Số khế ước 09 – Số tiền vay 20 tỷ đồng – Ngày đến hạn 23/08/2019.	5.540.508.362
Tổng cộng:		22.050.000.000

Lí do thay đổi: căn cứ vào tình hình thực tế dự án đầu tư của hàng xăng dầu tại Đan Phượng có tiến độ kéo dài hơn tiến độ ban đầu và tình hình mất cân đối nguồn vốn, trong khi Công ty có một khoản vốn nhàn rỗi khi vẫn phải thực hiện vay ngắn hạn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Do vậy sử dụng số tiền còn lại thu được từ đợt chào bán cho việc giảm nợ phải trả; sử dụng vốn tự có hoặc vốn vay ngắn hạn và dài hạn trong thời gian qua để bù đắp các chi phí phát sinh trong quá trình triển khai dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

4. Báo cáo kết quả phát hành:

- Công văn 1417/UBCK-QLCB ngày 20/03/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xác nhận số chứng khoán đã phân phối 3.989.999 cổ phiếu.
- Căn cứ vào báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/2017/BC/HFC-HĐQT ngày 10/03/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
- Căn cứ tình hình thực tế, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu, Công ty đã sử dụng như sau:

TT	Mục đích	Số tiền đã sử dụng (đồng)
1	Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Tam Hiệp diện tích 4.100 m ²	10.148.734.056
2	Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu tại huyện Đan Phượng diện tích 3.300 m ²	6.360.757.582
3	Chi trả vốn vay tại Ngân hàng BIDV Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng 01/4818668/2019/HĐTDHM với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm.	5.540.508.362
Tổng cộng:		22.050.000.000

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng
đến ngày 30/06/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, (viết tắt là HFC., CORP).

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM. Mã cổ phiếu: HFC

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến thời điểm hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng, như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ
Công ty Xăng dầu Khu vực I	897.750	8.977.500.000	14,74%
Ông Nguyễn Trọng Hậu	563.481	5.634.810.000	9,25%
Các cổ đông khác	4.628.768	46.287.680.000	76,01%
Tổng cộng	6.089.999	60.899.990.000	100,00%

1.2 Ngành nghề và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hòa
 - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019.

1.2 Ngành nghề và hoạt động kinh doanh chính (tiếp theo)

- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
 - Khách sạn;
 - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự
- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:
 - Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
 - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết:
 - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Đại lý bảo hiểm./.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 21 TỶ ĐỒNG LÊN 60,89 TỶ ĐỒNG ĐẾN NGÀY 30/06/2019.

Cơ sở lập Báo cáo kết quả phát hành

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo kết quả phát hành.

Kỳ báo cáo

Báo cáo kết quả phát hành được lập cho việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 60,89 tỷ đồng đến ngày 30/06/2019 của Công ty chỉ được sử dụng để Báo cáo kết quả phát hành theo phương án tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2016 về việc triển khai phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, không mở rộng ra cho toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo kết quả phát hành này được lập để giúp Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác./.

4. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo kết quả phát hành đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo kết quả phát hành này.

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu